

VĂN HỌC (mặt bìa) phát hành năm 1967

- Nhìn lại tờ báo và người viết / 1
Đỗ Trí Châu : Tự do báo chí và quyền biên hộ / 7
John Tebbel: Quyền chỉ trích của báo chí... /17
Thanh Lãng: “người 67 nhìn vào phê bình 67” /20
Vũ Bằng: báo chí Bắc Việt từ 1934 đến 1954 /36
Vũ Bằng: các nhà báo nổi tiếng ở bắc việt và
làm tin ra sao ? /57
Văn học: Vấn đề của chúng ta /80
thơ Huỳnh hữu Ủy, Luân Hoán, Trang Châu,
Hoàng Lộc, Lê thị Hàn /83
Arthur Miller: Sau khi ngã (kịch) /90
Dương Nghiễm Mậu: Con mắt đá đen (truyện dài) /98
Giới thiệu những tác phẩm thời đại /108
Chân trời văn học /122



nhìn lại tờ báo và người viết

TỰ DO BÁO CHÍ một đề tài đã mất nhiều thời gian, tốn nhiều giấy mực và đồ nhiều mồ hôi và cả máu của bao nhiêu người cầm bút, nhưng tự do ngôn luận vẫn không được ai công nhận và hoặc thi hành.

Máu của những chiến sĩ cầm bút đã đổ quá nhiều để tranh đấu cho quyền tự do ngôn luận, nghĩa là tranh đấu cho lẽ phải công bình xã hội. Nhưng trải qua bao đời thay bao chế độ, người cầm bút vẫn bị bóp chết, phương tiện phổ biến văn hóa vẫn bị hạn chế.

Nay nhân dịp một tân Hiến pháp của Đệ nhị Cộng hòa Việt Nam vừa ban hành trong trong chương thứ II điều 18 câu:

«1. — Quốc gia tôn trọng tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, báo chí và xuất bản, miễn là sự hành xử các quyền này không phương hại đến danh dự cá nhân, an ninh quốc phòng hay thuần phong mỹ tục.

2. — Chế độ kiểm duyệt không được chấp nhận, ngoại trừ các bộ môn điện ảnh và kịch trường.

3.— Đạo luật sẽ ấn định qui chế báo chí ».

Như trên quyền tự do ngôn luận của mọi công dân được bảo đảm, và nay mai một quy chế báo chí cũng sắp được ban hành chúng tôi tin tưởng báo chí nước nhà sẽ tươi sáng hơn và, quyền tự do ngôn luận của mọi người cũng sẽ được bảo đảm. Hoàn cảnh này chúng tôi thực hiện số báo đặc biệt về TỜ BÁO và NGƯỜI VIẾT để nhìn lại quãng đường mà chúng ta đã gian nan bước qua gần một thế kỷ.

Như bạn đọc đã biết, bốn chữ TỰ DO BÁO CHÍ là bốn chữ sơn son thiếp vàng mà một chính phủ nào khi mới lãnh đạo guồng máy quốc gia cũng tuyên bố để gây tin tưởng trong quốc dân. Ngay từ thời Pháp đô hộ Việt Nam, hơn 100 năm chính phủ bảo hộ Pháp cũng không dám triệt để cấm tự do báo chí. Dưới thời Pháp thuộc nước ta vẫn có những cơ yếu nghề, vì nước và chỉ muốn nói lên nguyện vọng của toàn dân. Những người cầm bút trong giai đoạn bị trị tuy không được hoàn toàn tự do viết những ý kiến chân thành, nhưng họ vẫn có những lối viết thật kín đáo che mắt nhà cầm quyền bảo hộ. Và vẫn có những tiểu thuyết, phóng sự phơi bày những tệ đoan, những bất công trong xã hội Việt Nam mà những ông tây bà đầm thực dân, những bọn quan lại đang ngày đêm đè nặng lên đầu lên cổ lớp lao động chúng ta. Và thỉnh thoảng chúng ta vẫn được đọc những tờ báo ấn hành bằng thạch bản với vài trang giấy lén lút phát hành bằng lòng yêu nước của người Việt trong giai đoạn bị trị. Và cũng đây hoặc bị thủ tiêu vì những tờ báo và những bài viết trên.

Cho đến năm 1954 người Pháp đã phải rời Việt Nam vì một chiến bại Điện Biên Phủ hay đúng hơn một chiến sách có đề vịnh biệt mộng xâm lăng. Kể tiếp chủ quyền Việt Nam được trao trả cho người Việt Nam. Một chính phủ thực sự do những người quốc gia lãnh đạo và ông Ngô đình Diệm làm

Thủ tướng rồi làm Tổng Thống. Một Đệ nhất Cộng hòa Việt Nam được thành hình, một bản Hiến Pháp nội dung rất đầy đủ và đẹp đẽ được ban hành. Trong bản Hiến pháp này thiên thứ II điều 16 cũng không quên nhắc đến quyền tự do ngôn luận như sau :

« 16.— Mọi người dân có quyền tự do ngôn luận, quyền này không được dùng để vu cáo, phỉ báng, xâm phạm đến nền đạo lý công cộng, hô hào nổi loạn, hoặc lật đổ chính thể Cộng hòa.

Mọi người dân đều được hưởng quyền tự do báo chí để tạo thành một dư luận xác thực và xây dựng mà Quốc gia có nhiệm vụ bảo vệ chống lại mọi hình vi xuyên tạc sự thực ».

Và thiên thứ mười, Điều 98 câu « Trong nhiệm kỳ lập pháp đầu tiên Tổng Thống có thể tạm đình chỉ sự xử dụng những quyền tự do đi lại và cư ngụ, tự do ngôn luận và báo chí, tự do hội họp và lập hội, tự do nghiệp đoàn và đình công để thỏa mãn những đòi hỏi dịch đáng của an toàn chung, trật tự công cộng và Quốc phòng ».

Bản Hiến pháp được ban hành và một chế độ dân chủ được mặc nhiên công nhận. Nhưng buồn thay quyền tự do báo chí vẫn không sáng xưa gì hơn thời gian bị trị. Những tờ báo được xuất bản thì đa số là của cơ quan chính quyền hay tay chân của chính quyền đương thời chủ trương, họa may có một vài tờ báo của tư nhân của những người viết thực tâm yêu nước xây dựng quốc gia thì những tờ báo này ngày một bị đóng cửa người viết bị cầm tù hoặc bị thủ tiêu dần dần. Trong làng báo công an mật vụ nhiều hơn ký giả.

Tiếng nói chân thành của con người vẫn là tiếng nói đập đổ mọi bất công. Ngày 1-11-1953 chế độ độc tài phong kiến đã sụp đổ. Đệ nhất Cộng hòa Việt Nam cáo chung theo bản Hiến pháp.

Máu đã đổ cho ngày 1-11 toàn dân hy vọng một tài chế độ dân chủ mới sẽ kế tiếp và quyền tự do ngôn luận của mọi người được bảo đảm thực sự. Nhưng buồn thay, những chính phủ kế tiếp đã không hoàn thành được sứ mạng mà toàn dân giao phó, quyền tự do ngôn luận vẫn...

Và những chính phủ kế tiếp ngày 1-11 lần lần bị thay thế. Cho đến hai năm gần đây một chính phủ quân nhân được giao phó lãnh đạo quốc gia giữa lúc đất nước đang bị phân hóa trầm trọng. Quyền tự do ngôn luận được chính phủ bằng thần tuyên bố hạo chế vì tình trạng đất nước đang trong hoàn cảnh chiến tranh, những tin tức quốc phòng phải được giữ bí mật, những tuyên truyền chính trị cần được ngăn cấm. Vì tình trạng đất nước quá phân hóa như trên, mà Cộng sản thì mỗi ngày một bành chướng nên trong giai đoạn vừa qua chúng ta cũng có thể tạm quên vấn đề tự do ngôn luận.

Hầu phương hiện tại đã tạm yên hồi an ninh, một Quốc Hội của Đế nhị Cộng hòa đã được thành hình, một tân Hiến Pháp đã được chính phủ ban hành.

Nhưng không phải vì những xáo trộn trên mà những người cầm bút khoan tay bó gối. Trong thời gian xáo trộn từ 63 đến 66 chúng ta vẫn thấy và đọc được những tờ báo truyền tay tổ cáo những lớp ngời phong kiến của chế độ cũ còn lại, một thiểu số... xuất hiện sau ngày 23-4-68. Mang, một bọn đầu cơ trục lợi hại dân phản quốc, một lớp chính khách xôi thịt đang lộ dạng sau hậu trường sân khấu chính trị, một lớp tu sĩ lợi dụng tín ngưỡng để đưa đến chính trị vào giáo đường và chùa chiền, một lớp sinh viên thanh niên có mộng tham chính làm lãnh tụ đưa chính trị vào học đường để gây xáo trộn. Những tố cáo trên nhiều người đã phấn khởi và tin tưởng tiếng nói của những người cầm bút sẽ còn phương tiện và hoàn cảnh để thực sự dẫn thân tranh đấu cho đất nước và đồng bào.

Ngày hôm nay bầu trời Miền Nam đã lộ dạng bình minh. Những tu sĩ đã trở về giáo đường, đề nguyện cầu cho quốc thái dân an, những lãnh tụ xôi thịt đã biến dạng vì đồng bào.

đã vạch mặt chỉ tên những lớp người trên.

Chúng ta cũng hy vọng và tin tưởng rất nhiều vào những ngày sắp tới nhiều tiếng nói xuất hiện, và quyền tự do ngôn luận của người dân được bảo đảm, chế độ công an mật vụ báo chí sẽ không bao giờ còn trong lòng báo và người viết.

Trong số báo này, một chủ đề TỜ BÁO VÀ NGƯỜI VIẾT chúng tôi chỉ giới thiệu một đại ý kiến thật khách quan của những người đã có nhiều liên hệ đến quyền tự do ngôn luận, như Luật sư Hồ Tri Châu trong bài TỰ DO BÁO CHÍ VÀ QUYỀN BIỆN HỘ mà tác giả muốn nhắc lại một vài sắc luật đã công nhận quyền tự do ngôn luận hay đúng hơn quyền tự do báo chí và quyền bảo đảm người viết mỗi khi bị đưa ra trước pháp luật. Và tác giả đã cam kết nếu trong một chế độ có tự do dân chủ thực thi quyền tự do báo chí và quyền biện hộ cho người viết được bảo đảm chắc chắn. Và nhìn lại tờ báo người viết ai là người có quyền phê bình tờ báo? Chúng tôi xin nhường lời cho ký giả John Tebbel đã nhận định tóm tắt trong bài QUYỀN CHỈ TRÍCH BÁO CHÍ VÀ VẤN ĐỀ AI CÓ QUYỀN PHÊ BÌNH BÁO CHÍ. Cũng như giáo sư Thanh Lăng là nhà văn hóa đã nhiều công nghiên cứu về văn học sẽ trình bày những ý kiến trong bài NGƯỜI 67 NHÌN VÀO PHÊ BÌNH 67. Trong bài này tác giả đã vô tư nhìn vào thực trạng báo chí nước nhà trong giai đoạn hiện tại và hy vọng những tờ báo hiện tại sau này sẽ làm được nhiều lợi ích cho kho tàng văn hóa Việt Nam. Học hỏi vẫn là kinh nghiệm cho những người cầm bút, nên chúng tôi muốn nhìn lại quãng đường báo chí nước nhà trong quá khứ từ năm 1934 đến 1945 cũng những hoàn cảnh và phương tiện xuất bản nghèo nàn nhỏ hẹp của làng báo Việt, chúng tôi xin giới thiệu nhà văn kiêm nhà báo Vũ Bằng sẽ gửi đến bạn đọc hai đại hồi ký rất công phu trong tiền đề: BÁO CHÍ BẮC VIỆT TỪ NĂM 1934 ĐẾN 1945 và CÁC NHÀ BÁO NỔI TIẾNG Ở BẮC VIỆT VIẾT BÀI VÀ LÀM TIN RA SAO. Tác giả Vũ Bằng là một ký giả tên tuổi và ông cũng đã sống trong nghề báo hơn 30 năm

nên chúng tôi tin tưởng bạn đọc sẽ thấy rõ vinh nhục của người làm báo như thế nào.

Phần cuối cùng của chủ đề số báo này, chúng tôi đã cố gắng giới thiệu những tin tức sinh hoạt liên quan đến báo chí trong và ngoài nước để bạn đọc có thêm những tài liệu theo dõi sinh hoạt báo chí hiện nay.

Sau phần trình bày về đề tài TỜ BÁO VÀ NGƯỜI VIẾT, xin mời bạn thưởng thức những sáng tác văn nghệ tươi mát mà những tác giả quen biết trong Văn Học sẽ gửi đến bạn đọc trong số báo này.

P. VĨNH-LỘC

tự do báo chí và quyền biện hộ

HỒ TRÍ CHÂU

L.T.S: Trong sinh hoạt họp mặt hàng tháng của Hội Chủ báo Việt Nam, ngày 15-3-1967 Luật sư Hồ trí Châu đã nhận lời mời tới dự buổi họp mặt và Luật sư Hồ trí Châu đã trình bày một câu chuyện văn hóa bằng đề tài: Tự do báo chí và quyền biện hộ.

Một đề tài rất hữu ích cho làng báo nước nhà, và cũng là một tài liệu quý giá mà Luật sư Hồ trí Châu đã dành để gửi đến giới cầm bút chúng ta hiện nay. Tương cũng nên nhắc lại, hiện nay Luật sư Hồ trí Châu là Chủ tịch Luật sư đoàn Saigon và, cũng là một vị luật gia tên tuổi được nhiều cảm mến trong mọi giới.

Dưới đây là bài nói chuyện của Luật sư Hồ trí Châu mà chúng tôi hân hạnh xin đăng trọn đề gửi đến bạn đọc không ngoài chủ đề số báo này.

VĂN HỌC

Sự liên quan của hai vấn đề có thể được nhận thấy dễ dàng khi chúng ta đứng dưới khía cạnh sau đây.

Tự do báo chí ở trong tự do ngôn luận là một tự do căn bản của con người sống trong xã hội tự do.

Cũng như mọi sự tự do dân chủ khác trong lịch sử tranh đấu của loài người, phải trải bao nhiêu thời gian tranh đấu rất khó khăn người ta mới đoạt được quyền tự do ngôn luận.

Và trong mọi xã hội văn minh sự tự do ngôn luận được thể hiện dưới hình thức là thông tin bằng báo chí.

Báo chí do đó trở thành một lực lượng lớn lao trong xã hội mà chánh quyền phải kể đến.

Vì báo chí là một « lực lượng » (puissance) cho nên chánh quyền dù dưới thể chế nào, dân chủ hay độc tài, luôn luôn tìm cách kiềm chế báo chí để dễ bề hướng chuyển dư luận theo một chiều lợi cho mình.

Do đó người cầm bút có thể bị đàn áp cho nên sự bảo chữa do luật sư đảm đương là một sự cần thiết mỗi khi có đàn áp.

Dưới một khía cạnh khác sự liên quan giữa người viết báo và người luật sư cũng có thể nhận thấy được rõ ràng. là người viết báo trên nguyên tắc có nhiệm vụ giúp sự điều hành công lý bằng cách phổ biến các sự kiện vật chất của một vụ kiện và phê bình khách quan những bản án của nền Tư Pháp để cho công luận biết rõ Tòa án xử một cách thông minh hay là thiên vị chánh quyền để che đậy những bất công có thể xảy ra.

Trong nhiệm vụ này nhà báo có thể là những kẻ hợp tác với luật sư để bảo vệ công lý.

Bên Pháp vừa rồi trong vụ án BEN BARKA luật sư Jean Marc BARRAUT đã trách chánh quyền không để cho báo chí làm hết nhiệm vụ của họ, vì chánh quyền muốn có một bản án xử theo chỉ thị của họ.

Như vậy chúng ta có thể nói rằng giữa hai Đoàn thể chúng ta vẫn có những liên quan quan trọng.

Vì vậy sau khi nói về tự do báo chí rồi tôi sẽ nói đến quyền tự do bào chữa của luật sư, quyền mà người ta có thể xem như là một bảo đảm của mọi quyền tự do dân chủ khác.

Trước khi vào đề tôi xin mở một dấu ngoặc.

Có người nói rằng kể từ ngày 1-4-1967 Tân Hiến Pháp của nước Cộng Hòa Việt Nam đã được ban hành.

Trong Hiến pháp các quyền tự do biên hộ và tự do ngôn luận đã được ban bố nơi các điều 7 và 12, như vậy ngày hôm nay nói đến các sự tự do này là làm một việc thừa.

Lời bình nghị trên đây trên bình diện lý thuyết rất là đúng, nhưng trong thực tế người ta có thể nói rằng những bản văn không đủ để thiết lập một xã hội thật tình dân chủ.

Tôi quan niệm rằng một xã hội dân chủ chỉ được thực hiện trong thực tế là khi nào các người lãnh đạo thật tình muốn dân chủ xir sở của mình, và các người công dân trong nước phải có tinh thần dân chủ nghĩa là hiểu biết rõ ràng quyền lợi chung của Quốc Gia và quyền lợi riêng của mỗi cá nhân và sau khi hiểu biết các quyền lợi nói trên chấp nhận được cai trị một cách dân chủ.

Chúng ta đứng về phía những công dân được hưởng các tự do đã ban bố, chúng ta phải xem xét kỹ lưỡng các quyền hành này để biết rõ giới hạn của nó, hầu có thể sử dụng quyền của mình trong giới hạn luật định và bảo vệ quyền hạn của ta nếu nó bị xâm phạm.

Bởi thế ngày hôm nay nói đến quyền tự do báo chí và quyền tự do bào chữa là hai quyền hành của hai Đoàn thể chúng ta, chúng ta làm một việc hợp thời.

Quyền tự do báo chí nằm trong phạm vi quyền tự do ngôn luận và quyền tự do ngôn luận căn cứ trên sự tôn trọng phẩm giá con người.

Quyền tự do ngôn luận thuộc đời sống về tinh thần, ở trong tâm hồn con người ta, và đó mới là đời sống thâm huyền thật sự của con người trái lại với đời sống vật chất bên ngoài.

Do đó mà người ta có thể nói quyền tự do ngôn luận là một trong những quyền tự do cốt yếu cho đời sống tinh thần của nhân loại, trong lúc các quyền hành khác chỉ bảo đảm cho sự tự do hành động vật chất mà thôi.

Ngày nay trong mọi xã hội tự do, người ta đều công nhận rằng quyền tự do ngôn luận là một yếu tố căn bản của chế độ dân chủ.

Người ta không thể quan niệm được sự bầu cử tự do trong lúc không có tự do báo chí.

Trong thời đại này báo chí được tự do và hiểu biết trách nhiệm của mình là một phương thế hữu hiệu để thông tin và hướng dẫn công luận đồng thời trợ giúp chánh quyền vì báo chí phản chiếu đời sống dân chúng.

Sự bần cãi và sự chỉ trích công khai hiện nay đóng một vai tưởng chủ yếu trong đời sống của một nước dân chủ, nhất là một nước đang tự xây dựng nền dân chủ như nước ta.

Vì vậy mà những kẻ nào muốn phá hoại nền dân chủ hay muốn cho nền dân chủ không được thể hiện, thì bắt đầu họ cấm các báo hay là mua chuộc các báo.

Các nhà độc tài dù ở bên tả hay ở bên hữu cũng đều xử dụng những phương pháp thông thường kể trên.

Tuy nhiên dầu là ở dưới chế độ dân chủ với quyền tự do ngôn luận được ghi trong bản Hiến pháp đi nữa, thì quyền tự do này cũng phải bị qui định, vì tự do không phải là phóng túng.

Không có một nước nào nhìn nhận cho Báo chí quyền tuyệt đối muốn nói gì thì nói bất kể đến thanh danh của các công dân và sự an ninh của Quốc Gia.

Thật ra trong mọi vấn đề chúng ta cần phải phân tách quyền của người công dân và sự sử dụng của quyền này tức là «le droit» và sự sử dụng quyền tức là «l'exercice du droit»

Trong việc sử dụng quyền tự do ngôn luận, nhà lập pháp có quyền và có bổn phận phải qui định và giới hạn quyền này nhằm mục đích bảo vệ thanh danh cá nhân của mọi công dân và sự ích lợi chung cho toàn thể dân chúng việc mà mọi nước văn minh hiện nay đều có làm như là đạo luật ngày 29-7-1881 ở Pháp hiện đang được áp dụng một phần nào ở Việt Nam.

Điều 12 của Hiến Pháp mới chúng ta sau khi công nhận sự tự do báo chí có dự định rằng một đạo luật sắp được thành lập.

Vấn đề sẽ đặt ra cho nhà lập pháp lúc làm đạo Luật nói trên là giới hạn của sự tự do báo chí và cơ quan nào sẽ kiểm soát và xử phạt các vi phạm.

Trong việc tìm giới hạn cho sự tự do ngôn luận nhà lập pháp phải căn cứ trên tiêu chuẩn sau đây :

Mục tiêu của tự do báo chí không phải là để bảo đảm quyền lợi của các chủ báo hay giúp ích cho các nhà cầm bút mà là để bảo vệ quyền lợi của người công dân bằng cách đăng tải trên mặt báo những sự thật, những tin đáng được đăng và cần ích để cho dân chúng biết quyền lợi chung của Quốc Gia có được Chánh phủ quản trị một cách hoàn hảo hay không.

Tự do báo chí là phương thể duy nhất để thông tin cho dân chúng biết những sự việc trong nước và ngoài nước với những chú giải thích đáng của các sự việc ấy.

Nếu không có tự do báo chí các Chánh phủ chỉ sẽ cho dân chúng biết những tin tức dưới một hình thức lợi cho Chánh phủ do đó người công dân sẽ không bao giờ biết được sự thật để bảo vệ quyền lợi của mình.

Với tiêu chuẩn nói trên nhà lập pháp có thể gạch lần mực cho quyền tự do báo chí như sau: người viết báo có nhiệm vụ thông tin một cách tự do, nhưng dự tự do này không phải là một sự phóng túng, vì nó bị giới hạn bởi sự thuần phong mỹ tục bởi ban hành dự của người công dân, và sự trật tự và an ninh của xã hội.

Một vấn đề phức tạp đã được đặt ra là vấn đề danh dự cá nhân của người công dân.

Áp dụng đạo luật ngày 29.7.1881 các Tòa án bên Pháp cũng như ở Việt Nam sẽ có dịp định danh tội trạng ly mạ và phỉ báng.

Trong khuôn khổ của tôi không thể bàn một cách rộng rãi về vấn đề này.

Tôi chỉ phác họa sơ như sau:

Điều 29 Luật ngày 29.7.1881 đã định danh như sau hai tội trạng thông thường về báo chí là tội phỉ báng (diffamation) và tội ly mạ (injure).

Phạm tội phỉ báng khi nào bài báo nói phạm ố, danh dự (honneur) sự kính nể (considération) của người công dân.

Phạm tội ly mạ khi nào bài báo chứa đựng mọi lời lẽ lăng nhục (expression outrageante).

Nhưng trong thực tế thì thật là rất khó lòng xác định yếu tố của tội trạng. Thế nào là phỉ báng thế nào là ly mạ, đó là một vấn đề rất tế nhị, và người cầm bút khó lòng biết rõ được đâu là phạm vi trong đó tự do hành động và đâu là phạm vi mà nhà nước nhân danh «đạo lý» đã làm thành ra cấm địa.

Tất cả vấn đề là nhận xét tùy theo trường hợp tùy theo thời thế và cũng có lúc tùy theo tánh tình của nạn nhân.

Người ta còn kể chuyện lại, ngày xưa bên Pháp nhà đại văn hào Chateaubriand đã công khai phỉ báng Ông Thủ Tướng DECAZE dưới trào vua Louis XVIII như sau mà không bị truy tố.

Nhân vụ Ông Hoàng « Duc de BERRY » giòng dõi nhà Bourbon bị một tên cường tin ám sát, vào hào Chateaubriand ở bên phe đối lập đã phao vu Ông DECAZE nhúng tay vô vụ này bằng câu văn: « Les pieds lui glissèrent dans le sans ». Nhưng nhờ màu sắc rực rỡ của thể văn, việc Ông DECAZE là một chánh trị gia ham chuộng văn chương nên Ông CHATEAUBRIAND không bị truy tố trước Tòa.

Các án lệ trước Tòa bên Pháp đã cho ta thấy rõ những biệt tài của nhà cầm bút phổ trương tất cả sự khéo léo của họ để biếm nhẽ nhạo báng kẻ khác mà tránh được sự phạm tội.

Hai nữa các án lệ cũng cho ta thấy rõ sự thay đổi từ thái cực này đến thái cực bên kia của Tòa án trong việc nhận định tội trạng báo chí.

Lúc thì Tòa án tha bổng một người láng giềng này mắng một người láng giềng khác bằng câu: « Chef de la réaction ».

Lúc thì Tòa lại phạt về tội ly mạ một người đã dùng danh từ « tenancier de banque » để trách cứ một kẻ đã thật sự đã làm chủ Ngân Hàng.

Tòa án bên Pháp cho rằng trong lúc bầu cử, các ứng cử viên hăng say vận động không có ý định phỉ báng đối phương.

Trong trường hợp này Tòa pháp án Pháp đã đặt quyền lợi chung của quốc gia trên quyền lợi riêng tư của mỗi cá nhân.

Do đó nhà báo có quyền phỉ báng nhục mạ tư nhân mà không phạm tội vì lý do là việc làm này ích lợi chung.

Nhân việc tòa pháp án Pháp đã xét xử như trên trong những vi phạm luật lệ báo chí trong lúc vận động tuyển cử

QUAN BAN THẢO

tôi thiết nghĩ nên khai quát vấn đề đối với mọi hành động của báo chí nhằm mục đích bênh vực quyền lợi công cộng của toàn thể dân chúng.

Vấn đề đó có thể được đặt ra một cách tổng quát như sau :

Mỗi khi báo chí hành động nhằm mục đích cao cả kể trên thì có cần phải cho nhà cầm bút được hưởng quyền đặc miễn như quyền đặc miễn của luật sư bào chữa cho thân chủ trước tòa hay không nói một cách khác nếu một ký giả viết bài báo đề bênh vực quyền lợi công cộng (intérêt du Public) thì y có thể phải báng lý mà một tư nhân mà không vi phạm một hành vi báo chí hay không.

Hiện nay trên thế giới quan niệm cho nhà báo được đặc miễn vì lý do bênh vực quyền lợi công cộng hình như được nhiều nước chấp nhận.

Bên Thụy-Sĩ án lệnh Tòa án vẫn hưởng về quan niệm cho đặc miễn.

Bên Pháp như đã nói trên, quan niệm này chỉ đặc biệt được áp dụng cho những cuộc vận động tuyển cử.

Bên Việt-Nam tôi chưa được thấy một bản án nào áp dụng cho nhà báo được đặc miễn nói trên.

Theo tôi thì vấn đề này là một vấn đề quan trọng cần cho nhà lập pháp phải quan tâm đến.

Nước ta đang lúc tự xây dựng nền dân chủ.

Dầu muốn hay dầu không muốn báo chí trong công việc này phải đóng vai tuồng tối quan trọng của họ và phải nhận lãnh trọng trách nhiệm của họ đối với dân tộc.

Vì vậy mà nhà lập pháp không thể không cho họ đóng vai tuồng của họ mà cũng không thể giúp cho họ trốn trách nhiệm.

Tôi thiết tưởng nhà lập pháp lúc soạn thảo đạo luật thiết lập qui chế báo chí, nên khảo xét kỹ lưỡng vấn đề về

nhiệm vụ đặc biệt của báo chí trong việc bênh vực quyền lợi công cộng.

Các ví dụ trên chứng tỏ rằng việc định ranh giới cho tự do báo chí rất tế nhị.



Bây giờ tôi bước sang vấn đề thứ hai là vấn đề cơ quan kiểm soát và trừng phạt các vi phạm luật báo chí.

Trong các nước dân chủ mọi vi phạm luật lệ báo chí do Tòa án độc lập và vô tư xét xử.

Chính lúc ấy là lúc mà báo chí phải nhờ đến luật sư trợ giúp và sự liên lạc của hai nghề [sẽ được thực hiện một cách cụ thể trong lúc này.

Nhưng ngoài Tòa án ra thì nhiều Chính phủ trong thế giới thường thường còn lập ra một cơ quan khác để kiểm soát quyền tự do báo chí ấy là cơ quan kiểm duyệt.

Với một Tòa án độc lập và khách quan nếu có sự bảo chữa do luật sư đảm nhiệm, quyền tự do báo chí sẽ được bảo đảm, nhưng trái lại với một cơ quan kiểm duyệt thì sự lạm quyền có thể xảy ra dễ dàng.

Lấy cơ là bảo vệ quyền lợi công cộng, trong thực tế người ta có thể xóa bỏ quyền tự do báo chí. Vì quyền lợi công cộng có lắm lúc bị đồng hóa với quyền lợi cá nhân của kẻ đang nắm chánh quyền.

Điều 12 của Hiến-pháp đã nói rõ ràng chế độ kiểm duyệt không được chấp thuận ngoại trừ các bộ môn điệu ảnh và kịch trường.

Như vậy là với tân Hiến-pháp báo chí sẽ không bị kiểm duyệt mà chỉ còn có Tòa-án là cơ quan duy nhất để kiểm duyệt và trừng phạt các vi phạm luật báo chí,

Đó là một điều đáng mừng cho Quý đoàn thể và tôi mong rằng Hiến-pháp sẽ được áp dụng triệt để.

Trước khi chấm dứt vấn đề tự do báo chí tôi còn cần phải nói thêm rằng nghề làm báo là một nghề tự do.

Và cũng như mọi nghề tự do khác trong đó có cả nghề luật-sư, quý đoàn thể, ngoài sự qui định của luật lệ, cũng đã tự tạo lập ra những qui tắc về trách nhiệm nghề nghiệp (normes de responsabilité professionnelle) mà mỗi đoàn viên tự mình buộc mình phải tôn trọng.

Nhiều nước trên thế giới hôm nay có thành lập những Hội đồng bác chỉ và tự mình lập ra những «Bộ luật Danh dự» với hai chủ đích sau đây: nâng cao các qui tắc của nghề làm báo và bảo vệ tự do báo chí.

Tôi thiết tưởng nhà lập pháp của ta có thể trong bộ luật báo chí sắp ra ghi nhận các qui tắc chức nghiệp (normes professionnelles) do nghề nghiệp đã tạo ra.

L.S. HỒ TRÍ CHÂU

quyền chỉ trích của báo chí và vấn đề « ai có quyền phê bình báo chí »

JOHN TEBBEL

Trong những đặc quyền của báo chí, quyền thường được xem như là quan trọng hơn hết là quyền phê bình chỉ trích.

Trong xứ nào mà chính phủ không kiểm soát báo chí, thì báo chí tự xem như một bộ máy kiểm soát những cơ sở của Chính phủ làm những việc mà không có một cơ quan công quyền nào khác làm. Chính vì vậy mà cần bảo vệ tự do báo chí đối với những người cầm quyền muốn oặt miệng đối lập.

Ngoài việc phê bình chính phủ, báo chí còn có nhiều lối phê bình chỉ trích khác. Người làm tin cũng như người bình luận thường phân tích tập tục và hành vi của cá nhân hoặc đoàn thể. Các nhà phê bình thì xem xét cẩn thận những sản phẩm của nền văn hóa một quốc gia và trong một vài trường hợp, có đến quyền hành khai tử một vở kịch hay

một quyền sách. Cho đến trong địa hạt thể thao, như các nhà diu dật đều biết, kỹ giả không phải chỉ nói suông rằng ai thắng ai bại, mà còn phân tách phê bình tỉ mỉ, có thể do nơi ngòi bút của họ mà tạo ra những vai anh hùng hoặc bê bối.

Ai có quyền phê bình báo chí?

Đó là một đặc quyền giúp cho báo chí gây một ảnh hưởng sâu xa. Nhưng trong thế giới ngày nay là một thế giới kiểm soát và quân bình, hành động và đối lập, chúng ta cần phải đặt một vấn đề quan yếu: ai có quyền phê bình báo chí giữ thế quân bình.

Thường thường những người làm công việc thông tin là những người ghét bị phê bình hơn hết. Từ trong ngành phá, thanh vô tuyến truyền hình, điện ảnh, cho đến người làm tạp chí và báo hằng ngày thường ngó những nhà phê bình báo chí với những cặp mắt thiếu thiện cảm.

Cho đến những nhà báo đã thành công, biết rằng dầu ai có chỉ trích thế mấy cũng không làm cho báo họ bán sụt, nhưng cũng vẫn chạnh tự ái khi bị phê bình và thường phản ứng rất mạnh.

Phản ứng của nhà báo bị phê bình có hai cách: nếu bị người ở ngoài giới phê bình thì bảo rằng anh ta có « biết gì về báo chí đâu mà xía miệng vào », nếu bị người trong nghề chỉ trích thì bảo rằng anh ta « phản bội nghề nghiệp ».

Báo ở Hoa Kỳ: xí nghiệp thương mại

Từ khi số xuất bản không còn là yếu tố sống chết và số quảng cáo trở nên yếu tố quan trọng, các báo ở Hoa Kỳ đã có thái độ khác đối với các nhà phê bình. Hậu quả của tình trạng này là báo thì giấu thêm mà mất bớt ảnh hưởng.

Thái độ của độc giả Hoa Kỳ, những phê bình gia trực tiếp, là hoặc không mua báo nữa, hoặc đưa ra tòa thì thắng chắc trong những vụ kiện phỉ báng. Độc giả ở Hoa Kỳ về sau này không còn đem báo ra đốt hay hành hung ký giả nữa, trừ những trường hợp biểu tình về kỳ thị chủng tộc. Độc giả tiếp tục mua báo, dầu cho lập trường bình luận trong báo không hợp ý họ: họ chỉ có việc không đọc bình luận thôi.

Trong tình trạng ấy, báo chí ở Hoa Kỳ càng ngày trở nên những bản thông tin địa phương và một phương tiện để phổ biến quảng cáo và sự phê bình trực tiếp và hữu hiệu của độc giả cũng gì đó mà giảm dần.

Phê bình gia chuyên nghiệp

Vì thế ở Hoa Kỳ đã nảy sinh ra một loại phê bình gia báo chí chuyên nghiệp, dùng những tạp chí làm cơ quan. Chẳng hạn như W.A. White đã công khai chỉ trích «những ông chủ báo giàu lo đóng vai tuồng chánh trị hành lang hơn là làm nhiệm vụ thông thường của báo chí là kiểm soát chánh phủ... những chủ báo trở nên con buôn nên báo chí của họ diễn tả ý nguyện hay quyền lợi của giới thương mại mà đáng lẽ là họ phải bình vực giới tiêu thụ là độc giả của họ».

Ở Hoa Kỳ có thể gọi tập san «Columbia Journalism Review» là cơ quan phê bình báo chí gắt gao hơn hết. Tập san này là cơ quan của trường đại học báo chí Columbia, chính vì vậy mà những báo phê bình đã phản ứng lại rằng trường đào tạo người để cung ứng cho làng báo chí thì không có tư cách để phê bình làng báo. Tập san không vì thế mà không đeo đuổi nhiệm vụ một cách can đảm và chân thành.

JOHN TEBBEL
(Trích Le mon de des Journalistes)

« người 67 nhìn vào phê bình 67 »

THANH LĂNG

Tôi rất hân hạnh được khai mạc loạt sinh hoạt năm Kỷ niệm mười năm thành lập Trung Tâm văn bút Việt nam. Cuộc nói chuyện hôm nay nằm trong ý hướng của Trung-Tâm Văn bút Việt Nam muốn nhân cơ hội kỷ niệm mười năm này mà có những cái nhìn vào sinh-hoạt văn học Việt nam.

Như vậy đề tài cuộc nói chuyện của tôi hôm nay là «Người 67 nhìn vào Phê bình 67» Công việc tôi làm lúc này, bởi thế, chỉ là nhìn và ghi nhận.

Đáng khác, tôi cũng xin lưu ý quý vị là buổi nói chuyện sáng nay không phải là một cuộc diễn thuyết mà là một cuộc thảo luận cho nên tôi chỉ nhân danh « người 67 nhìn vào Phê bình 67 » mà đặt ra một ít vấn đề để chúng ta cùng suy nghĩ về chúng và rồi chốc nữa cùng bày tỏ sự suy nghĩ ấy.

Sau khi đã giới hạn như vậy phạm vi của cuộc thảo luận, tôi xin mời quý vị làm công việc của «Người 67 nhìn vào phê bình 67».

1. Thử nhìn vào sách và báo của ngày hôm nay

Đầu tiên tôi mời quý vị hãy làm công việc « NHÌN ».

— NHÌN vào báo ra hàng ngày, tôi đếm được tất cả 31 tờ

— NHÌN vào báo ra hàng tuần, tôi đếm được 9 tờ.

Tiểu thuyết, thứ năm	của	Nguyễn Thị Loan
Phụ nữ thời báo	—	Võ Thị Thanh
Phụ nữ ngày mai	—	Trương thị Vàng và Bà Tùng Long
Văn nghệ tiên phong	—	Nguyễn Thanh Hoàng
Màn ảnh	—	Mai Châu Trần Thăng Long.
Phụ nữ diễn đàn	—	Nguyễn thị Sang
Kịch ảnh	—	Quốc Phong
Phụ nữ mới	—	Đặng văn Bé
Tín văn	—	Nguyễn Ngọc Lương
Nhân văn	—	Hoàng Xuân Việt

— NHÌN vào báo ra hai tuần hàng tháng hay đặc san, tôi đếm được 17 tờ cả thảy :

Gia đình	của	Đỗ Năng An
Biên Tuổi trẻ	—	Hoàng Đông Truớc
Đồng Nai văn tập	—	Nhóm Đồng Nai
Phổ Thông	—	Nguyễn Vỹ
Văn	—	Nguyễn Đình Vượng
Sử Địa	—	Nhóm Đại Học Sư Phạm
Văn Học	—	Phan Kim Thịnh
Bách Khoa	—	Lê Ngọc Châu
Văn hóa nguyệt san	—	Bộ giáo dục
Tiếng nói trí thức (không đề tên)		
Hoài bão	—	Nguyễn xuân Huệ
Vạn Hạnh	—	Phật giáo Vạn Hạnh.
Phát triển văn hóa	—	Hội Văn hóa bình dân

Thời nay

Vấn Đề

Trình bày

Tin Sách

- Nguyễn Văn Thái
- Vũ Khắc Khoan
- Thế Nguyên
- Hội văn Bút

Sau khi đã NHÌN vào các con số, tôi mời quý vị hãy NHÌN vào Nội dung, của 31 tờ báo hàng ngày, 9 tờ hàng tuần, 17 tờ định kỳ.

Đối với 31 tờ Nhật báo, đề mục nào cũng phong phú : đời sống và hấp dẫn nhất là truyện dịch của Tàu, phần tả thực trường và điện ảnh cũng rất được chú ý. Vậy mà tôi đốt đèn giữa bữa trưa để đi tìm lấy một vài bài phê bình văn học tuyệt nhiên hầu như không có, chỉ trừ có mỗi một tờ Đối Thoại là có được một mục Phê Bình văn chương truyện Kiều. Đáng lạ là một tờ như tờ Sống Chủ nhật của nhà văn Chu Tử ra những 16 trang, thế mà cũng chẳng có lấy một cột dành cho phê bình văn học.

Trong số 9 tờ tuần báo, được một mình tờ TIN VĂN là có đôi bài phê bình văn học.

Trong số 17 tờ báo định kỳ, tuy có khá hơn, nhưng cũng chỉ có 7 tờ là đôi khi, tôi xin nói là đôi khi có bài phê bình văn học.

Bảy tờ định kỳ đôi khi có bài phê bình văn học, đó là các tờ :

Hồng Nai văn tập

Văn

Văn Học

Bách Khoa

Vấn đề

Trình bày

Tin sách.

Tuy vậy, trừ một vài trường hợp như qui vị được gặp thấy ở tờ Bách Khoa, còn ngoại giả các bài xuất hiện trên các báo thường chỉ là những bài điểm sách ngắn ngủi.

Bỏ các quầy hàng trình bày báo chí, tôi đi NHÌN vào các quầy hàng bày sách, thì ôi thôi! Càng thất vọng hơn. Tôi đã rảo qua hầu hết các Nhà Sách ở đường Lê Lợi mà chẳng những không NHÌN thấy một cuốn sách phê bình Văn Học nào ra đời năm 1967 mà ngay đến sách phê bình văn học ra đời năm 1966 cũng chẳng thấy có. Tôi đã đi hàng tháng để chiều chiều ra viếng và nhìn nhà sách Khai Tri mà ông Giám Đốc đang ngồi trước mặt tôi đây. Nhà sách Khai Tri là nhà sách to nhất, đẹp nhất, đầy đủ nhất, lịch sự nhất Saigon... Vậy mà trên hai dãy quầy hàng dành riêng cho sách văn học tôi chỉ thấy bày la liệt không biết bao nhiêu là sách giảng văn hay luận đề dành riêng cho các lớp đệ IV và đệ II... Tôi đã NHÌN đến lố đảo mắt mà chẳng thấy đâu vết tích văn phê bình của 67.

II. Nhìn về các hướng phê bình

Lượng phê bình đã ít, đến hướng phê bình càng chẳng có gì đáng để ý. Đang khi ở nhiều địa hạt khác, nghệ thuật đi ra nhiều hướng xa biệt nhau thì trong địa hạt phê bình, hướng đi chẳng có gì mới mẻ so với 5 năm về trước.

Sau khi đã phải đốt đèn lên giữa ban trưa để mà đi tìm nhà văn phê bình, người ta lại còn phải mệt nhọc lấy kính hiển vi để mà nhìn bộ mặt của nhà phê bình lúc nào cũng như lần trốn.

Nếu nói đến hướng phê bình ngày hôm nay, thì ta có thể kể đến ba hướng sau đây :

1. Hướng cổ điển

Hướng cổ điển thường được làm dưới đề mục: Đọc sách, điểm sách, giới thiệu sách. Tầm quan trọng chẳng có gì đáng kể. Thường thường là những bài rất ngắn trên dưới

vài ba trang là cùng, nghĩa là chỉ chiếm tối đa chừng một hai phần trăm tổng số trang của một tờ báo. Chẳng hạn như 1 báo Bách Khoa đầy 100 trang, thì có hai trang dành cho việc đọc sách, hay giới thiệu sách. Thật là một tình trạng nghèo nàn thê thảm Người đọc hay điếm sách thường làm hai công việc quen thuộc, máy móc sau đây :

— Thứ nhất, nói rất sơ lược về nội dung của cuốn sách. Thế thôi.

— Thứ hai, dựa trên một ít nguyên tắc thẩm mỹ tiên thiên cổ điển để mà hạ những câu thẩm định về nội dung hay hình thức của tác phẩm. Theo quan niệm cổ điển, người ta tin vũ trụ là một kỳ công kiệt tác, vươn tới một trình độ nghệ thuật lý tưởng tuyệt đối, siêu việt. Vậy cái đẹp như được bày ra ở trong vũ trụ là một cái hội đủ các điều kiện sau đây : nó phải hợp lý, cái phi lý không thể nào đẹp, nó phải cân xứng, cái méo mó lệch lạc không thể đẹp, nó phải điều hòa chừng mực, cái gì hỗn độn, quá mức đều là cái xấu xa tai hại nó phải tốt lành, mỹ miều, cái bẩn thỉu, dơ nhớp không thể làm cho ai say mê được. Nhà phê bình cổ điển là người dựa vào mấy yếu tố tiên thiên trên đây để mà thẩm định các tác phẩm. Đó là công việc làm ta năng gặp ở các bài điếm sách của Tin sách, của Đồng Nai văn tập, của Văn của Bách khoa, của Văn học.

2. Hường luận lý.

Công việc làm của hướng luận lý xem ra có vẻ quan hệ hơn hướng cổ điển ở trên : thường nó chủ trương phê bình nhiều hơn là điếm hay giới thiệu. Nhà phê bình theo hướng này thường dựa vào luận lý để mà thẩm định các giá trị văn chương nghệ thuật. Nguyên lý mà nhà phê bình dựa vào để tìm kiếm xem tác phẩm hợp luận lý hay phản lại luận lý là nguyên lý tôn giáo, nguyên lý dân tộc, nguyên lý xã hội... Như tờ Văn Hạnh chẳng hạn, mọi suy nghĩ về văn chương nghệ thuật đều gò bó như là phải thể hiện, biện minh lý thuyết nhà Phật. Đến như hai tờ Bách khoa và Tin Văn thì

hay lấy xã hội, lấy dân tộc làm thước đo mức độ đạo đức luân lý cho tác phẩm. Tác phẩm có giá trị là tác phẩm phải nhằm đề cao, phát huy dân tộc tính. Có điều mơ hồ là người ta chưa chỉ định được dân tộc tính nó là cái gì, quốc học nó là một sự xâm nhập của chính trị vào văn hóa dưới sự cải trang làm mặt đạo đức. Đó là công việc làm của tờ Văn Hạnh, đặc biệt là tờ Tin Văn và nhiều bài ở Bách Khoa.

Như vậy, nghệ thuật đối với phe phái này không có giá trị tự tại, đến đó là hết, mà nghệ thuật là đi tới, đi tới cái gì, nghệ thuật là hướng về, nghệ thuật là cái có vì cái khác. Cái khác đó là tôn giáo, là quốc gia dân tộc, là giai cấp xã hội. Nghệ thuật, nói rút lại, chỉ là một phương tiện để đi tới.

3. Hướng triết học.

Hướng này không có vẻ giáo điều như hai hướng trên và cũng chưa có ai nhận danh lý thuyết này để phê bình tác phẩm cả. Những người theo hướng triết học chỉ muốn đặt những vấn đề suy nghĩ về văn học nghệ thuật. Ý hướng triết học là một thái độ bản khoán siêu hình về thân phận con người và thân phận làm người của con người và văn học nghệ thuật chẳng qua là phản ứng của cái thân phận làm người ấy trong những cảnh huống.

Hiện nay ở Việt Nam mình chưa có những nhà phê bình theo ý hướng triết học mà mới chỉ có những mò mẫm, mò men xa gần bên cạnh biên thủy triết học. Những sự mò mẫm đó ta gặp thấy ở những tờ như tờ Trinh Bầy của một số nhà văn trẻ như Nguyễn văn trung. Nhóm nhà văn trẻ này chưa hẳn muốn khuôn mình trong một trường phái nào mà chỉ muốn nghĩ về, mơ về, muốn đặt ra hàng trăm câu hỏi mà chưa muốn có câu trả lời. Họ là những người lúc nào cũng muốn lo âu, bản khoán về chỗ đứng của mình, về chỗ đứng của người, về vị trí của người cầm bút, của loại văn và của chính văn nghệ trong tương quan viết văn và đọc văn.

III. Nhìn vào văn học 67 như là sa mạc

Cố gắng đốt đèn mà đi tìm th. chúng ta thấy văn phê bình nó xuất hiện đại khái như vậy, chứ, thực tình, đi vào

chi tiết, sinh hoạt phê bình Việt nam 67 có xuất hiện với những đường ranh giới như vậy hay không lại là vấn đề khác : ta thấy nó có tính cách rời rạc, yếu đuối, lạc lõng thế nào ấy. Dăm bảy số mới có một số có bài phê bình, rồi cái bài phê bình một vài trang ấy cũng bị mất hút giữa những đề mục khác kéo dài suốt hàng trăm trang. Tình trạng thờ ơ này cho ta liên tưởng đến bình ảnh VĂN-HỌC SA MẠC.

Thực vậy, tôi có cảm hưởng đang NHÌN vào NHỮNG Sa Mạc VÔ BIÊN... Sa mạc của giới Sản xuất văn, Sa mạc của giới Tiêu thụ văn, sa mạc của giới Suy nghĩ văn.

Mỗi một giới là một Sa mạc vô biên, khiến cho thân phận con người ở trong ấy là một thân phận cô đơn tuyệt vọng, nó gào thét dữ dội lắm mà hình như tiếng của nó bị tiêu hút đi đâu, hay là nó mệt lả nằm chết đi ở một xó không một tiếng, rên rỉ, ta cũng chẳng biết nữa. Hình ảnh Ba sa mạc vô biên nói lên một cách bi thiết sự cô đơn, lẻ loi của cả Ba giới tôi vừa nói ở trên, tức là giới Sản xuất ra văn, tức giới Sáng tác, với giới tiêu thụ văn, tức giới Độc giả và giới Suy nghĩ về văn, tức giới Phê bình.

Cả Ba Giới đều sống cô đơn, lẻ loi, độc thoại, tức là nói một tiếng nói cho một mình mình nghe : Người sản xuất văn bình như nói tiếng nói riêng cho một mình mình nghe, một mình mình thích, một mình mình hiểu. Người viết văn phải chẳng đã chẳng cần đi tìm hiểu xem xã hội giới tiêu thụ văn muốn xài cái gì, và xài thế nào. Kết cục giới này đã viết văn cho mình, để chính mình đọc lại văn mình : sách của họ in ra nằm chết chường ở các tiệm sách, khiến cho nhà sách lắm khi cũng muốn chết luôn vì cái nạn sách ứ đọng ! Sự thực có phải thế không, thưa ông Giám Đốc nhà sách Khai Tri đang ngồi nghe tôi đây ?

Có lẽ vì chẳng nghe thấy, hay chẳng thém nghe tiếng nói độc thoại của giới sản xuất văn, cho nên giới Tiêu thụ văn đã chẳng thém tiêu thụ sản phẩm văn nội hóa mà chỉ say mê xài đồ ngoại hóa, đặc biệt đồ Tàu : hiện tượng độc giả

đam mê truyện Tàu chẳng phải là thể hiện cái tâm lý khinh, đồ nội hóa đầy ư ?

Đến như những người suy nghĩ về văn cũng vậy : giới này thường là Trung gian giữa giới Sản xuất và giới Tiêu thụ. Giới trung gian này, ở thời đại chúng ta, hình như tiêu mòn dần hết rồi ấy, hay lại cũng một nhọc chẳng đủ sức cất tiếng lên nổi, thành ra ai sản xuất gì mặc ai, và ai tiêu thụ gì mặc nấy. Người viết người đọc người nghĩ, cả ba giới, quả thực, như bị lưu đầy, lạc lõng, lang thang, một lữ giữa những sa mạc vô biên. Hình như cả ba giới đó đều có mặt trong gian buồng này thì phải, tôi nhìn vào những bộ mặt đang ngồi trước mặt tôi, đang nhìn lại tôi lúc này, tôi nhìn thấy có cả Ba giới, tức giới sản xuất văn là các nhà làm thơ viết truyện với giới tiêu thụ văn là giới đọc thơ và giới suy nghĩ về thơ văn là giới phê bình. Vậy tiện có mặt cả ba giới lúc này trong gian buồng này, tôi xin hỏi : tại sao có tình trạng im lìm, câm lặng, ngủ lả... giữa ba giới như vậy ? Có lẽ lúc này là một cơ hội hy hữu để mỗi giới chúng ta suy nghĩ về công việc mà mỗi giới chúng ta đã làm, đang làm, đó, hay sẽ làm.

Tôi xin mời nhà phê bình từ lúc này hãy xin thôi câm lặng đi, hãy thôi nhắm mắt đi để mà mở mắt ra để nhìn sang người sáng tác đang ngồi ở bên cạnh kia, nhìn kỹ, rồi nói to lên, nói oang oang để đập vỡ tan tành cái im lặng đang đè nặng trĩu trên sa mạc của các Ngài. Các Ngài hãy thôi đọc thoại để bắt đầu đối thoại xem nào, các Ngài hãy lên tiếng hỏi, hỏi ngay cái ông viết truyện, viết thơ đang ngồi bên cạnh các Ngài, hỏi rồi bắt ông hàng xóm cầm hay đọc thoại kia phải lên tiếng trả lời các Ngài bằng một thứ tiếng nghe được, hiểu được. Ông tác giả cũng quay sang ông phê bình mà thách đố các ông ta đó, thách đố, chọc tức để các ông ta nói, nói huyền thiên lên đó. Hai giới các ông thử hỏi nhau và trả lời nhau ngay trước mặt tôi đây xem sao, nào. Hơn thế, tôi mời cả hai giới trên đây hãy cùng quay sang ông bạn đọc giả đang ngồi sát vách các ông. Các ông:

hãy bắt các ông bạn độc giả này nói lên tiếng nói của ông ta. Hỏi ông ta tại sao ông ta không xài truyện nội hóa mà chỉ xài « truyện hàng Tàu ».

Cuối cùng tôi cũng mời ông bạn độc giả hãy nhìn thẳng vào hai ông bạn tác giả và phê bình để gào vào tai hai ông bạn ấy những đòi hỏi của giới tiêu thụ chúng ta.

Tôi có cảm tưởng trong vòng mấy năm gần đây, mà nhất là ba bốn tháng đầu năm 67 này, ba giới tôi vừa nói trên đây, đi cạnh nhau, mà chẳng thêm nhìn nhau, chẳng thêm chào hỏi nhau, chẳng thêm Nói với nhau...

Vậy tôi xin long trọng cất tiếng hỏi cả ba giới một lần nữa xem tại sao ba giới các ngài lại thờ ơ, lại lãnh đạm, chẳng thêm nhìn nhau, chẳng thêm nói chuyện với nhau như vậy? — Phải chăng, đó là một định mệnh bi thảm miễn cưỡng gồng vào cổ các ngài, bắt các ngài lưu đầy, tù tội trong nhà tù câm lặng cuộc đời này? Phải chăng sự xuất hiện trong thái độ, trong lối tiếp xử của các ngài là phản ảnh của một thực tại xã hội bi thảm. Người ta bảo vẫn là cuộc đời hiện thực được di cư vào trong chữ viết. Vậy cuộc đời hiện thực lúc này là gì? Tôi có cảm tưởng cuộc đời hiện thực ở lúc này là một cuộc đời cô đơn, lẻ loi, ai nấy tranh nhau nói cho một mình mình nghe. Tôn giáo nói tiếng nói của riêng tôn giáo mà chính trị, mà đời không nghe hay nghe mà không hiểu, rồi đời nói tiếng nói độc thoại của đời, tôn giáo chẳng có hiểu. Ấy là chưa nói đến mỗi tôn giáo lại cũng cứ nói tiếng nói độc thoại của tôn giáo mình, các tôn giáo khác không thể hiểu. Mỗi giai cấp trong xã hội, mỗi đoàn thể ở đời cũng chỉ gào thét tiếng gào thét độc thoại của giai cấp, của đoàn thể mình. Giàu nói tiếng nói giàu, nghèo nói tiếng nói nghèo, dân sự nói tiếng nói dân sự, quân sự nói tiếng nói quân sự, già nói tiếng nói già, trẻ nói tiếng nói trẻ... Rồi một cá nhân cũng gào cổ gào thét tiếng độc thoại của mình, không ai nghe thấy tiếng nói của người khác, không ai hiểu người khác, đó là tình trạng của

xã hội Việt Nam chúng ta ngày hôm nay ? Thực là một tình trạng bí hiểm, màu chết, màu tang tóc như chẳng lên, chùn xuống bao bọc lấy tất cả chúng ta làm cho chúng ta ngột thở ? Hình như tất cả cái thực tại bí hiểm này đang được hay đúng hơn, đã được, cho tản cư, di cư và định cư vào trong chữ viết, tức vào trong văn chương ?

— Theo ý tôi, nếu sự thờ ơ, lãnh đạm ở giữa ba giới các Ngài kia không phải do một định mệnh nào buộc vào cổ các Ngài, thì đích thị là các Ngài tự ý muốn như vậy, nghĩa là các Ngài tự ý khinh thường nhau, tự ý lựa chọn thái độ chẳng thèm nhìn nhau, chẳng thèm nói với nhau, chẳng thèm nghe theo. Cả ba giới, viết văn, đọc văn đều có mặt trong gian buồng này, xin quý bạn trả lời tôi chốc nữa trong khi thảo luận, có phải vì khinh nhau chẳng thèm nhau, mà quý bạn không nhìn nhau, không đối thoại với nhau có phải vậy hay không ?

IV. Thử nhìn lại về dĩ vãng

Văn giới ngày hôm nay là như vậy đó, do bởi nguyên nhân nào mà như vậy thì chưa biết ! Nhưng nhìn lại lại dĩ vãng ta thấy nó có như vậy hay không ? Tôi thấy hình như nó không như vậy. Ở các thế hệ trước đây, cũng hình như có sự thân thiện nhau, nhìn nhận nhau, nói chuyện với nhau, nhiều hơn ở giữa ba giới viết văn, đọc văn và phê bình văn. Đặc biệt là giới bình văn hình như đã làm làm đôi hẳn được cục diện xã hội. Tôi xin phép thuật qua lại cái vai trò trung gian của nhà phê bình vô cùng là quyết định chẳng những đối với văn giới mà còn đối với cả nếp suy nghĩ và nếp sống của nhân quần xã hội nữa.

Thực vậy, khoảng năm 1903-1913, bởi nhìn nhận thấy xã hội chúng ta suy đồi, cho nên các nhà ái quốc hô hào duy tân. Trong lúc hô hào duy tân như vậy, các nhà ái quốc như là có thái độ muốn đập tan tất cả lâu đài văn hóa Đông phương mà khốn nỗi lại chưa có một kế hoạch cho chương trình duy tân đích thực. Thành thử lòng người lúc ấy phân vân vô hạn.

Đồng Dương tạp chí ra đời (1913) và sau này Nam phong tạp chí ra đời (1917) đã đưa hẳn ra một lối suy nghĩ được đặt thành kế hoạch do ngòi bút của Nguyễn văn Vĩnh và đặc biệt của Phạm Quỳnh.

Tự nhận mình là tân học hai ông Vĩnh và ông Quỳnh đã đưa ra một thứ triết lý, cái triết lý mà cái ông gọi là điều hòa, hay dung hòa Đông và Tây, cũ và mới, già và trẻ, luân lý và nghệ thuật. Do những bài suy nghĩ, phê bình, nhận định của hai ông Vĩnh và ông Quỳnh, toàn thể văn giới suốt từ 1913 đến 1932 đều là nghĩ, đã viết, đã sống đúng theo đường lối dung hòa ấy. Từ khảo luận, đến thi ca, đến tiểu thuyết, cho tới cách bố cục một câu văn, cho đến nếp sống ngoài xã hội người ta đều muốn dung hòa cả Đông cả Tây, cả mới cả cũ, cả cái thi vị mơ hồ của ta cả cái khoa học khúc chiết của Tây, cả cái luân lý khắt khe của nho, cả cái nghệ thuật buông lung của Pháp... Đến nỗi tất cả các thứ đó tưởng như là luật vàng, vĩnh cửu, bất di dịch, mọi công trình văn chương nghệ thuật đều răm rắp tuân theo không ai chối cãi.

Vậy mà đánh đâu một cái năm 1932 báo Phong Hóa ra đời. E-Kíp Tự lực Văn đoàn lúc ấy chỉ là một thiểu số của anh nhà văn, nhà phê bình trẻ, tài năng chưa được ai biết đến vậy mà họ dám công khai đánh phủ đầu tất cả cái thế hệ đàn anh đáng kính sợ. Bấy lâu Phạm Quỳnh vẫn tự xưng là tân học, và học giới ai cũng nhận như là một việc dĩ nhiên, vậy mà năm 1932, trên Phong hóa, Nhất Linh đã viết: « Trong đám cựu học, có ông Phạm Quỳnh » Tại sao vậy ? Tại vì cái mới của Phạm Quỳnh trước cái mới hơn của tự lực đã trở thành cái cũ rồi. Báo Phong Hóa mở chiến dịch phê bình công kích triết lý dung hòa của ông Quỳnh, vạch cho học giới thấy cái triết lý ấy đã trở nên thoái hoá, phản động. Máy chục số đầu của báo với mục đích chế nhạo, phỉ báng cái mà họ gọi là xã hội cũ là cuộc đời xưa. Thế rồi chẳng hiểu có phải vì áp lực của cái phong trào phê bình bài báo đó hay không mà bao nhiêu

sáng tác phẩm như tiểu thuyết của Nhất Linh, của Khải Hưng, như thơ châm biếm của Tú Mỡ... đều chia thắng núi dúi vào việc đả phá công kích chế độ cũ, đã phá nền cựu học, chống đối chế độ đại gia đình. Mặt trận do Tự lực văn đoàn thiết lập đã đảo chánh chính thể quân chủ của nội các Phạm Quỳnh, Nguyễn văn Vĩnh. Bao nhiêu lâu Phạm Quỳnh, Nguyễn văn Vĩnh đã được suy tôn là ông tổ, là tay lãnh đạo văn học mới. Cái Chính phủ tưởng như hùng mạnh lắm của chính thể Nam Phong đã bị tụi Phong Hóa đảo chánh, lật đổ, và bao nhiêu bọn taito mặt lớn, đã từng hét ra lửa, nay bỗng nhiên bị kết án là chế độ cũ. Các nhà phê bình chẳng những đã xô đẩy xuất hiện cả một phong trào viết văn lãng mạn, ca ngợi cá nhân chủ nghĩa, đề cao cuộc đời mới mà còn gây ngay giữa lòng xã hội, giữa cuộc đời, một lối sống cũng lãng mạn, đam mê cá nhân chủ nghĩa, đam mê những cái mới, thù ghét cái cũ, cái xưa. Thế giá của Tự lực văn đoàn cũng như truyện của Tự lực văn đoàn... được mọi giới ca ngợi, suy tôn tưởng như trên đời này không còn gì hay hơn, nghệ thuật tưởng như đến đây là ngừng lại không tiến thêm lên được.

Vậy mà chẳng ngờ năm 1933 bỗng bùng nổ ra vụ tranh luận khá gắt gao giữa Phan Khôi và Hải Triều về vấn đề duy tâm và duy vật, tức là vấn đề nguyên nhân do lai của sự vật là bởi tinh thần hay vật chất. Sang đến năm 1937, khi mà cuộc tranh luận trên chưa dứt thì cuộc tranh luận thứ ba lại bùng ra, cuộc tranh luận nghệ thuật và nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh, một bên là Tiểu Sơn, Hoài Thanh, Lan Khai, Lưu Trọng Lư, và bên kia là Hải Triều, Bùi Công Trừng, Hồ Xanh v. v... Phe vị nghệ thuật chủ trương nghệ thuật có một giá trị tự tại, tuyệt đối, đứng sau nghệ thuật không còn gì nữa, nghệ thuật không hướng về cái gì, nghệ thuật là cái gì chơi với nông lung, ru hồn người ta vào cõi mộng. Phe vị nhân sinh kịch liệt đả phá quan niệm nghệ thuật phù phếm này; theo họ, nghệ thuật chỉ là cái đưa tới, con đường đi đến, là phương tiện... Mục đích nghệ thuật là nhân sinh, là cuộc sống, là đời người, là miếng cơm, manh

áo, là nuôi dưỡng cho cuộc đấu tranh miếnng cơm manh áo. Hai bên cãi nhau suốt từ 1933, rồi từ 1935 cho tới 1939, 1940 mới kết thúc. Mà đây là một kết thúc khá bi thương! Cái mới của Tự lực văn đoàn như do những cuộc tranh luận và phê bình này mà bỗng chốc lại trở thành cái cũ mất rồi. Thực vậy, từ khoảng năm 1937 trở đi, do mặt trận duy vật, do ảnh hưởng nghệ thuật vị nhân sinh đã xô đẩy trong văn nghệ một hướng văn nghệ mới: Người ta thôi viết lối văn lãng mạn đề cao chủ nghĩa cá nhân theo kiểu Tự Lực văn đoàn để bắt tay vào một đường đi nghệ thuật mới lấy tả thực xã hội làm lý tưởng: bao nhiêu những cái mà Tự Lực văn đoàn ca ngợi là đẹp, là thần tiên, thì tất cả cái đẹp cái thần tiên ấy ngày nay trở thành rác rưởi, xấu xa. Thì cái đời mới mà Tây phương đem đến đã chẳng đang để ra một xã hội xấu xa ghê tởm, có lẽ còn hơn xã hội cũ thời xưa đấy ư? Những nhà điểm, những tổ chuột của dân thợ, những sự hành hạ bóc lột của cái xe, của chủ đồn điền, của giám đốc hầm mỏ chẳng đang tạo ra những hỏa ngục trần gian đấy ư? Bây giờ người ta ưa đọc làm dĩ, giông tố. Số đó, chứ ai còn ham đọc Hồn Bướm mơ tiên, Đoạn Tuyệt, lạnh lùng nữa.

Vai trò của nhà phê bình chẳng phải chỉ ngừng lại ở đó. Sau năm 1940, do việc Nga và Đồng Minh đã đánh bại Quân Đức, chủ nghĩa mác-xít bành trướng rất mạnh: cả một trường phái phê bình mới ra đời, trường phái phê bình do nhóm Hàn Thuyên, hay Tân văn Hóa chủ trương với Nguyễn Đức Quỳnh, Phạm Như Khuê, Lương Đức Thiệp, Đặng Thái Mai, đặc biệt là Nguyễn Bách Khoa.

Trường phái duy vật theo kiểu Nguyễn Bách Khoa đã gây một ảnh hưởng sâu xa khủng khiếp trong xã hội Việt Nam cho mãi đến khoảng năm 1959-1960 mới suy giảm. Chẳng những các nhà phê bình, các sách giảng văn, các sách luận đề văn chương trình bày theo lối nhìn duy vật của Nguyễn Đức Quỳnh cũng rập theo phương pháp của Nguyễn Bách Khoa.

Tưởng đến đây ta cũng nên lưu ý đến một trường hợp rất đặc biệt là trường hợp Hoài Thanh. Trong cuộc tranh luận nghệ thuật vì nghệ thuật với nghệ thuật với vì nhân sinh, tuy Thiếu Sơn là người cầm ngòi cho cuộc chiến, nhưng Hoài Thanh mới thực là tay chiến sĩ cự phách quyết liệt đương đầu với Hải Triều. Thiếu Sơn, Lưu Trọng Lư, hay Lan Khai có viết một đôi bài bênh vực cho lý thuyết vì nghệ thuật, nhưng chưa có chủ thuyết, chứ Hoài Thanh thì thực là lý thuyết gia của trường vì nghệ thuật. Thái độ nghệ thuật của Hoài Thanh là một thái độ quá khích, tuyệt đối, màu thuẫn, đối lập cực độ đối với Hải Triều : Hoài Thanh nói mạnh, nói nhiều, nói dài đến nỗi phe của Hải Triều như có vẻ phải đầu hàng vào khoảng năm 1940. Vậy mà năm 1960, trên tạp chí nghiên cứu văn học, số tháng giêng, Hoài Thanh trong khi viết lại cuộc tranh luận những năm 1935-1940, đã làm một cuộc sám hối rất ư là bí hiểm. Ông ca ngợi Hải Triều, Nguyễn khoa Văn đã được hạnh phúc gia nhập Đảng Công Sản từ năm 1933, chứ như ông thì suốt thời tiền kháng chiến ông đã tỏ ra ư mê tối tăm. Hoài Thanh bảo, quá tiếng nói của Hải Triều và nhiều đảng viên khác. Đảng đã kiên trì trong việc lay dạy đánh thức ông nhưng không nổi ông vẫn tỏ ra ư mê.

Thực là nếu đem đặt cái Hoài Thanh, tác giả của những bài tranh luận năm 1935-1940, bên cạnh cái Hoài Thanh của bài sám hối năm 1960, thì ta không thể bảo đấy là một người mà là hai người khác biệt, xung đột nhau tột độ.

Thưa quý vị, như quý vị vừa nhận thấy, qua sự trình bày sơ lược trên đây, vai trò đó, có tính cách quyết liệt, tiếng nói của nhà phê bình có giá trị định đoạt không cưỡng lại được. Nhà phê bình nếu không sai khiến nhà sáng tác thì cũng thúc đẩy, hay ít ra liên hiệp với nhà sáng tác đi gây ra ở giữa lòng xã hội những lối nghĩ, lối sống mà người ta hầu như không cưỡng lại được. Nhà phê bình như vậy luôn luôn áp lực trên nhà sáng tác và độc giả bất hai giới này phải lựa chọn, lựa chọn theo chiều hướng của họ đề nghị

Nhà sáng tác cũng luôn luôn đối thoại, thảo luận với nhà phê bình trước khi quyết định một thái độ, một lập trường, và chính độc giả cũng như luôn luôn tổ thái độ khi thì trực tiếp với nhà sáng tác, khi thì qua trung gian nhà phê bình bằng thái độ say sưa đáp ứng, tức là việc tổ thái độ đam mê theo dõi các sáng tác phẩm và các công bình phê bình.

Thưa quý vị: tại sao có sự hợp tác chặt chẽ đó ở giữa ba giới viết văn, đọc văn, và bình văn ở trong dĩ vãng? Phải chăng vì người viết đời ấy hơn người viết ngày hôm nay, xin nhà sáng tác Bùi Nhật Tiến đang ngồi nghe tôi trả lời hộ tôi điểm này. Phải chăng vì người đọc văn đời ấy khá hơn người đọc văn bây giờ? Xin quý vị đọc văn có mặt ở gian buồng này trả lời hộ tôi điểm thứ hai này? Phải chăng vì người bình văn thời xưa uyên bác, tài tình hơn người bình văn bây giờ? Còn này tôi không biết phải hỏi ai đây hay là tôi lại hỏi lại chính tôi, vì đôi khi đôi có bình văn!

Ấy văn học thời xưa sôi động như vậy! Mà văn học thời đại ta thì im lìm, cảm lạnh, chết chóc.

Tại sao bây giờ văn chương nghệ thuật rất ít ảnh hưởng vào xã hội.

Tôi xin hỏi các nhà sáng tác: tại sao xưa kia thơ văn sáng tác được người ta say mê đọc văn kiếm hiệp của Tàu, vậy nhà sáng tác không thêm mời ai đọc văn mình, hay ngược lại, người đọc không thêm đọc văn của người sáng tác, xin quý vị có thơ văn sáng tác trả lời tôi điểm này.

Câu hỏi thứ hai tôi hướng về giới đọc văn: tại sao xưa kia người ta ham mê đọc văn sáng tác mà ngày nay người đọc thờ ơ với việc đọc sáng tác, phải chăng vì không thêm đọc hay vì đọc mà không hiểu nổi cho nên không đọc. Tôi xin quý vị đọc văn có mặt ở đây trả lời tôi câu hỏi này.

Sau cùng tôi xin hỏi các nhà bình văn : tại sao ngày xưa người ta bình văn nhiều, người ta viết sách phê bình nhan nhản, người ta viết bài phê bình trên khắp các mặt báo, mà ngày nay sách phê bình đã chẳng có mà bài phê bình trên báo cũng hầu như không có. Tại sao vậy ?

— Tại vì nhà phê bình ngày nay bất lực không phê bình nổi ?

— Tại vì nhà phê bình ngày nay khinh tác giả cho nên không thêm phê bình ?

— Tại vì nhà phê bình không thêm nói chuyện với độc giả cho nên không phê bình ?

— Hay tại vì các nhà xuất bản sách không thêm in sách phê bình của nhà phê bình, có phải vậy hay không ông giám đốc nhà xuất bản Khai Tri ?

— Hay tại vì các chủ báo không thêm đăng các bài phê bình văn học vì cho rằng phê bình văn học là một mục quá xa viên vông bên cạnh những mục sốt giềo của tờ báo, nhất là báo hàng ngày. Điểm này, tôi muốn đặt câu hỏi với ông Phạm Việt Tuyền chủ nhiệm báo Tự Do. Ông Phạm Việt Tuyền, xin ông có thể cho tôi biết quan niệm chủ báo của ông về điểm thiếu hẳn sinh hoạt phê bình văn học trên các nhật báo là tại làm sao không ? Tại vì nhà phê bình khinh báo chí không thêm chơi với báo chí của các ông hay tại báo chí của các ông khinh thường không thêm tiếp đón nhà phê bình ? Câu hỏi mà tôi đặt ra với ông chủ nhiệm báo Tự Do tôi muốn đặt nó ra với tất cả các tạp chí và các nhật báo mà cho đến bây giờ không có bài phê bình văn học xuất hiện trên báo để trả lời cho chúng ta các câu hỏi trên đây.

Trong khi chờ đợi các câu trả lời trong phần thảo luận, tôi xin đặt ra mấy câu hỏi để hỏi tất cả qui vị có mặt ở đây và cũng để hỏi chính tôi nữa.

— Ta có nên làm gì để sửa chữa tình trạng chìm lặn, chết chóc, thờ ơ của văn giới hiện nay hay không ?

— Ta có thể làm được cái gì hay không, bởi vì nên làm
thì khác mà làm được hay không lại là chuyện khác ?

— Và nếu làm được thì làm thế nào ? Làm những gì ?

— Có thể có một sự hợp tác giữa ba giới : viết văn, đọc
văn, bình văn được hay không ?

Đó là những vấn đề, những câu hỏi mà tôi đặt ra sự
suy nghĩ của quý vị buổi sáng nay để chúng ta cùng thảo luận.

THANH LĂNG

báo chí bắc việt từ 1934 đến 1954

VŨ BẢNG

Nói đầu: Giả thử nói về vấn đề khác, tôi không dám nhận Nhưng vì nghề viết báo là nghề duy nhất của tôi từ khi rời nhà trường đến nay, nghề mà tôi phụng sự trên dưới 30 năm nay nên tôi mạo muội nhận lời mời đến nói chuyện hôm nay về báo chí Bắc Việt từ 1934 đến 1954.

Thực ra sách vở, tài liệu về báo chí từ trước đến nay xuất bản rất nhiều. Các anh em đã đọc và tất đã có một khái niệm về diễn tiến của báo chí Việt Nam nói chung, và báo chí Bắc Việt nói riêng ra sao rồi. Vì thế, tôi xin có lời thanh minh trước, tôi sẽ không kiểm điểm lại lịch sử và diễn tiến của báo chí mà chỉ xin trình bày với anh em những chuyện chưa ai nói về báo chí Bắc Việt mà tôi được biết, qua những tờ báo mà tôi công sự.

Qua những câu chuyện vui buồn đó, các bạn có thể sẽ thấy tiến triển của báo chí Bắc Việt ra sao: qua các chế độ Pháp, Nhật, Trung Hoa Dân Quốc, Việt Minh ra thế nào.

Mấy nét về diễn tiến ngành báo chí ở nước ta.

Tình cờ làm sao thời gian 1934-54 chỉ định trong đề tài nói chuyện hôm nay lại nằm đúng vào thời gian tôi làm báo ở Bắc Việt. Tôi bắt đầu làm báo vào khoảng đó. Báo chí Bắc Việt hồi đó ra sao?

Muốn có một quan niệm chân xác về tình hình báo chí hồi đó, ta phải nhắc lại sơ qua về nguyên thủy của báo chí Việt Nam.

Từ 1864, nước Pháp bắt đầu đem văn hóa Tây phương và chủ quyền mới vào xứ Nam Kỳ, dần chúng ta lợi dụng ngay sự phổ thông quốc ngữ ngày một thêm sâu rộng. Số người hiểu sự tiện lợi mà ganh đua học tập, biết đọc biết viết khá nhiều.

Vì thế năm 1867 ông Trương Vĩnh Ký đã xuất bản tờ « Gia Định công báo » có thể coi là đứa con đầu lòng của báo giới Việt Nam « Gia Định công báo » lúc ấy xuất bản như một tuần san, mục đích chính yếu là những thông tư, báo cáo của Chánh phủ, rồi đến thi ca, hải đàm, truyện cổ tích, chứ không có tính cách thông tin hay truyền bá tư tưởng, mà cũng không phải cơ quan xuất bản chính thức của tư nhân.

Nhưng dù sau thì ta cũng phải coi Trương Vĩnh Ký tiên sinh là nhà văn nhà báo số một của nước ta. Ngoài sự chủ trương tờ báo nói trên, tiên sinh còn soạn rất nhiều sách có giá trị. Tiếp đó, phải nói đến hai ông Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Của. Trong khoảng hai chục năm 1870 đến 1890 cả ba nhà văn ấy viết và dịch sách rất nhiều. Nhờ vậy mà ở Nam Kỳ hầu hết mọi người đều biết quốc ngữ; đó chính là thân chủ, mà mạch sống của tờ báo vậy.

Sau « Gia Định công báo » ít lâu có tờ « Phan Yên Báo » ra đời do ông Diệp Văn Cương làm chủ biên. Người ta đặt tên báo như thế là vì cổ danh của thành Gia Định là Phan Yên Tràn. Nội dung của hai tờ báo cũng không có gì khác nhau.

Về mặt sách báo quốc ngữ ở Nam Việt, có điều kiện phổ thông hơn là Trung Bắc nghĩa là sớm hơn hai chục năm. Ở Trung Bắc mãi tới năm 1895 trở đi mới thấy quốc ngữ bắt

đầu thông dụng trong dân gian. Người có công truyền bá là ông Ngô Dê Mân đã có công phiên dịch nhiều sách ra quốc ngữ, nhưng có điều đáng tiếc, Ngô Dê Mân lại chính là nhà giáo Norddeuman, người Pháp mà ta phiên âm là Mân vậy.

Hội mãi đến đầu thế kỷ hai mươi ở Bắc Kỳ mới thấy có một tờ báo ra đời. Vào khoảng năm 1900 ở Hà Nội, có hai tờ báo ra đời là « Đông cổ tùng báo » (trước là Đại Nam đồng văn nhật báo) và « Đại Việt Tân Báo ». Cả hai tờ báo cùng mang một thể tài; nửa chữ Hán, nửa chữ Quốc ngữ, thường có những bài ký tên Tân Nam Tử là bút hiệu ông Nguyễn Văn Vĩnh. Tờ « Đại Nam đồng văn » do ông Babut sáng lập, mà chủ bút là ông Đào nguyên Phổ, người đầu tiên có công giới thiệu và phiên dịch những tư tưởng mới mẻ cho độc giả thời bấy giờ. Sách mới đối với nhà nho, nhà nho đối với tờ báo ta buổi đầu có chỗ liên quan mà các bạn viết báo ngày nay không hề n hĩ đến.

Trước thời kỳ nói trên, có một số người tin tưởng rằng muốn cầm giữ nhà nho khỏi đa sự, không gì hơn để họ miệt mài trong vòng khoa cử từ chương. Nếu họ mãi ôm ấp kinh truyện thì phú, mộng ông Cống, ông Nghè thì trong tư tưởng không nảy nở những điều mơ ước cao xa, đòi độc lập, dành tự do cho đất nước.

Những người cầm quyền lúc ấy quên khuấy rằng chữ Hán cũng đủ làm môn đồ Đức Khổng tiến tới địa giới tân tư tưởng Tây phương là vì hồi ấy đã có những nhà học giả Trung Hoa ra công phiên dịch những sách của nhà văn cách mạng Tây phương.

Về hậu bán thế kỷ 19 có bốn họn giả đầu óc mới nổi lên như; Nghiêm Phục, Phan, hữu Vi, Lương Khải Siêu, Đàm tử Đông, v.v..., một hai yêu cầu nhà Mân Thanh mạnh bạo bỏ thi cử, đón rước học thuật tư tưởng Âu Tây. Họ đua nhau mở báo, dịch sách; phẩm những tác phẩm có tiếng của Âu Châu, bất cứ về địa dư, lịch sử chính trị, xã hội họ đều dịch hết. Tân thư lần hồi ra đời, không biết là mấy nghìn mấy vạn cuốn mà nói.

Hồi 1902, Nghiêm Phục, một tay xuất sắc nhất trong việc giới thiệu học thuật Tây phương ở nước Tàu, viết tựa một quyển tân thư có những câu thống thiết như thế này:

• Nước Tàu chúng ta hiện nay, phải lo cần kíp nhất, chẳng phải là sự ngu, sự nghèo, sự yếu đuối ư? Vậy thì nói tắt một câu; phàm là cách gì chữa khỏi cái ngu ấy, cái nghèo ấy, cái yếu ấy, ta nên hết lòng hết sức mà cầu lấy che được. Những điều gì khiến cho ta tu, ta nghèo, ta yếu, dù là của ông bà, hay vua chúa để lại ta cũng nên gạt một điều gì lợi ích dù là của di tích, hay chi đi nữa, ta cũng nên thờ làm thầy và bắt chước lấy ».

Tôi cốt dẫn câu ấy để tỏ phong trào tân thư và tân tư tưởng ở Tàu, 40 năm trước, bồng bột đến thế nào.

Thuở ấy, nhiều nhà nho xứ ta tìm đến rước tân thư, xem qui hơn là vở được của bầu. Trước hết là ông Đào Nguyên-sách mới nào sang, ông đều mua hết, lại gởi sang Thượng Hải hương Cảng mua và giới thiệu vô số bạn hữu nhà nho cùng thích đọc sách mới.

Thành ra nhà nho tuy không đọc được chữ Pháp, chữ Anh nhất định cũng biết rõ đại thể thiên hạ, lĩnh hội những việc chính trị, lịch sử nọ n châu, Tư tưởng của những danh nhân nước Pháp như Voltaire, Montesquieu, J.J. Rousseau đối với nhà nho ta không còn là một chuyện bí mật.

Trên mặt báo Đại Việt, Đào liên sinh và nhiều bạn nhà nho, đồng chí thường đem học thuật mới ra giải thích, giới thiệu, hô hào bỏ khoa cử mở trường học, kinh doanh các cuộc thời.

Không phải các cụ chỉ cổ xúy bằng bút, bằng miệng mà thôi mà lại đem thân ra thực hành nữa. Nhiều cụ thi đỗ rồi, đổi mới.

Hạng sĩ phu có kiến thức trong xứ đều chăm chăm vẽ bốn chữ; « Hòa dân cường quốc ». Hòa dân bằng học thuật mới, cường quốc bằng kinh tế, công thương, các cụ nghĩ xứ mình đã có văn minh phú cường như nước Pháp làm bướng

đạo, thì xây dựng cuộc duy tân không phải việc khó, miễn là người thành ý nhiệt tâm, có nhiều xir nguyên, trước cũng hủ bại mà sớm biết cải cách đã trở nên phù cường.

Mở tân giới xoay nghề tân học
Đón tân trào dung cuộc tân dân
Tân thư, tân báo, tân văn.
Chân di miệng nói xa gần thiếu đầu.

Mấy câu ấy rút trong bài ca xuất hiện thời 1909 chính là tả việc nhà nho hoạt động về mặt dư luận buổi đầu vậy.

Nhưng sự thật không phải chỉ có như thời ấy thôi.

Về sau báo chí kế tiếp ra đời mỗi năm một nhiều, và phải văn học xông pha trường văn trận bút mỗi ngày mỗi đông, nhưng không lúc nào nhà nho mất địa vị quan hệ, nhà nho không lúc nào không chiếm một chưu ngôi vai vế ở đình trung làng báo.

Vì sao?

Chẳng nói thì ai cũng biết; cõi tình thần cổ hũn không thể nào bỗng chốc gạt bỏ ra ngoài, và lại chữ Hán dù sao cũng cần dùng, nó với tiếng mẹ đẻ với văn chương ta có chỗ mặt thiết quan hệ cũng như cổ ngữ La tinh với tiếng Pháp vậy.

Hãy nói qua đến mấy nhà báo tiên phong.

Ông Phan Kế Bình đã dày công đóng góp vào đặc sản của Đông Dương tạp chí và để lại cho các bạn hậu tiến bao nhiêu bài dịch cổ văn giá trị, bao nhiêu khuôn mẫu quốc văn không thể nào quên.

Hai ông Hoàng Tang Bì và Dương Ba Trạc ở báo Trung Bắc Tân văn luôn mấy năm thay nhau chiếm cứ hai cột xã thuyết, cũng như ông Tú Nguyễn Đỗ Mục lựa chọn những tiểu thuyết Tàu lý thú, dịch ra cho chúng ta xem hết bộ nọ tiếp ngay bộ kia.

Ở báo Nam Phong thì các ông Nguyễn Bá Trạc, Đông Châu Sở Cường, Nguyễn Đôn Phục, v.v... đã làm nổi lên các bài đặc sắc về văn hóa đông phương ở bên những bài giới thiệu văn

hóa Thái Tây rất có giá trị của ông Phạm Quỳnh, một nhà tân học kiêm đạo mỗi bài quốc văn ông viết co chứa không biết, Cờ man nào là chữ nho.

Ta nên biết Trung Kỳ có tờ báo đầu tiên là Tiếng Dân của ông nghệ Huỳnh Thúc Kháng, một nhà nho chân chính hơn mười năm điều khiển rất khéo, xuất bản rất đều trong khi các nơi khác thiếu gì tờ báo chủ trương bởi tay tây học, vốn liếng có nhà tư bản, thế mà sòng lên chết xuống, nay ra mai nghỉ lập lòe như lửa ma chơi !

Báo giới trong Nam, phần nữa do các nhà nho chủ trương. Những tay tiên bối như mấy ông Nguyễn Liên Phong, Nguyễn Chánh Sắt, Nguyễn Tử Thúc, Lê Sum, v.v... đều là người có Hán học và từng làm sấm vang trống dậy trên đàn văn. Sau đó trong ba bốn tờ báo hàng ngày, nhà nho cũng chiếm đa số. Ông Bùi Thế Mỹ chủ tờ Dân Báo, vốn là một bạn trẻ tân cựu kiêm ưu và hai nhà nho Phan Khôi, Lê Cường Phụng thường viết trong đó. Hai anh em ông Bút Trà và Hồng Tiêu chủ trương tờ Saigon cũng đã bước tro ng bước ngoài vào làng nho và hình như đều đã từng một hai phen lều chõng. (Tài liệu của tập san Văn Hưu và Bách Khoa).

Từ Trung Bắc Tân Văn đến Đông Tây

Tôi là độc giả các báo Hưu Thanh, Đông Dương tạp chí Nam Phong, Trung Bắc, Tân Văn, Khai Hóa.

Tôi kính phục các nhà văn như Nhượng Tống, Thi Nhân Đình Gia Thuyết, Nguyễn Đỗ Mục, Phạm Quỳnh, Nguyễn văn Vĩnh. Có nhiều đoạn văn của các vị lữ : đó tôi đọc : i huộc lòng. Do đó cũng nảy ra cái hăng viết văn làm báo và một sự không ngờ đã xảy ra là cái tờ báo mà tôi tưởng không bao giờ được bền mǎng và chừa vồn tôi là tờ báo « Trung Bắc Tân Văn » tại chính là tờ báo hàng ngày mà tôi vào làm việc trước tiên trong đời tôi.

Trước đó tôi cũng viết bài cho « An Nam Tạp Chí » của Nguyễn Khắc Hiếu và gửi một vài cái tin cho báo « Thực Nghiệp » của Ô, Mai Du Lân, nhưng thực biết nghề báo thì là bắt đầu từ tờ Trung Bắc.

Như trên kia đã nói, những tờ trước « Trung Bắc », « Thực Nghiệp » chỉ lấy thông cáo ra đăng và đem học thuật mới ra giải thích.

Lúc đó, tờ Trung Bắc Tân Văn cũng vậy : một phần lớn đang thông cáo, ngoài ra có một bài xã thuyết, hầu hết bài nào cũng giống bài nào, hô hào đồng bào dân nước « mở tâm con mắt nhìn ra bốn biển nam châu, tự lực tự cường để suy lấy một địa vị phù cường trong thế giới ».

Làm báo lúc đó thực sự, chẳng phải nỗ lực gì hết viết xã thuyết cứ phăng phăng. Nguyễn Hồ Mục mỗi ngày nặn một bài vui cười ký tên là Hyf Đìnhf Nguyễn văn Tỏi.

Tin thế giới không có gì hết. Phải đợi đến năm 1932 trở ra người trai mới thấy có một vài tin quốc tế nói chuyện về Anh, Pháp, Mỹ.

Sở dĩ tin quốc tế hiếm như thế là vì đâu có những Télétype đánh ra thành chữ như bây giờ. Tin quốc tế phải đánh bằng morse, báo nào dám thuê người nghe Morise. Đến tận khi thông tấn xã AIMP ra đời, mỗi ngày tùy phải chạy đi lấy một hai tờ tin bằng chữ Pháp về, lúc đó nhiều báo mới nghĩ tới việc mượn một người ngồi dịch. Tờ báo nào có một người dịch như thế kể là sang nhất.

Dịch Arip hồi đó có tiếng là ông Nguyễn Văn Vĩnh Nguyễn văn Luận, Dương Mậu Ngọc tức Ngọc Thổ.

Dịch Arip được coi là khó nhất, nguy hiểm nhất vì dễ lầm.

Điện hình nhưt cho sự dịch lầm lúc ấy là cochon d'Inde (tức là con chuột bạch đánh vòng) có người dịch là con heo Ấn Độ. Sau đây báo chí tiến hơn, người dịch télétype cũng dày kinh nghiệm hơn, nhưng những cái lầm đó cũng không sao tránh được.

Đại khái exécution capitale dịch là chấp hành thủ đồ il-catalle prendre un verre à la mer dịch là nó uống cả một ly nước biển—hôtel de Ville là khách sạn thành phố và tá Ô. Varenne

uống rượu có cái thói quen bảo bời « pas de faux col » lại dịch là « đừng có cho cổ cõn vào rượu nhé ».

Kể lại mấy sai lầm vặt đó, tôi không hề có ý nhại những nhà văn, nhà báo đã qua đời, nhưng chỉ muốn tỏ ra rằng lúc đó viết báo khó biết chừng nào, dịch khó biết chừng nào, và văn tự ta nghèo đến chừng nào. Bây giờ ngành báo của ta tiến những biết nhảy vọt, nhưng những sai lầm ấy vẫn không thiếu người đọc báo nên chăm chú.

Đó là nói về kỹ thuật. Về tổ chức thì lại càng thô lậu: tin tức như chó bị xe cán, ăn mạng vì tính có khi chậm tới 4,5 ngày mà cũng chẳng ai than phiền vì có báo mà đọc tin tức đã qui lắm rồi.

Và lại như trên kia đã nói, báo chỉ hỏi đó hết thấy đều không đặt nặng vấn đề thông tin mà chỉ chú trọng đến phần nghị luận. Nhưng nghị luận đây cũng không có ý nghĩa nghị luận như bây giờ là đem mổ xẻ một vấn đề thời cục để xem xét các khía cạnh mà chỉ chỉ trọng đến mấy điểm sau đây:

— Tạo một tiếng nói và một chữ viết chắc chắn.

— Xây dựng tiếng Việt thành một ngôn ngữ xứng đáng bình giản, sáng sủa, gọn gàng, nói lên ai cũng hiểu được.

— Xây dựng những thể văn mới làm lợi cho thể văn học mới.

— Viết nên những bài có tính cách cải tiến dân trí mà không làm cho dân chúng vong bản.

Có lẽ chính vì thế mà một văn hào Nga, tên văn Vinh, N. cập nói rất thường của cổ đồ cũng ở chữ Quốc Ngữ, ở nước Nam ta mai sau này hay rất nhiều.

Thời kỳ đó qua đi. Báo chí Bắc Việt tiến thêm một bước với cuộc bút chiến giữa dân chủ trương và nhóm lập hiến do nhóm Đông Dương lập chí chủ trương và nhóm Nam Phong mà lãnh tụ là Phạm Quỳnh chủ trương. Thực tình mà nói, cuộc

bút chiến này đánh dấu một chặng tiến đáng kể của làng báo Bắc Việt. Tờ báo bất đầu được coi là một lợi khí trong đấu tranh chính trị khả dĩ tạo cho dân chúng một ý thức quốc gia dân tộc, thủ xâm lăng, thương nòi yêu nước.

Sở sánh với Nam Việt lúc đó thì báo chí Bắc Việt « yếu » trông thấy: trong khi cả Hà Nội chỉ có tờ Thực Nghiệp, Khai Hoa, Trung Bắc Tân Văn, Đông Dương Tạp Chí, Hữu Thanh thì ở Nam Việt có hàng chục tờ đáng kể như Đông Pháp Thời Báo, Hà Nội, Kinh Doanh, Thần Chung của của Diệp Văn Kỳ, Nguyễn Văn Bá, Tribune Indochinoise của Bùi Quang Chiêu, La cloche ferree của Nguyễn An Ninh.

Phải nhận rằng lúc đó các báo Nam tiến bỏ hơn báo Bắc: rất nhều, hầu hết các ký giả tiến đến công việc xây dựng nền móng quốc học đã tiến đến công việc xây dựng ý thức con người và chế độ thống trị khác, đã kích bộn quan hệ hại nước.

Có người bảo rằng báo chí Nam Việt tiến hơn vì chế độ chính trị ở Nam lúc đó khác biệt ở Bắc.

Có lẽ cũng có một phần nào đúng sự thật. Phải đợi đến khi Hoàng Tích Chu học ở Pháp về với bọn anh em như Hồ Văn, Chu Mậu, Phùng tất Đắc, ta mới thấy cả một cuộc cách mạng trong làng báo Bắc Việt.

Tờ « Đời Mới » tờ Hà Thành Ngọ báo của Bùi Xuân Học, rồi kể đó tờ Duy Tân tuần báo, rồi đến nhật báo Đông Tây, ta mới thấy báo chí Bắc Việt thay hình đổi lột từ ngoài đến trong. Không còn lối văn dài lê thê điểm văn biên ngẫu trong cột báo. Không còn cái thói rung đùi viết tiêu rồi ngâm nga một hai ngày trước khi xếp chữ lên khuôn. Không còn những bài xã thuyết bao giờ cũng bắt đầu bằng hai chữ « Phàm như » và kết thúc bằng câu « nếu quả thế cũng là một đại phúc cho nước An Nam ta vậy ».

Không bọn nhà văn nhà báo trẻ tuổi này, gồm Hoàng Tích Chu, Phùng tất Đắc, Tạ đình Bình, Phùng bảo Thạch, Tam Lang Vũ đình Chi đưa ra một phương pháp làm báo mới rập theo mẫu Âu Tây, viết văn ngắn gọn (có khi hành lỗ lỉnh) và có kế hoạch đã kích từng vấn đề, từng công việc.

Thực dân Pháp bắt đầu để ý nhiều đến báo chí từ lúc này và đến bây giờ chưa thể quên được những vụ Pháp liên minh với Nguyễn Văn Vĩnh chấm dứt loạt bài đã kích chế độ lập hiến thì trả hết nợ cho ông, vụ Hoàng tích Chu công kiện độc quyền nút Herméticos, vụ Nam Phong tạp chí ứng dụng tại lãnh mỗi tháng một số tiền trợ cấp để đề cao Pháp trong « Ba Lê du ký ».

Hoàng tích Chu mất sớm quá, nhưng nhấm nhát ở nơi chưa tuổi hẳn ông cũng được vui lòng một phần nào vì sau đó làng báo Bắc Việt tiến trông thấy, tiến rõ rệt, tiến không ngừng báo hàng tuần tiến, hàng ngày cũng tiến. Mỗi ngày người làm báo nghĩ ra những đặc điểm riêng cho báo mình, những độc đáo mà chưa báo nào có cả. Phải nói thật rằng chưa có báo chuyên môn lúc đó, nhưng nói chung thì mỗi báo đã có một vẻ riêng.

Về phần báo hàng ngày, vào lúc này đáng kể là những tờ Đông Pháp của Ngô Văn Phổ do Hoàng hữu Huy làm chủ bút tờ Tin Mới của Bác sĩ Nguyễn Văn Luyện nhường cho Mai Văn Hạm làm Chủ nhiệm, do Bác sĩ Nguyễn Tấn Tôn điều khiển tờ báo.

Tờ Đông Pháp bán chạy nhái, tờ Tin Mới có một đặc điểm là ngay thời tiền chiến, Tin Mới đã in bằng máy rotative và ra phụ trương nhi đồng, văn chương phụ nữ, thể thao, chiếu bóng.

Về phần tuần báo đáng nhớ trong thời này là những « Công Dân » chuyên đã kích quan lại, « Việt nữ » chuyên về phụ nữ, « Tương lai » thiên về xã hội, cũng bắt chiến gay gắt với tờ « Xã hội Mới » và « Le Travail » thiên Cộng, tờ « Vịt Đực » ra Bắc.

Tôi biết đôi chút về tờ « Vịt Đực » vì tôi có làm tờ báo đó.

Phải nói ngay rằng tờ báo ấy ra đời là bắt chước theo kiểu « Le Canard enchainé », nhưng tờ Canard enchainé của nhóm Pierre-Bénard-Reno thiên về chính trị thì tờ Vịt Đực chỉ thiên về đã kích, phong tục và xấu xa trong xã hội.

Có lẽ trong 36 năm làm báo của tôi chỉ có thời này là viết « đã » nhất, báo ra đời vẫn phải xin phép nhưng lúc in không phải qua nhất. kẻo của bà chúa kiểm duyệt cho nên viết văng mà viết chết thì thôi.

Bây giờ nếu còn có người nào nhớ đến tờ báo trào phúng có vẽ hai đầu vịt ở trên măng xét, tất còn nhớ rằng lúc ấy đã có một thời gây náo động trong công luận và bực. rộc cho các nhà cầm quyền Pháp, với những bài châm chích Bảo Đại đi chịch vợ người bị bắn gãy chân. « Thánh túc vi hòa, vạn tuế thánh túc », những bài về « Trên trời có ông sao tua, ở dưới hạ giới có vua thật hằm », vì Bảo Đại bị gãy chân lại nói rằng đi săn bị thụt hằm ». Báo chí chữ tuốt, bất kể vua quan, bất kể nghị sĩ nọ, học giả thân Pháp bỏ dờ Pháp. Cố nhiên là không thể nào tránh được sự sai lầm đáng tiếc, nhưng tựu trung thì cứ phải coi Vịt Đực là một quả báo trong làng báo Bắc (và cả làng báo Nam).

Tờ « Phong Hòa Ngày Nay » của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, tờ « Loa » của Bùi xuân Học do Côn Sinh Đỗ Mộng Ngọc điều khiển ra sau tờ Vịt Đực, tương đối có nhiều người đọc nhưng Phong Hòa được hoan nghênh không phải vì giọng văn, châm biếm, chua cay, (nhất là không dám đả kích quan trường và thực dân Pháp) nhưng chính là vì báo này đã đưa ra một cái mới là tiểu thuyết dài, và tiểu thuyết ngắn có tính chất tư sản (phù hợp với đa số người dân lúc đó) và có vẽ tranh (trước đó không có mấy báo có tranh vẽ kèm truyện).

Những truyện như Hồn Bướm Mơ Tiên, Lạnh Lùng v.v. bây giờ vẫn có một người thích đọc, nhưng nói thực ra thì ảnh hưởng của Phong Hòa Ngày Nay chỉ có tính cách hơi hột không sâu rộng bằng hai tờ báo chạy nhất hồi đó là tờ « Trung Bắc Chủ Nhật » của Nguyễn Doãn Vượng (hiện là giám đốc kỹ thuật nhà in Kim Lai ở Saigon) và tiểu thuyết Thứ Bảy của ông Vũ đình Long mà báo Phong Hòa đã nhiều phen in hình đả kích (có lẽ để cướp độc giả nhưng không được).

Có lẽ đến bây giờ vẫn có một số người ao ước làm một tờ báo như Trung Bắc Chủ Nhật mà không làm được.

Thành công của Nguyễn Doãn Vương lúc đó là có đầy đủ phương tiện về ấn loát, làm **cliche** và nhất là đầy đủ một tòa soạn tây nhỏ đủ cả, cần cù làm việc và tìm lời khảo cứu bất cứ vấn đề gì. Phần nhiều khi báo trước đây và cả bây giờ nữa người ta hay lười nhác: có một tập bài sẵn, hàng tuần cứ rút ra đăng, thành thử tờ báo không có một cái hồn, một cái dẫu.

Nguyễn Doãn Vương không chịu theo thể thức làm báo đó: anh biệt lập ra một loại báo đặc biệt, mỗi số (có khi vài ba số liền) đề cập một vấn đề, một sự việc dưới mọi khía cạnh — nhưng đặc biệt nhất là các bài đó lại kèm theo hình chụp hoặc vẽ như kiểu báo Match, Look bây giờ.

Trung Bắc Chủ Nhật là một tờ báo đặc biệt được độc giả cả Nam, Trung, Bắc hoan nghênh nhiệt liệt vì đọc thì hiệu quả về kiến thức.

Về phần nhỏ, tòa soạn gồm có Văn Hạc, Lê văn Hộc, Quán Chi, Đào Bình Nhất, Sở Bảo Doãn Kế Thiên, Tam Hữu Mai, Đặng Độ, còn phần Tây học, có Hồ Khắc Tráng, Hồ Khắc Quảng, Nguyễn dân Giám và nhiều nhà văn khác nữa mà tôi đã quên tên, dù lúc ấy tôi giữ một vai trò tích cực cho báo này (tức là ta gọi thư ký tòa soạn).

Vai trò ấy khó khăn hết sức cho tôi vì đồng thời làm thư ký tòa soạn cho Tiểu thuyết Thứ Bảy mà hai tờ báo ấy lại thi đua bôn chạy.

Được một cái may là mỗi tờ theo một chủ trương đường lối khác nhau.

Tờ trung Bắc Chủ Nhật thì sưu tầm, khảo cứu còn tờ « Tiểu thuyết Thứ Bảy » lúc ra thì chỉ chuyên về tiểu thuyết, mà lúc ra khổ to thì chỉ chuyên về phụ nữ mà thôi, thành ra không có mấy vấn đề nào gây cần ». Thanh Châu, Ngô Hoan, Ngọc Giao, Lê Văn Trương, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Thâm Tâm, Tề Văn Huyên, Trần, Nguyễn Triệu

Luật, Văn Khai, Nguyễn Tuấn, là những cây bút đã xây dựng tờ Tiểu Thuyết Thứ Bảy khổ nhỏ, đến khổ to, có nhiều văn tài mới ra đời trong đó có Tô Hoài, Nam Cao, Nguyễn Hồng, Lê Tam Kinh, Nguyễn Tất Thứ, Lê Văn Sơn, Phan Du, Nguyễn Văn Xuân, Lâm Mỹ, Hoàng Ba, Nguyễn Văn Nhân... Những mục «Biết ai tâm sự» nhằm gỡ rối tơ lòng, những chuyện ma quái, linh hồn, những cuộc thi như «Giờ vui nhất trong đời bạn—Phút buồn vui nhất trong đời bạn» bắt đầu ra chào đời từ đó cùng với đủ loại chuyện sáng tác, phóng tác, chuyện dịch, chuyện bằng thơ, truyện bằng tranh....

Đến bây giờ tôi vẫn nhận rằng phong trào văn nghệ của ta trong những năm 1932—40 thực là phồn thịnh. Những nhà văn nhà báo làm nghề không đặt nặng vấn đề tiền như bây giờ vì đời sống lúc đó không mấy gì khăn thiếu, cấp bách.

Ai cũng chịu khó tìm tòi suy nghĩ. Nhóm này muốn ganh đua với nhóm kia, người kia thấy người nọ viết một bài gì hay thì lúc khi về suy nghĩ cố viết một tập bài khác hay hơn.

Chính thời kỳ này đã thấy những báo bây giờ đọc vẫn còn thấy thích thú như Phụ nữ Thời Đàm của Bà Nguyễn Văn Đa, Tiểu Thuyết Thứ Năm và Hà Nội Báo của Lê Cường mà tòa soạn gồm có 2 người chính là Lê Tráng Kiều, Lưu Trọng Lư. Văn Học Tạp Chí của Dương Tư Quán, Đoàn bà của nữ sĩ Thụy An.

Có thể nói lúc đó, ở Hà Nội, vua báo là ông Tân Dân Vũ Đình Long vì một mình ông ra tới 3.4 tờ tuần báo, (ông không hề bao giờ nghỉ chuyện ra báo hằng ngày): ngoài Tiểu Thuyết Thứ Bảy, có Phổ Thông Bán Nguyệt San, (hai loại), Truyền Bá, Ích Hữu, trong số đó được hoan nghênh nhất là tờ Truyền Bá và tờ Phổ Thông Bán Nguyệt San.

Thực ra tờ Truyền Bá không phải là tờ báo nhi đồng phứ nhất ở Bắc (tờ thứ nhất là tờ Cậu Ấm của Thái Phi Nguyễn Đức Phong), nhưng ông Vũ Đình Long có cái tài làm báo tờ báo trẻ con lên, do đó người ta chỉ còn nhớ tới tờ Truyền Bá mà quên mất tờ Cậu Ấm, Cô Chiêu.

Phổ Thông Bán Nguyệt San. theo kiểu Les Livres bleus (collection Stella) của Pháp, lúc đó bán rất chạy trên toàn quốc, mỗi kỳ in một chuyện.

Lối làm việc của ông Vũ Đình Long rất chắc chắn và đứng đắn, thêm nữa ông lại có đủ tiền làm việc cho nên đã qui nạp được rất nhiều nhà văn nhà báo tên tuổi vừa viết sách vừa viết báo cho ông, như Trúc Khê, Ngô Văn Triện, Ngô Tất Tố, Nguyễn Triệu Luật, Nghiêm Xuân Lãm, Nguyễn Đỗ Mục với cả một số lớn nhà văn trẻ mà tôi đã kể trên kia.

Nói đến đây chúng tôi không khỏi se sắt trong lòng vì một số rất lớn cây bút đó từng góp phần xây dựng nên báo chí và văn học nước nhà, hiện nay hoặc đã chết như Ngô Tất Tố, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Việt Bằng, Thâm Tâm hoặc tản mác bốn phương không biết sống chết ra sao.

Riêng ở miền Nam, theo chỗ biết của tôi thì hiện nay chỉ còn vài ba người trong lớp cũ nhà văn nhà báo Bắc Việt nhưng không cầm bút nữa hoặc cầm bút nữa thì cũng viết lấy lệ để thoả mãn đòi hỏi của tâm hồn, trong đó có Vi Huyền Đắc, Tam Lang, Vũ Đình Chi, Lãng Nhân Phùng Tất Đắc.

Từ 1940 đến 1948

17-6-1940, Pháp hàng Đức, Quốc Gia Pháp ra đời Thống Chế Pétain lên làm Quốc trưởng Pháp.

Năm 1945 ở Việt Nam, quân đội Nhật đánh Pháp chiếm chánh quyền, làng báo phải trải qua một cuộc đổi thay đau đớn. Bao nhiêu báo của Tân Dân đóng cửa, tờ Tiểu Thuyết Thứ Bảy chuyển về Mục Xá (Hà Đông) ra tăng tăng. Các báo khác in bằng giấy bản, tự đóng cửa cũng nhiều, một phần vì không có giấy dù là giấy bản—một phần khác vì chế độ kiểm duyệt vô cùng hà khắc.

Lúc đó, tôi tiếp tục làm Tiểu Thuyết Thứ Bảy, thu bài ở Hà Nội, mỗi tuần về Mục Xá một lần để «mise» báo và truyện trò đàm luận thời sự với ông Tân Dân.

Ngày thường, tôi phụ trách kiểm duyệt (vì áp lực của một người Nhật) cho nên vì thế tôi được biết nhiều gặt gao kỳ cục trong ngành kiểm duyệt. Cố nhiên bao nhiêu bà khắc, hiểm độc của phát xít Nhật lúc đó đều không được đăng tải, nhưng kỳ hơn hết là đăng một tin « một con chó Nhật bị xe cán chết » cũng bị xóa luôn mà tờ báo bị theo dõi chủ nhiệm bị hiến binh kêu lên trụ sở đặc biệt đề... hỏi thăm sức khỏe.

Tờ « Trung Bắc Chủ Nhật » vẫn ra nhưng số đọc giả sút kém vì mất một số lớn độc giả Trung Nam.

Các báo sẵn có dừng im, nhưng đổi lại về mặt sách vở thì có nhiều phát triển.

Về báo, từ 1940 đáng kể có Bút Mới (tức Nghệ thuật Việt Nam), Ngôi bút, Tri Tân của Nguyễn Tường Phụng — một tờ báo lấy ôn cố tri tân làm khẩu hiệu — Khoa học, Thanh Nghị, Thanh Niên.

Trong số các báo mới này, tờ Thanh Nghị có tiếng là đứng đầu. Trợ bút gồm có Vũ đình Hoè, Vũ văn Hiến (luật sư), Phan AnL, Đình gia Trĩna, Đỗ đức Dục, Đặng thái Mai, Nguyễn văn Lâu...

Sự thực các báo này hầu hết xuất bản từ lúc Pháp thua trận, phát triển mạnh từ 1940 đến 1945, nhưng đến lúc Nhật lên thì xẹp cả.

Về báo hàng ngày, có tờ báo « Bình Minh » của Nguyễn Giang, do Nguyễn Hoạt rồi đến bác sĩ Phan quang Đán làm chủ bút. Tờ báo này sống bằng tiền Nhật chẳng được bao lâu.

Làng báo tuần tử và ngưng tiến triển nhưng cũng nên nói thêm rằng báo bí mật hồi đó lại « thịnh »

Đáng kể là tờ Cứu Quốc ra khổ nhỏ và một hai tờ khác in ronéo, hai trang, khổ giấy học trò, phát hành theo kiểu « Editions de minuit » của phe kháng chiến Pháp.

19-8-1945, Việt Minh cướp chánh quyền. Báo bí mật của Việt Minh ra công khai. Tờ « Cứu Quốc » ra hàng ngày đánh dấu một bước tiến quan trọng là ra 8 trang (từ trước, báo hàn

ngày nhiều trang nhất là 6 trang rồi đến báo « Sự Thật », cơ quan của Hội Nghiên cứu Mác Xít.

Hội Văn Hóa Cứu Quốc thành lập và cho ra đời tạp chí « Tiền Phong » với khẩu hiệu : « Dân Tộc » « Đại Chúng » và « Khoa Học ».

Nhưng Việt Minh khéo che đậy, vẫn cứ cho phép các báo đã xuất bản tiếp tục ra đời, với điều kiện là phải đổi tên : « Tin Mới » đổi ra là « Dân Quốc », « Đông Pháp » đổi ra là « Đông Phát ».

Nhưng dù vậy, các báo đó cũng khó sống vì một mặt, các báo của Mặt Trận « lấy thịt đè người », mặt khác lại có cảm bộ ngấm ngấm « ếm » các báo không phải của Mặt trận để cho các báo của Việt Minh « ăn chết ».

Nhưng qua một thời kỳ ngắn, báo của Mặt trận không được công chúng hoan nghênh.

Các báo đối lập ra đời. Đến bây giờ, người ta vẫn còn nhớ đến những tờ « Chính Nghĩa » (xuất bản hàng tuần), tờ « Việt Nam » (ở Ngũ Xã, của Việt Quốc). Đến khi quân đội Lư Hán sang Việt Nam tiếp thu và tước vũ khí của quân đội Nhật, ô. TSan cầm Thông ra một tờ báo đối lập lâm liệt là « Trung Việt Tân Văn » do Lê Kỳ làm giám đốc và bọn chúng tôi gồm Nguyễn triệu Luật, Ngô tất Tố, Phùng bảo Thạch, Thượng Sĩ, Nguyễn bình Lạp, Nguyễn quốc Ấn và một số anh em khác điều khiển.

Tòa soạn báo này đặt ở Phố hàng Bông, tại ô ten « Lạc Xuân » cũng trông thẳng sang nhà nữ sĩ Ngân Giang. Lúc đó, Trần Huy Liệu làm Bộ trưởng Thông Tin trong chính phủ Việt Minh, cứ một hai ngày lại ngự ô tô chính phủ đến uống nước trà và ngâm thơ tiêu sái với nữ sĩ Ngân Giang (có chồng làm ở tòa Đốc Lý).

Đối với riêng tôi, Trần Huy Liệu là bạn, nhưng thấy thái độ « trưởng giả học làm sang » của anh, tôi không chịu nổi, viết một loạt bài đả kích mấy tên cách mạng gập thoi

Trần Huy Liệu tức trào máu, bắn tiếng sẽ « hốt tôi vào sọt ».

Sự lạnh nhạt giữa chúng tôi bắt đầu từ đó và sau này sẽ gây cho tôi nhiều rắc rối giữa tôi và Liệu, nhưng việc đó là chuyện khác, tôi xin phép không nhắc tới làm gì.

Từ 1945 đến 1954

Như tôi vừa nói, các báo hồi đó ở Bắc Việt « xuống dốc ».

Tờ « Việt Nam » bị áp lực không ra được, « Trung Việt Tân Văn » cũng chết theo, Nguyễn Hải Thần ra tờ « Đồng Minh », ôi cộng tác được mười số rồi cũng « qua đời » nốt.

Đó là vì áp lực của Việt Minh ở Bắc Việt rất nặng.

Tuy nhiên, Bắc Việt cũng vẫn còn có báo đọc chờ không như ở Nam lúc đó bao nhiêu báo đều phải đình bản hết theo Tuyên cáo I của Tướng Gracey, kể cả « Hưng Việt » của Hồ văn Nhữ, « Tranh Đấu » cả Phan văn Hùm.

Mãi đến 22-11-45, dân chúng Saigon mới có tờ « Phục Hưng » để đọc. Chủ nhiệm tờ này là Hiền Sĩ đã bị Việt Minh thanh toán ở Saigon cách đây vài bốn năm.

19-12-1945 toàn quốc kháng chiến

Lịch sử dân tộc, đến một khúc quanh. Báo chí nước nhà lại bước sang một giai đoạn mới. Vì xê dịch khó khăn, các báo ở hậu phương in bằng máy « minerve » quay tay, thường thường mỗi tỉnh một tờ, không có gì đặc biệt. Riêng có tờ « Cứu quốc » (hàng ngày) và tạp chí « Văn Nghệ » được lưu ý hơn các báo khác.

Cuối 1946, đầu năm 1947, dân chúng lục tục « rình tề » về Hà nội. Lãng báo lại hời sinh, nhưng hời sinh một cách yê oải, một mặt, vì bị kiểm duyệt của chính phủ tay sai của Pháp về mặt khác, sợ sự đàn áp của Pháp lúc đó rất là ghê tởm.

Tờ báo đầu tiên xuất bản là tờ « Thời Sự » của ông Nghiêm xuân Thiện, có Trần trung Dung (cựu Bộ Trưởng Phủ Tổng Thống thời Ngô đình Diệm), Nguyễn đình Thuần (cựu Bộ Trưởng Quốc Phòng thời đó) trợ bút, nhưng Nguyễn đình Thuần lúc đó thì có thể nói là không « nước » gì, chỉ giữ chân chạy mà thôi.

Tờ « Thời Sự » có một đặc điểm là hôm nào cũng có một bài xã thuyết dài ba bốn cột, ca ngợi người Mỹ. Cố nhiên, Pháp không chịu được. Vì thế, người ta đã thấy hai lần Phòng Nhì và mật thám Liên bang «mông tê cú» phá nhà báo, đánh thợ, làm dữ với bà Nghiêm xuân Thiện và có lần lại bỏ chất nổ vào máy của nhà in « Thời Sự ».

Èm ả và sống ngon hơn là tờ « Dân Mới » của Bùi xuân Học (mỗi tháng lĩnh một số tiền của Phủ Cao Ủy Pháp). Xã thuyết do một người, hoặc Lê tài Trường, hoặc Văn Tuyền viết đưa đăng. Bài vở ở trong cất lảo lếu ở các báo cũ đăng xong' thôi, mỗi tháng cứ lĩnh đủ tiền ở « trên kia » là đủ chơi với đời.

Vào lúc này, « Tiểu thuyết Thứ Bảy » lại tái bản ở Hàng Bông (khỏ nhỏ), « Thế kỷ » (bán nguyệt san) của nhóm Triều Đầu ra đời (1959) cùng với « Đời Mới » của Trác Vỹ.

Đặc điểm của báo chí Bắc Việt lúc này là nói chuyện dờ dẫu, khảo cứu, không mấy chạy.

Đó là vì tâm trạng của người làm báo lúc đó sợ đã kích khèn Pháp hay chính phủ bù nhìn của Pháp thì bị ghét. Cho dưới tên một người Việt Nam, bán mỗi ngày chỉ chạy chừng 700 số là cùng.

Báo « Ngày Mai » của Văn hồng Thịnh, báo « Tiếng Dân » của Vũ Úc — Cung mạnh Đạt, cũng không may mắn gì hơn,

Lúc đó, báo chỉ sống nhờ vì bán giấy, họa may có một vài tờ tự túc được — nhưng cũng rất khó khăn như tờ « Gian

Sơn » của Bác sĩ Hoàng cơ Bình, tờ « Kiến Quốc » của Mai Văn Hàm, do Bác sĩ Nguyễn gì Trọng chủ bút, tờ « Tia Sáng » của Ngô Văn.

Tóm lại, báo chí vào lúc ấy xuống dốc hết sức. Có lắm tờ như kiểu « Quê Hương » chỉ ra một vài trăm số nhưng cứ sống mãi được vì xin giấy in, đem bán và chạy chọt với Bộ Thông Tin mua một vài ngàn số.

Tình trạng đó kéo dài cho tới khi họp Hội Nghị Genève. Chỉ có vài tờ báo thiên kháng chiến bán chạy, còn báo Nam Chỉ bán ra Bắc thì có 2 tờ được người ta tìm đọc. Đó là tờ « Đời Mới » cổ võ thuyết liên lập của Trần văn Ân và tờ « Phương Đông » của Hồ hữu Tường, đưa ra giải pháp « trung lập chế ».

Những nhà báo tên tuổi hầu hết vẫn còn ở lại với kháng chiến, lớp nhà văn nhà báo chưa tạo thành xong nên đến tháng 7 năm 1954, lúc Ngô đình Diệm chính thức biếm nhận ghế Thủ Tướng, ký kết Hiệp định Genève, các nhà báo lãnh nghề vẫn hiếm thấy và làng báo vẫn bàng bạc một bầu không khí ối động, tẻ buồn, không còn có những ganh đua, sáng kiến như hồi 1940-45.

Cái không khí đó có lẽ không còn bao giờ tái hiện nữa vì dưới chế độ Cộng sản, hiện nay ở Bắc Việt, báo chí nển có tiền thì cũng chỉ tiến một chiều, chớ không thể tiếc về mọi khía cạnh « trăm hoa đua nở » như thời trước nữa.

Theo chỗ biết của tôi thì toàn miền Bắc hiện nay có 30 tờ báo ra hàng ngày, cách ngày, hàng tuần, tạp chí nửa tháng và hàng tháng. Nhưng vì lý thuyết, vì đường lối, tất cả các báo đều phải đặt dưới quyền kiểm soát trực tiếp của Trung Ương Đảng. Cơ quan lãnh đạo cao nhất bao trùm các ngành báo chí là, thông tin, tuyên thanh và xuất bản là ban tuyên huấn nằm trong bộ chính trị Trung Ương Đảng Cơ quan trực tiếp điều khiển ngành báo chí là Báo chí Vụ trong Ban Tuyên Huấn.

Mặt khác, các báo địa phương lưu hành trong địa giới từng tỉnh hoặc liên tỉnh thì bị đặt dưới quyền điều khiển trực tiếp của Ban Chấp Hành Đảng Bộ địa phương.

Xem như vậy thì báo cái Bắc Việt hiện nay khó mà phát triển được.

Làm báo như thế tức là làm công chức lãnh lương Nhà Nước, làm cán bộ phụ trách công tác báo chí mà tờ báo chỉ là một thư thông tri viết bằng nhiều thể văn khác nhau để đăng những tiếng nói chính thức và bán chính thức của chính phủ.

Có thể hành động « trói miệng » báo chí đó trong thời chiến tranh cũng có phần nào hợp lý, nhưng đứng trên cương vị một nhà viết báo thuần túy chỉ biết phục vụ nghề mình, tôi thấy rằng chế độ báo chí ở các nước tự do — dù là trong thời chiến tranh dễ thở hơn ở các nước Cộng sản rất nhiều.

Và nếu bây giờ báo chí dù có bị kiểm duyệt một phần nào về quân sự và kinh tế đi nữa, ta cũng chẳng nên oán hận, nếu so với chế độ báo chí ở các nước Cộng sản.

VŨ BẮNG

các nhà báo nổi tiếng ở bắc viết và làm tin ra sao?

VŨ BẰNG

Có nhiều người ở ngoài nghề viết báo, làm báo, thấy tôi viết bài hay tin tức thường hỏi một cách hồn nhiên : « Tôi hỏi thực anh chữ chữ ở đâu ra mà những nhà báo các anh cứ viết thao thao bất tuyệt mãi mà không hết ? ». Thoạt nghe ai cũng tưởng câu nói đó là một câu nói đùa cho vui chuyện, nhưng thực thì không phải thế. Đó là những câu hỏi thực tình bởi vì bao giờ cũng có những người ở ngoài nghề tỏ ý ngạc nhiên hết sức khi thấy « ông nhà báo » cứ động cầm cây bút là viết lia, viết lia viết dường như không cần suy nghĩ nói một cách khác « viết chết thì thôi ». Những người thường thì tưởng đâu rằng viết được như thế là đã học sẵn từ trước rồi bây giờ nhớ lại rồi viết lên trên trang giấy, nhưng cũng có những người khác lại tưởng tượng một cách kỳ lạ hơn :

văn chương từ trong óc truyền xuống tay người viết báo (?) rồi người viết báo cứ thế mà viết ra không phải suy nghĩ khi khô gì hết, tựa như cái lối lên đồng « thánh ộp » vào đầu báo viết sao thì viết vậy hay « phụ thơ » tiên thánh giảng vào người ngồi hầu thánh, đưa tay người ấy viết lia viết lịa thành những bài thơ giảng bút tuyệt tác mà chính người viết không hay biết...

Sở dĩ có sự suy diễn kỳ cục như thế là vì viết văn, viết báo đối với người trong nghề không có gì kỳ lạ hay bí hiểm nhưng trái lại đối với những người ở ngoài nghề thì là cả một bí hiểm, một thái độ khó hiểu và nan giải. Là vì họ nhận thức như sau: nếu thần thánh không ộp vào đầu óc người viết thì chữ đâu cứ tuôn ra mãi, tuôn ra cả đời mà không hết? Mà chữ lại xếp đặt một cách quy củ, văn chương có lẽ lối, mạch lạc nghe đâu ra đấy? Lại nữa nếu viết văn viết báo là một chuyện thường tình thì ai biết chữ mà lại không viết được? Sự thực ở đời chúng ta cho người ta nhiều lần thấy rằng rất nhiều người có học đến tú tài, cử nhân (bởi vì họ quan niệm học đến tú tài, cử nhân là giỏi lắm rồi) mà cầm bút không tài nào viết nổi ba câu, thậm chí đến cái thư viết cho gái cũng không thành câu thành cú, đừng nói trình bày một cách dễ dàng!

Ngoài ra lại còn một hạng người nữa có học, có hành, nói năng đâu ra đấy, trình bày các vấn đề một cách hết sức khoa học « rất nhiều biện chứng » nhưng đến khi nhớ viết lại nổi mười câu để cho người ngoài hiểu nổi.

Vì thế dù muốn nói xấu nghề báo và người viết báo đến chừng nào đi nữa, đại đa số người ta vẫn cứ phải nhận viết báo cũng làm nổi được. Phụng sự nghề báo trên dưới bốn chục năm trời, thực tình tôi có lúc căm thù nghề đó và không có một lúc nào tôi đặt cho nghề đó một địa vị cao quá tầm mức.

các nhà báo

của nó, nhưng muốn nói gì thì nói tôi cũng cứ thành thật nói thẳng ra rằng viết báo đã đành là một nghề mà trước khi nói đến nghề thì phải nói đến thiên bẩm đã. Lúc rời Hà Nội đi kháng chiến chống Pháp, tôi có dự một đại hội văn hóa của Việt Minh. Tôi nhớ mãi mãi một câu nói của một lãnh tụ khi ngỏ lời với anh em nhà báo nhân dịp thành lập « làng văn hóa »: « Tạo một lớp thợ thì mất năm năm, chó tạo một lớp nhà văn hóa thì mười lăm năm hãy còn là ít ». Câu nói đó, tôi cho là tuyệt.

Kỹ thuật viết được tôi luyện cách nào.

Bên lề những người ngoài nghề thần thánh hóa nghề viết báo, có một bọn người khác lại cho rằng viết là một nghề tập mãi phải quen. Lời nói ấy chỉ đúng có một phần nào, vì cũng như các nghề khác, viết được là kết quả của nhiều năm học tập rèn luyện, nhưng khác các nghề khác, không phải cứ viết mãi mà thành quen.

Như trên kia đã nói, trước hết muốn viết cho ra viết cần phải có thiên bẩm đã. Thứ đến là sự rèn luyện, tập thành cho quen — văn ôn võ luyện — nhưng tất cả thiên bẩm và rèn luyện không thể đưa người viết báo đi xa nếu ở trong người viết báo không có một cái vốn kiến thức « tạm dùng ». Tôi nói « tạm dùng » là vì ai cũng thừa rõ là cái học, cái vốn kiến thức tạm dùng là bờ bến. người ta có thể nói là già cái biều không biết đâu là bờ bến. Người viết báo cố nhiên đời mà vẫn chưa đi được đến đâu. Không thể nuôi tham vọng biết nhiều hay biết hết nhưng cần bản tính thần của một người viết báo là phải có một cái học, cái biết phổ thông, khái quát nghĩa là không biết cái gì đến nơi đến chốn, không biết cái gì đến căn đến cội nhưng ít ra thứ gì cũng biết một chút, biết hơi hợt nhưng là có biết để nói ra được, viết ra được mà không sợ chữ tác dân ra chữ tội, làm con cá ông là loài có vây hay cắt tin quốc tế làm Somali ở Âu Châu và Pérou ở... Trung Đông.

Vì thế, hơn cả lớp người nào khác nhà báo là một loại người cần phải học hỏi nhiều, học hỏi luôn luôn, không ngừng càng viết nhiều lại càng phải học nhiều vì nếu không học, không đọc thì không thể nào viết được.

Hiện giờ có một lớp người mới lớn lên thấy nghề báo tự do, ngay trong khi đi học đã nuôi mộng sau này làm báo. Họ yên trí rằng làm báo thì không cần gì, có học nhiều: làm phóng sự thì thấy thế nào viết thế, viết tiểu thuyết thì cứ để cho yên sĩ phi lý thuần nó tuôn ra, còn điều tra thì chép lại sự thật và xin thêm một ít thống kê về là đầu vào đấy, cần gì phải học. Nghĩ như thế là lầm. Cát một cái tin Việt Tân Xã quốc nội hay quốc tế, làm một phóng sự về giải điểm, điều tra về số người thất nghiệp trong nước, hay viết một cái tin tòa án, dịch đầu mùa hay viết một ký bút về Đại Hàn, Nhật Bản, nhất nhất loại gì cũng đòi hỏi người viết báo phải có một cái học khái quát để hiểu thế nào là phải, thế nào là trái, thế nào là hợp lý, hợp tình, thế nào là đúng đường lối, là khoa học...

Có một điều này nữa là những người đã từng viết báo lâu năm đều nhận là đúng: phạm khi nào đọc nhiều, học nhiều thì công việc tìm đề tài để viết dễ dàng, trù phú hơn, khi viết thì nhanh hơn, ít phải cần bút nghĩ ngợi mà vẫn cũng sức tích chữ khoảng đến nỗi vô duyên và rộng tuếch.

Tính sổ lại trong ngần ấy năm làm báo, thực tình tôi chưa thấy có người nào ít học, lười đọc mà thành công trong nghề. Những lớp người già như Hoàng Tăng Bi, Dương Bá Trạc, Sở Bảo, Mai Đình Đế, Phạm duy Tố, Ngô văn Triện, Nhượng Tống, Thi Nham, ... đều là những người đã đọc nhiều kinh truyện sách vở chữ Hán và đã chịu ảnh hưởng các sách mới của thời cách mạng Trung Hoa.

Sau đó là lớp Hoàng tích Chu, Phùng tất Đắc, Tạ đình Bính, Phùng bảo Thạch, Nguyễn triệu Luật, Ngô tất Tố. Vũ trọng Phùng, Nguyễn tường Tam, Nguyễn Tường Long, Nguyễn

các nhà báo

Tường Lân, Hoài Thanh, Nguyễn đứ: Bình, Hồ khắc Quảng, Hồ khắc Tráng, Dương màu Ngọc... tất cả những người đó đều hoặc là hấp thụ cả văn minh Đông Tây, hoặc đã chịu ảnh hưởng văn hóa văn chương Âu Mỹ rất nhiều và đọc sách đọc báo Pháp hồi đó chỉ có báo Pháp chờ mấy ai đề ý đến tiếng Anh tiếng Mỹ! như ăn uống và hít thở. Vì thế họ viết suốt cả một đời, cho tới khi chết mà văn chương vẫn phong phú dồi dào. Phùng Tất Đắc làm Đông Tây, nhưng khi rồi thì học thêm chữ Hán khảo cứu Nho Giáo, Nguyễn Triệu Luật thông cả chữ Hán lẫn chữ Pháp, Ngô Tất Tố chỉ rành Hán tự thôi, nhưng ham đọc những sách Tàu phiên dịch những tư tưởng Âu Tây mới như của Jacques Rousseau, Montesquieu, Voltaire, Hoài Thanh có tiếng là người học giỏi. Còn những người như Vũ Trọng Phụng, H. T. Dương màu Ngọc, Hồ khắc Tráng, Hồ khắc Quảng thì phải nói họ mê đọc sách ngang mê gái. Vũ Trọng Phụng không có tiền đưa về nhà mua gạo thôi cơm nhưng không thể nào không tìm một ấm nước, một điều thuốc láo và một tập báo Tây (anh thích nhất tờ Canard Enchaîné và tờ Lu vu). Để leo lên gác thượng đọc hết tờ này đến tờ kia, quên cả ăn cả ngủ. Riêng Dương màu Ngọc (tức Ngọc Thổ) Hồ khắc Tráng (bút hiệu Hồng Lam) Hồ khắc Quảng, Côn sinh (Đỗ mộng Ngọc) thì cứ nằm xuống bàn đèn thì phải có một cuốn sách gì đó hay một tập báo Pháp để vừa hút vừa coi, cũng như Đào Trinh Nhất (bút hiệu Quán Chi) vừa hút vừa coi sách mà lại vừa viết bài cho báo.

**Sống mỗi người một nết,
Chết mỗi người một tật**

Vậy là muốn có một đời sống văn chương phong phú, muốn viết cho dồi dào, mạch lạc người viết lão phải đọc và phải học để lấy đó làm cái « vốn ». Thiếu cái vốn ấy, nhất định không làm ăn gì được, vì thế chưa viết báo hay đã viết báo rồi cứ phải học luôn luôn. Cái học ấy « hóa » đi giúp ích cho người viết báo rất nhiều mà đôi khi chính nhà

viết báo không tự biết. Phạm Quỳnh, Nguyễn văn Vĩnh sở dĩ thành ra những tay viết báo cứ khôi cũng là vì biết nhiều học lắm. Thực tình trong đời tôi chỉ biết có vài tay nhà báo ít đọc mà có tiếng : đó là Thâm Tâm Nguyễn Tuấn Trinh, Trần huyên Trân, Nguyễn Hồng, Mạnh phú Tứ... nhưng đó đều là những nhà thơ, nhà tiểu thuyết hay nhà báo viết báo hàng tuần chứ thực tình làm báo theo đúng nghĩa của chữ làm báo thì chưa có ai ít đọc mà viết hay hoặc nổi tiếng trong một thời.

Cái đọc ấy ảnh hưởng đến cái viết ra sao ? tôi không biết ai khác. Nhưng đọc có phương pháp để dùng vào việc viết theo tôi thì đặc biệt nhất là Phạm Quỳnh. Tôi có dịp tiếp xúc với Phạm Quỳnh nhiều nhưng theo lời Vũ công Nghi, một hồi làm thư ký ký tòa soạn báo Nam Phong, thuật lại thì mỗi khi Phạm Quỳnh đọc sách, ông ta khăn áo dài ngồi cẩn thận ở trước bàn kiểu các cụ xưa làm bạn với thánh hiền.

Mỗi khi đọc sách báo có câu gì hay, đoạn nào thú thì ông ghi vào một cuốn sổ theo thứ tự ABC, kể từ chữ đầu câu rồi đề đấy. Khi nào viết đến vấn đề gì mà cần phải có «citation», ông lại dở cuốn sổ nốt ra chép lại câu nói hay, tư tưởng đẹp, thành văn của ông súc tích mà lại chép đúng được nguyên văn và xuất xứ đoạn hay câu văn minh trích. Văn ông vì thế đạo mạo mà có mùi học giả.

Còn các nhà văn nhà báo khác theo chỗ biết của tôi thì không thế. Hầu hết — nếu không muốn nói là hết thấy thường nói hay tư tưởng đẹp như kiểu Phạm Quỳnh ? Muốn ghi lại một ý kiến nào của cổ nhân hay của những danh bút đương thời các ông này chỉ nhớ mang máng ; nếu văn bất đắc dĩ phải chép đúng lại nguyên văn, các ông vò đầu bời óc xem mình đã đọc ở đâu, thế rồi cời áo ra lục sách vở báo chỉ cù để âm thầm lăm cả ra mà không thấy vầu hoàn không thấy. Thét

các nhỏ bực

rồi các ông bỏ không viết nữa, hoặc có viết thì cũng viết đại khái thôi. Tuy nhiên riêng một cái học mà «hóa» được đi như thế đã là quý lắm và chính vì thế mà người viết báo lúc nào cũng «tán» rộng được bất cứ vấn đề gì. Ai cũng biết Vũ trọng Phụng qua mấy phóng sự «Làm dĩ», «Cạm bẫy người», hay những tiểu thuyết dài như «Giông tố», «Trùng số độc đắc», chớ không mấy ai biết rằng Phụng còn là một tay viết báo cũng viết bình luận về thế giới rất hay, nói về các đảng phái ở các nước thế giới rất là thông thạo. Phụng có cái tài là viết một hơi, mà nhanh, chữ nhỏ lít nhít, nhưng rõ, đặc biệt là cả một bài bốn năm trang giấy mà chỉ sòa chừng vài ba chữ là nhiều. Anh không cần thanh vắng hay yên tĩnh mới viết được. Có khi cả bọn anh em nằm hút thuốc nói chuyện âm ỉ anh ra một chỗ riêng ngồi hút thuốc lòn, uống nước rồi mặc mọi người cứ thế mà viết, bất kỳ là ngày hay đêm tối hay sáng, no hay đói. Là vì Phụng cũng như tất cả các nhà văn nhà báo khác, bao giờ cũng đợi nước đến chân mới nhảy». Sức anh ta viết là lúc không thể nào trùng trình hơn được nữa, không viết không được cho nên phải viết thẳng một lèo, thường là viết xong không đọc lại, cứ như thế gấp lại đưa nhà báo.

Vũ trọng Phụng và Nguyễn triệu Luật là bà con với nhau, cứ ngồi với nhau là cãi nhau. Luật có tự tôn mặc cảm, cho là Phụng không bằng mình, ché Phụng viết ẩu. Phụng trả lời Luật viết cẩn thận cũng không «ăn» ai và bao nhiêu bạn đều cho Phụng là phải vì lúc ấy Phụng nổi tiếng chớ tiểu thuyết của Nguyễn triệu Luật thì nặng như cái cối đá đại, ít người muốn coi Luật biết như thế lắm, đồ tội cho mình chữ đót, không hiểu nổi văn mình vì Luật vẫn tự cho mình chữ nho và chữ Pháp đều thông thạo và chữ nho của mình có phần còn «Sia» hơn cả chữ nho của đầu xứ Tố tức Cụ Ngô tất Tố. Mặc cho Luật nói gì thì nói, ai cũng nhận Tố là một nhà nho vào hạng cử, khả dĩ chọi lại được cả bọn Hoàng tăng Bí,

Mai đăng Đệ, Sở Bảo, Nguyễn đôn Phục, Nguyễn đồ Mục, Mai nhạc Đoàn tự Thuật. Hết thấy các cụ kê trên đều viết chậm, một phần vì các cụ cần thận đo lường câu văn, chữ dùng, một phần vì các cụ cố viết sao cho ngang bằng sô ngay, ra cái ý « chiếu trái không ngay không ngời, thịt thái không vuông không ăn chữ viết không rõ ràng từng nét thì không viết! » Thợ in mà vớ được bài của các cụ y như thế là vớ được cục vàng, nhất là chữ cụ Hoàng tăng Bí. Mai đăng Đệ thì chữ tập đồ chỉ rõ ràng đến thế là cùng. Có trông thấy các cụ viết bài, nắn nót từng chữ, coi trong con mắt thợ in, người ta mới cảm thấy giận những nhà văn, nhà báo viết bữa bãi, viết lem nhem như gà bới biết chừng nào! Trong số các nhà báo cảm đầu cảm cổ viết như máy, viết chết thôi, chữ thì nguệch ngoạc không ra nét không ra dấu, không ra cái « thờ » gì hết, ta phải liệt vào ngoại hạng chữ của Ngọc thổ Dương màu Ngọc.

Ở Trung Bắc Tân Văn, Báo Mới, Đông Tây, Dương màu Ngọc viết tin tức, dịch Á ríp, dịch báo Tây và đôi khi viết truyện ngắn. Ngọc Thổ « tịch » đến nay đã được 30 năm rồi. nhưng tôi còn nhớ như mới ngày hôm qua mỗi khi anh hút xong rồi ngồi viết (hay nằm viết). Giấy viết của anh cắt nhỏ bằng bàn tay một xếp thành trồng, anh đặt lên cái gối bằng cây ở tiệm rồi khom lưng xống mà viết bèn ánh đèn dầu lạc.

Hồi ấy đã làm gì có bút nguyên tử mà dùng viết máy thì bất tiện vì ngộ dương viết mà hết mực, phải lóng mực lòi thối quá thêm nữa ở tiệm làm gì ra mực bút máy! Vì thế, Dương màu Ngọc viết bằng bút chì. Đã yếu đuối, đèn lại mờ, trông không rõ, chữ anh không đậm nét, nhưng cái đó cũng chưa có anh ta lại xấu quá, xấu lạ xấu lung xấu thậm xấu hại, không thành nét bất cứ chữ gì cũng nhoeang một cái, đại khái chữ « nhưng » thì viết như rồi ngoang một cái, chữ « không » thì kh rồi ngoang một cái. Trông một cái bài anh viết, người trăm tĩnh đến đâu cũng phải tức uất lộn muốn đui cả hai con mắt đi cho rảnh. Chữ viết mà liệt vào hàng « hỗn » thì có chữ đốc tơ nhưng chữ đốc tơ so với chữ Dương màu Ngọc thì

không có « gờ ram » nào hết. Tôi chắc chắn từ giờ cho tới khi chết, tôi không bao giờ lại phải trông thấy một tuồng chữ thứ hai như thế, nó là cả một bộ « Việt Nam vong quốc sử », chữ đến như thế thực quả là chữ cả ông tổ loài người.

Phải nói cho thực, trông thấy chữ như thế, giận không để đâu cho hết, nhưng càng giận bao nhiêu thì lại càng phải bèn phục người thợ xếp chữ bấy nhiêu vì họ đọc chữ của Dương Mậu Ngọc thông vanh vách và xếp « như chơi » ấy là chưa kể có lần anh lại nói rằng « tuy vậy chữ ấy còn dễ đọc hơn nhiều chữ khác ». Tôi cho là những người thợ ấy nói phịa nhưng kỳ lạ là những épreuve bài của Dương Mậu Ngọc đưa lên ít phốt thật.

Tôi độ chừng đây là một thói quen của người thợ xếp chữ, xếp mãi chữ của Dương Mậu Ngọc thành quen và ghiền—không có tuồng chữ ấy thì nhớ và mưng bịnh.

Hồi đó, tôi còn ít tuổi. Thấy Dương Mậu Ngọc viết như thế, tôi nghĩ thầm rằng phạm nhà báo nổi danh phải viết chữ như gà bới vì thế tôi cũng bắt chước Ngọc và viết bài với một thứ chữ « đại mắt dạy » nguếch ngoác, không ra nét, ngoàng thứ chữ « đại mắt dạy » nguếch ngoác, không ra nét, ngoàng lên ngoàng xuống đến nỗi chính mình, ví có phải đọc lại bài mình viết cũng đành là mù mịt, không biết đâu mà rớt.

Về sau này, tôi tự nghĩ lấy làm hối hận vì cái hay không bắt chước lại bắt chước cái dở, tôi cố ý sửa đổi lại, nhưng cũng phải lâu lắm — mất đến sáu bảy năm trời — mới tập được một lối viết rõ hơn. Tuy nhiên, cho đến tận bây giờ, anh thợ nhà in các báo cũng như các anh em chị em đánh máy thấy chữ tôi cũng phải tắc lưỡi thở dài, nhất là những người thợ mới vào nghề thấy chữ ấy tôi chỉ có cách khước thét lên rồi « chữ và đồ » nghĩ cơ quan bắt tôi phải đi học viết cho ra chữ.

Nghe thấy những lời dả kích tàn tệ đó, tôi buồn trong bụng vô cùng, và lại nhớ đến cách viết của Quán Chi Đào Trinh Nhất mà xấu hổ? Đào Trinh Nhất viết bài ở tiệm hút, nhưng khác Dương Mậu Ngọc viết bất cứ với giấy nào, Nhất

phải viết giấy trắng, cắt xén phẳng phiu và viết bằng bút máy Waterman. Nét chữ của ông yếu lướt đi như gió, không thay đổi bao giờ, và thường thường là một bài viết trên giấy xén cỡ nhỏ bằng hai bàn tay không có một chữ nào xoa bỏ, họa hoàn hảo mới vòng một cái để thêm một hai chữ vào. Đến bây giờ, tôi chưa thấy người nào viết dễ dàng như Đào Trinh Nhất.

Viết một lúc hai ba mục khác nhau

Như mọi người đã biết, phạm đã gọi là nhà báo, làm báo thì phải viết được đủ mọi mặt văn. Dầu vẫn biết rằng mỗi người phải có một « bản sắc » riêng và khơi sâu một ngành riêng cho mình. Đại khái người viết phim thì chuyên viết phim người làm phóng sự tòa án thì chuyên về Tòa án, người viết xã thuyết chuyên về xã thuyết, v.v... nhưng ngoài mục chuyên môn đó, người làm báo phải viết được đại khái về đủ mọi mặt. Tôi nhớ lại lời của ông Nguyễn văn Luận khuyên tôi khi tôi mới bước chân vào nghề làm nhật báo : « Người viết báo phải như con dao phay thái bất cứ thịt nào, cũng vậy người viết báo phải biết đại khái đủ các môn và phải biết viết về đủ các mục, bất kể nghiêm nghị hay khôi hài, trữ tình hay đạo đức, chiến bóng hay thể thao, kinh tế hay chính trị... » Lời nói đó là cây kim chỉ nam cho bước tiến cho tôi sau này trong nghề làm báo và tôi nhận rằng lời của cụ Luận quả là xác thực : vì bao nhiêu bức đàn anh trong nghề báo của tôi đều « viết được đủ các mục, bằng cả hai tay » như vậy. Hai người mà tôi được gần gũi nhất, thuộc vào loại đó, là Nguyễn văn Vĩnh và Đào Trinh Nhất.

Nói đến Nguyễn văn Vĩnh, bây giờ tôi hãy còn thấy rõ hình bóng của ông già to lớn, đi không qua khệnh khạng, đôi mắt « cô lô nhàn », cười xe bình bịch, đến đâu là cười hô hố, nói vang vang. Lúc tôi được tiếp xúc với cụ lần đầu là hồi cụ Tổng, Phạm văn Cảnh, Lê Thăng, Phạm hy Lạc. Tòa soạn

cóc nhà báo

« Annam Nouveau » ở đầu Hàng gai trông sang Hàng đào. Đây cũng là trụ sở của Báo Trung Bắc Tân Văn nữa. Vì là trợ bút của báo « Trung Bắc Tân Văn » tôi được biết cụ và « bỏ via » khi nghe thấy cụ nói tiếng Tây âm âm, nhưng làm cho tôi bỏ via nhất là sau đó vài tháng, tôi đi theo hầu cụ Tung (bấy giờ là bác sĩ Tung) được biết cụ nhiều hơn nữa, tôi sợ cái tài viết của cụ và sợ đến bây giờ vì ba bốn mươi năm trôi qua rồi, tôi chưa thấy có một ông già nào chịu chơi và cứng như thế.

Nói trộm via cụ, cụ cũng biết là lúc sinh thời cụ có hai bà. Cổ nhiên dù tài đến mấy đi nữa thì trong nhà cũng ụng ằng lòi thôi — tuy rằng hai bà ở riêng. Nguyễn văn Vĩnh tiền sinh là cả một cuộc cách mạng thường xuyên : một mặt đối phó với hai bà, dàn xếp cho ngoài êm trong ấm, một mặt lo cho hai tờ báo đủ giả nhân viena vài tháng một lần tiền, một mặt lo chạy nợ kéo nhà băng tịch thu gia sản, một mặt thu xếp chuyện tranh chấp giữa anh em như Ô. Phạm huy Lục, Nguyễn văn Luận, một mặt lo đối phó với Tây xiết vòng đai bắt bị ông Vĩnh phải ngưng, đã kích Bảo Đại — Phạm Quỳnh.

Ở trong một tình trạng rối tung như cái đồng hồ đứt giây thiếu, Nguyễn văn Vĩnh có là bức tượng đồng đen cũng phải siu. Thì chúng tôi đã được dự kiến một cuộc « siu » như thế. Hôm ấy ông bị tấn công ba mặt trận : hai bà làm dữ nhà băng đòi tiền, có lẽ mất nhà in Trung Bắc. Tôi nhớ lúc ấy chừng một giờ rưỡi trưa. Bác sĩ Tung thu xếp xong việc gia đình cho ông Vĩnh rồi hỏi từ sáng đã ăn gì chưa thì ông Vĩnh đáp : « chưa, nhưng không cần. Bây giờ chỉ lo bài thôi vì nếu không có thì mai không có báo « nó » cười cho thôi óc ».

Sau khi ăn xong hai mẹt bún chả Nguyễn văn Vĩnh xoay ra viết liền. Mà viết gì ông phải viết một lúc bốn bài khác nhau. Tính thời giờ không kịp đưa bài cho thợ nhà in nếu tự tay mình viết lấy. Ông kêu một người thư ký lên gác, lấy giấy bút để ông đọc cho viết, một bài xã thuyết, Trong

khí đó, chính ông lấy giấy bút ra viết một bài đả kích thuyết Lập Hiến của Phạm Quỳnh cho báo Trung Bắc Tào Văn. Viết được một đoạn, ông lại ngừng đầu lên hỏi « Đến đâu rồi? » và đọc tiếp cho đến khi xong cả hai bài nhờ bác sĩ Tung đọc lại và sửa giùm « để moa dịch tiếp cái truyện Tê lê mai phiên lưu ký kéo dề trắng trống không tiện ». Và ông lại bắt đầu dịch luôn chuyện Tê lê mà đọc cho người thư ký chép còn ông thì vừa đọc vừa bàn với bác sĩ Tung về một bức thư mà ông cần phải thảo ngay lúc đó cho một nhà băng hăm dọa nội 48 tiếng đồng hồ thì tịch thu gia sản.

Về phần Đào trinh Nhất thì kỷ niệm thứ nhất giữa ông và tôi là vào hồi làm Trung Bắc Chủ Nhật và Cải Tào. Hồi đó Đào trinh Nhất bị trục xuất ở Nam ra Bắc.

Ông ở một căn nhà nhỏ ở Thái Ấp, viết bài và chuyên cho báo « Trung Bắc Chủ Nhật ». Truyện đầu tiên của ông trên báo là « Cô tư Hồng », còn về bài thi ông viết đủ các thứ : văn chương, chiến tranh, tài chánh, khảo cứu lịch sử, phê bình.

Thực ra, Đào trinh Nhất không có gì mới lạ cho lắm, nhưng ông có một ưu điểm là thông cả Hán tự lẫn Tây học tĩa rồi làm rộng, đoạn đặt cho một cái titre giắt gân, nghe bở vĩa.

Cái ngón của ông l'riệt đề khai thác cái vốn học của ông : có bài dùng diễn chữ nho (viết luôn cả chữ nno vào bài) có diễn dùng chữ tây, tỏ ra vẻ thông kim bác cổ. Đặc điểm của ông là tin phó măt dài dòng, nhưng ông ăn ngữ vi tách thực sự thì nội dung đượph đoảng, nhưng dầu sao thì cũng súc tích hơn vài của Hoàng Tích Chu rất nhiều. Nhưng phải đợi đến khi ở khu về thành trong thời kỳ Việt Minh chống Pháp, người ta mới thấy hết cái tài làm báo của Đào Trinh Nhất. Túc ấy tôi làm tờ « Tân Mới » của phủ Cao

Ủy Pháp : ăn ngon lắm, làm báo không khó khăn gì, chỉ cần một bài phong ca ngợi Liên Hiệp Pháp, đả kích Vem, còn bao nhiêu bài khác thì muốn viết gì tùy, thẻ lệ giấy cà giấy muống, con cà con kê mặc ! Đào Trinh Nhất, đứng đắn sau Phạm văn Thụ — tức Thu giệt có một thời đã làm Giám đốc Báo chí Thông tin, Chiêu hồi làm tờ « Cải Tạo » đã bị buộc vào một thế khó khăn hơn : làm báo « Tăng tăng » với Tây nhưng phải làm cách nào để cho không mất tư thế là một nhóm người quốc gia chân chính tranh đấu cả với Pháp và Vem để dành lấy tự do và độc lập cho xứ sở.

Trong thời gian này, Đào Trinh Nhất một mình làm gần hết tờ Cải Tạo. Trừ một vài bài của anh em giúp đỡ ông phải đing ra « làm bếp » và cũng trong thời kỳ này tôi mới thực thấy Quán Chi (bút hiệu Đào trinh Nhất) là tay quán xuyến cừ khôi, bao nhiêu bài thiếu ông ta viết hết : potin, vui cười, sửa thơ, chuyện dịch, chuyện báo. Bởi vì viết bài cho báo đầy đủ, chưa phải là làm báo, làm báo còn là phải làm thế nào « doser » cho tờ báo có đủ hí, nộ, ái, lạc, ái, ố, dục và thỉnh thoảng mở một cuộc thi, một vài thái độ, một cuộc dịch thơ v.v... để « câu » độc giả. Tôi đã thấy tận mắt Đào Trinh Nhất một tay tháo vác làm tất cả các công việc chính là việc viết bài, viết đủ các loại bài, kể từ thơ, chuyện đến « deuxième article ». « Nói mà nghe » về xã thuyết ấy là chưa kể công việc sửa văn sửa ý những bài của độc giả hay của các bạn bè ở các nơi gửi về.

Sửa văn, chọn tin

Nói đến chuyện sửa văn sửa ý của các bạn bè ở các nơi gửi về, tôi thấy Đào trinh Nhất tỏ ra là một người tháo vát và hiểu nghề hơn ai. Ông đã tỏ ra biết tôn trọng ý kiến của tác giả trong bài ở các nơi gửi về, chỉ sửa ý, bản cũng bất đắc dĩ lắm mới sửa văn, mục đích là để giữ nguyên bản sắc của tác giả bài báo. Thấy thế tôi nhắc lại cách làm việc của báo Trung Bắc Tân Văn thời ông Luân : Dương phương Đức làm thư ký tòa soạn, cứ động cầm cây bút là sửa, rồi chuyển sang cho

một ông như Tú Mịch, Sở Bảo hay Tam Hữu sửa chữ như xong đầu đó rồi lại chuyển sang cho ông Phạm Huy Lạc hay Nguyễn Văn Luân sửa một lần nữa «chữ Tây không được mà mình Tây cũng không được» — Thế mới đúng Trung Bắc là báo trung dung. Với một bản kiểm tin, sửa tin như thế, khỏi nói, các bạn cũng thấy người phóng viên lúc ấy khổ đến chừng nào.

Viết đến đây, tôi chợt nghĩ đến một nhà văn « có hạng » thời tiền chiến. Nguyễn Tuân. Người ta biết « Muốn ốm » « Chiếc lư đồng mắt cua » « Thiếu quê hương » nhưng ít ai biết rằng trước khi nổi tiếng trên văn đàn, Nguyễn Tuân đã từng làm thông tin viên ở Thanh Hóa cho báo « Trung Bắc » trong nhiều năm và đau cho Nguyễn Tuân nhất là tin tức của Tuân gửi về bị ban kiểm tin xóa bỏ không thương tiếc, có khi cả một trang giấy học trò chỉ còn giữ lại được mười dòng.

Thuộc vào cái hạng « sửa tin » như thế, lại cũng nên kể Đỗ Văn lúc làm chủ báo « Nhật Tân » ngồi lờng khùng sửa từng cái phẩy, cái chấm, sửa từ một chữ viết rất đúng (nhưng ông cho là trật) thậm chí cả đến cái dấu « oong poong phi nan » cũng sửa luôn. Làm ăn như thế thì sửa một hai cái tin đủ hết ngày.

Nhiều người tưởng rằng làm báo, mình không viết được, thì ngồi sửa tin. Nghĩ như thế là làm vì sửa tin, chọn tin có những khó khăn riêng của nó, không phải bất cứ ai cũng làm nổi. Thí dụ Lê trảng Kiều, cứ kể cũng là một tay làm báo lâu năm nhưng báo cất tin thì được, cất bài cũ để đăng thì được, chớ báo ngồi viết lại hay sửa lại một cái tin thì chịu chết.

Tôi tiếc rằng trí nhớ rất tồi, mà báo « Công Dân » thì bây giờ ở thư viện cũng không còn giữ được số nào nên không thể kể những bài « phim » ấy ra đây hay thuật lại với Thống sứ Tholance, dưới nhan đề « Mùa tiền xe » lời đủ, các điện tích ra để chữ thì quả phải là tay giỏi chữ mà lại thiếu

hiếu các tinh thần trao phúng của Âu Tây mới có thể tạo nên một thứ văn chương tuyệt trần đến thế

Lăng Nhân Phụng Tất Đắc, Tam Lang Vũ Đình Chí, Bạch Diên (tức Cư Diệc) Văn Tuyên (Bút hiệu của Soubrier) cũng thuộc vào loại viết phím có tiếng, mỗi người có một chương vẽ riêng như chị em Thủy Vân Thủy Kiều « mỗi người một vẽ mười phần vẹn mười ». Không dám phê bình mà cũng không thể phê bình được.

Yếu tố chính văn là sáng kiến

Nhưng muốn nói gì thì nói, một hai bài hay trong một số báo, một tay bình bút giỏi nằm trong một tòa soạn « lấp nham » cũng không thể nào làm cho báo chạy cũng như « một con chim én không thể nào làm được mùa xuân ». Yếu tố cần nhất để làm cho báo chạy là phải có một người chỉ huy luôn luôn có sáng kiến mới lạ để gia giảm năm mười, trên hay mới luôn và đề cập đến những vấn đề sốt dẻo, sôi động hợp với thị hiếu của người đọc báo. Trong tất cả những chỉ huy mà tôi từng hợp tác có hai người mà tôi mến phục và thú thực là đã học hỏi được nhiều trong khi cộng tác với nhau : đó là Nguyễn doãn Vượng, giám đốc nhật báo « Báo Mới » kiêm chủ nhiệm tờ « Trung Bắc Chủ Nhật » và ông Vũ Đình Long, chủ nhà in Tân Dân chủ nhiệm các báo « Tiểu thuyết thứ bảy », « Ích hữu », « Phổ thông bán nguyệt san », « Truyền Bá ».

Phải thành thật nói rằng một phần lớn công trình làm cho báo « Trung Bắc Chủ Nhật » chạy vào hàng nhất nhì lúc bấy giờ là công lao của Vượng. Mặc dầu sáng lập viên chủ nhật tờ báo lúc đó là ông Nguyễn Văn Luận, nhưng nếu cứ để cho ông Luận làm với « ê kíp » Trung Bắc Tân Văn và « Báo Mới » thì bất quá tờ này cũng không hơn tờ « Tri Tân » của Nguyễn Tường Phượng là bao. Hồi làm báo « Tân Thiệp Niên » của Trần tấn Thọ, chính Lưu Hồng Lư ngoài việc viết bài, đã phải đảm trách cả công việc này. Bây giờ tin tức của phóng viên viết ra tương đối đã có mạch lạc qui củ nên công việc sửa chữa không còn mấy khó

khăn vắt vãi, chờ ngày trước thì văn chương bắt thành cú, sửa được một cái tin toát cả mồ hôi, nói gì đến văn chương văn nghệ. Vì thế ngoài bài xã thuyết và tin ra chẳng có gì để đọc. Phải đợi đến lúc báo chí cải tiến, ông Nguyễn văn Vĩnh nhường tờ Trung Bắc cho ông Nguyễn văn Luận, người ta mới thấy những truyện đầu tay của Lê văn Trương như « Những cảnh hoang tàn Đế Thiên Đế Thích » hay « Sóng gió Thái bình Dương » của Nguyễn dân Giám, Nguyễn Tuân cũng bắt đầu nổi lên trong thời gian này, nhưng không nổi trên mặt báo hàng ngày mà là trên tuần báo « Tiểu thuyết thứ bảy ».

Phần nhiều truyện của Lê văn Trương viết trọn bộ rồi mới đưa bán cho nhà báo, Nguyễn dân Giám viết từng kỳ chữ to như con gà dò. Vào thời kỳ này, Nguyễn Tuân chưa lập dị chỉ có cái đầu bù lá đặc biệt thôi. Tuân bắt đầu lập dị nhất từ khi viết chuyện cho « Tiểu thuyết thứ bảy » và « Trung Bắc Chủ Nhật », sau khi đi Hồng Kông đóng phim « Cảnh Đồng Ma » với Nguyễn doãn Vượng. Cái thói quen viết văn phải tìm giấy thực trắng, in con thuyền buồm dưới có mấy chữ « Gió đã lên » cũng bắt đầu từ lúc này. Cũng lúc này bệnh lập dị của Tuân bắt đầu trầm trọng để rồi đến khi đi với bọn « Hàn Thuyên » gồm Ngũ ễn đưc Quỳnh, Trương Tửu v.v... thì cái bệnh lập dị ấy thành ra một chứng bệnh nan y, vô phương cứu chữa. Trái hẳn với Nguyễn Tuân. Ngô tất Tố, Phùng bảo Thạch, Nguyễn triệu Luật, Nguyễn như Hoan viết bất cứ vào giấy nào cũng được và viết bất cứ ở đâu cũng được. Tương đối chữ của Phùng bảo Thạch to nhất, chữ của Ngô tất Tố rõ ràng. Hoàng tích Chu, Phùng tất Đặc viết bay bướm nhưng tôi còn nhớ một cái tật của Ngô tất Tố trong khi viết : trước khi viết uống nước thật no, viết rồi lại uống cho bụng căng lên những nước. Trong số các nhà nho cũ làm báo, theo tôi Ngô tất Tố có thể được liệt vào hạng cử khôi vì viết cũng đủ các mặt : phóng sự, bút ký, khảo luận, xã thuyết, phê bình, đàm đả, bút chiến, nhưng đến bây giờ người đọc chỉ biết Ngô tất Tố qua cuốn « Lều chõng » chờ không mấy ai biết rằng Ngô tất Tố còn là một tay viết lịch sử ký sự, chuyện đã sử rất hay và cái đặc biệt nhất của Ngô tất Tố và viết mục phim lúc ấy

các nhà báo

lấy tên là « Có hay không? » « Nói hay đừng »... Văn trào phúng cay cú của Ngô tất Tố sâu xa lạ, nếu đem ra so sánh « Thông reo » ở trong Nam lúc bấy giờ và « Làn Thần Tiên sinh » của Mai đăng Độ thì chưa biết ai hơn ai kém...

Nguyễn doãn Vương đem đến cho tờ « Trung Bắc chủ nhật » những cái mời la thường xuyên cả về nội dung lẫn hình thức, nhưng may cho Vương là có những anh em có khả năng đưa sáng kiến gì ra đại khái thì anh em thì hành bổ túc ngon lành, có khi quá cả sự ước muốn của Vương là khác.

Trong số đó có mấy anh em đáng kể : Hồng Lam, Hồ Khắc Trọng, Văn Hạc Lê văn Hộc, Nguyễn huyền Linh, Đào Trinh Nhất. Muốn viết về vấn đề gì, mấy ông bạn này chỉ nghe thoáng Vương nói là viết liền mà dù là vấn đề đề cập khó khăn đến mấy, anh em cũng viết như chơi. Văn Hạc Lê văn Hộc là một nhà báo đáng kể, thông cả chữ Nho, chữ Pháp nhưng không hiểu tại sao lại ít người biết tiếng.

Còn ông Vũ đình Long, thì lại có sáng kiến về phương thức. Tổ chức một tờ báo thật kỹ lưỡng, tính toán cách in cho ăn chắc đến 8 phần mười phải hỏi ông Tong. Làm báo, ông chú ý nhất về phương diện thương mại cho nên phạm cái gì liên quan đến các đại lý, đến việc phát triển, đến nhà bưu điện, đến giá báo bán lẻ, đến phát hành đăng tải trên mặt báo, chính ông Vũ đình Long phải viết lấy chữ không dám nhờ người nào khác. Chủ trương của ông từ lúc bắt đầu làm « Tiểu thuyết Thứ bảy » khổ nhỏ cho đến khi tản cư nhà in về Mục Xá rồi từ Mục Xá dọn ra Hà nội hồi 1947-1948 bất di bất dịch : báo phải ra nhiều tranh, bán rẻ hơn người khác, in rõ ràng, ít phốt và phát hành thực sớm (trước cả ngày in trên mặt báo). Còn về lối chọn lựa bài vở của ông Long thì nhắm vào ba yếu tố sau đây :

1. — Ai đọc cũng hiểu và ham thích, dùng cao quá.
2. — Không bình luận.

3.— Còn về cách chọn truyện kiếm hiệp thì ông chú trọng nhất về điểm phải hấp dẫn ngay từ trang đầu, phải có một nữ kiếm tên thực đẹp, thực mê ly còn hiệp khách là một chàng cũng đẹp coi danh vọng, tiểu tài không có gờ ram nào hết, chỉ biết nghĩa vụ trên hết.

Cuốn lược làm báo của ông Vũ đình Long đã làm cho nhiều người bài phục một thời kỳ vì ông chịu khó nghiên cứu tâm lý bạn đọc một cách rất kỹ càng. Trái lại với nhiều chủ báo khác ông Tong không phải là một « người nộm » một ông tiên phun kiếm như Phong Hóa Ngày nay vẫn nhạo nhưng là một người có học, đọc nhiều, biết chữ Nho, thông chữ Pháp viết văn cũng, nhưng sở trường của ông là kịch. Ông bước vào (làng) vào làng báo bằng vở kịch « Tòa án lương tâm ». Tôi được học hỏi ông nhiều là nhờ vì trong bảy tám năm trường, ông đã tin và giao cho tôi trông nom mấy tờ báo của ông như « Tiểu thuyết Thứ bảy », « Phổ thông bán nguyệt san » và « Truyền bá » (còn tờ « Ích Hữu » thì chính ông trông nom lấy).

Về sau này, mỗi khi tính toán về ra một tờ báo hay là viết quảng cáo truyền đơn cô đọng, tôi chịu ảnh hưởng khá nhiều của ông, về vấn đề làm Titre bài thì là ảnh hưởng của Đào trình Nhất, còn viết cho có « ngon » để tránh sự hời hếch, đại dốt thì là nhờ Phùng bảo Thạch, nhất là trong khi Phùng bảo Thạch và tôi gần như đơn thương độc mã làm tờ « Vịt Đực » chuyên dả kích người ta mà viết cách nào để cho người ta khỏi đi kiện hay bắt kiện mình.

Thời kỳ làm « Vịt Đực » là thời kỳ báo « loạn » nhất đời tôi, trái lại sống thật êm đềm văn nghệ là thời kỳ làm « Tiểu thuyết thứ bảy ». Trong thời kỳ này tôi tự phụ đã tìm ra được nhiều cây bút sau này nổi tiếng như Tô Hoài, Nam Cao, Nguyễn tất Thủ, Phan Du, Lê Tam Kinh, Nguyễn văn Nhân, Nguyễn duy Diên, Nguyễn dân Giám (với truyện dài Dưới Rặng Thông) Nguyễn văn Xuân...

các nhà báo

Các nhà văn nghệ này đều tìm cho mình một sắc thái riêng; như Tô Hoài chuyên về truyện ngoại ô và súc vật (anh ở Bưởi), Nam Cao chuyên về cảnh nghèo ở nhà quê: Phan Du chuyên về những truyện ở miền Trung, Nguyễn văn Nhân chuyên về những truyện liên quan đến nhà giáo ở tỉnh nhỏ, Nguyễn duy Diên chuyên về đời sống của thanh niên tư sản, Nguyễn dân Giám chuyên về truyện tình từ ở Pháp, Lê Tam Kinh, Nguyễn tất Thà chuyên về các câu hò câu hát dân ca ở miền Trung... Các nhà văn nghệ đó đều nổi tiếng từ từ « Tiểu thuyết thứ bảy » trong khi địa vị của Ngọc Giao, Thanh Châu, Nguyễn Bình, Nguyễn Nông, Thâm Tâm, Trần huyên Trân, đã vững ở trên văn đàn rồi.

Trần huyên Trân cũng có viết một ít chuyện ngắn có cái đáng được, có cái không, nhưng hiện giờ không ai còn nhớ, chỉ biết Trân là một thi sĩ như Nguyễn Bình. Thâm Tâm... Duy Thâm Tâm (Nguyễn tuần Trình) có điểm đặc biệt hơn Trân là trong khi anh nổi tiếng về thơ thì cũng nổi tiếng luôn về truyện và kịch ngắn. Ngọc Giao viết cùng với Thanh Châu nổi tiếng về truyện tình ướt át với giọng văn du dương chịu ảnh hưởng truyện « Giọt lệ sông Hương » của Tam Lang Vũ đình Chí nhưng Thanh Châu khác Ngọc Giao là đồ « ướt » hơn và ý kiến tư tưởng cũng súc tích hơn. Có lẽ tại Thanh Châu đọc nhiều hơn Ngọc Giao.

Cũng vào thời kỳ này, chiều nhà văn khác đã nổi tiếng rồi cũng quay về viết cho Vũ đình Long, trong tập « phổ Thông Báo Nguyệt san ». Những truyện bán như thế ông Long « chơi dao chắt » là chỉ mua những cuốn nào đã viết xong xuôi rồi. Nguyễn công hoan lúc đó là thầy giáo ở Nam định không viết được nhiều, chỉ viết truyện ngắn và một vài truyện dài (trong số đó có truyện Tái lửa lòng) nhưng Lê văn Trương (lúc đó không bán hết xoàn xiêm nữa mà chỉ sống bằng ngồi bút) thì viết « gia rit » nửa tháng, một tháng đến nhà Tân Dân đưa bản thảo, trông mà sốt ruột.

Tôi còn nhớ có nhiều bản thảo của Trương bán cho nhà Tân Dân dày đến 18.000 trang viết tay, như truyện « Vết

dầu • hay « Vết máu » gì đó, ông Long mua bản quyền xong xuôi rồi mà đến khi ký hiệp định Genève vẫn không xuất bản được chắc bây giờ đã mất. Có một hồi Nguyễn công Hoan, Lê văn Trương và tôi giao du rất thân mật với nhau. Những truyện như « Samandji » của Hoan viết nhân đạo nghĩ hơ Hoan lên chơi Hà Nội, đêm thì đi hát, ngày lán đóc, Hoan đợi chúng tôi nói lăm mệt ngủ quay ra đó mới lấy giấy bút viết truyện đưa cho ông Tân Dân lấy tiền ngay để tối đến lại lấy ngay tiền đó đi ăn và đi hát,

Còn Trương thì cũng có một thói quen riêng khi viết : Lúc viết nhiều nhất, tức là vào hồi viết những truyện như « Hai anh em », « Ngựa đã thuần rồi, mời ngài lên », « Cô Thung » v.v...

Anh ở tại một căn nhà tại biên Hà Nội (tục gọi là làng Láng) anh đi chơi hàng tuần rồi đột nhiên không thấy mặt đâu. Thì ra anh đóng cửa lại để viết. Theo lời anh ta nói thì anh viết « như điên », « thỉnh thoảng tại phải trườn nước đá lên đầu không có thì đứt mạch máu ra mà chết » nhưng Hoan và tôi cho là anh ta... nói phét. Anh ta cũng có viết, viết loạn lên viết hơn mực bình thường một tí nhưng dần đến nỗi gờm ghê đến thế. Sở dĩ anh ra được nhiều truyện là nhờ vì anh ta sống giang hồ, có nhiều « đàn em » và trong số đàn em này có vài người làm « mọi » cho anh, nghĩa là viết rồi ký tên Lê văn Trương bẻ bán cho nhà xuất bản.

Tôi biết chắc được như thế là vì tôi có nhiệm vụ đọc các bản thảo « Phổ thông bản nguyệt sạp » để chọn xem truyện nào lấy, truyện nào bỏ, theo một quy ước riêng giữa tôi và ông Long : tôi đọc xong thì tóm tắt truyện lại ba dòng và đánh ba loại dấu : truyện hay thì hai khuyên tròn, truyện « được » thì đánh dấu thập, còn truyện loại bỏ thì đánh dấu trừ. Có nhiều truyện của Lê văn Trương viết mà không phải chữ của Trương. Tôi bảo anh chính là « mọi » viết chứ không

các nhà báo

phải là anh viết thì lập tức anh thề liền «tôi mà nói dối chết một đời cha ba đời con». Trương thề như thế rất nhảm vì anh đã quen miêng, chuyện không đáng gì cả mà cũng thề bồi, xấu lắm.

Những nhà văn, nhà báo Âu Mỹ nuôi «mọi» để viết rồi ký tên mình vào đó là chuyện lâu đời thấy, có gì là đâu. Tôi cũng đã từng có lúc viết không kịp cũng phải nhờ «mọi» giúp. Đó là thời kỳ 1940 — 42 tôi đưa ra loại bài nói về các thứ ma quỷ, siêu hình học (một ông giáo bấy giờ đã qua đời giúp việc cho tôi hàng tháng) lúc tôi viết về loại báo Tabloid của Mỹ đăng trên «Trung Bắc Chủ Nhật». Và lúc tôi nhận viết mỗi tuần một «Truyện có thực» và mỗi tháng một truyện dài hoặc để đăng «Phổ thông bán nguyệt san» hoặc đăng «Truyện Bá».

Trong số «mọi» của Trương, tôi biết ba người không tiện kể tên ra đây: một người sau này nổi tiếng là tay phóng sự cũ và mệnh một tại đây, còn hai tay nữa hiện nay còn sống và cũng đang làm báo.

Hiện nay có người quả quyết rằng Tô Văn cũng có «mọi» vì thấy anh viết quá: mỗi ngày phải cung cấp sáu bản bài — vừa tin tức, vừa truyện dài, vừa điều tra, cho ba bốn tờ báo hàng ngày (ấy là chưa kể còn một hai tờ hàng tuần nữa).

Nhưng theo chỗ biết đích xác của tôi thì tất cả những bài báo ấy đều là chữ của Tô Văn viết cả — chữ xấu lắm mà xấu lại xấu lung, đọc bản thảo mà muốn mù còn mất. Hình như trong đám tiểu thuyết gia trẻ tuổi hiện nay cũng có người viết nhiều, viết khỏe, nhưng chắc chắn không có mấy ai viết nhiều như ông viết như Tô Văn Sẹo mà viết nhiều loại khác nhau, viết tốt, viết đủ các loại các cỡ. Có thấy số trang, chữ viết mà hàng ngày Tô Văn đưa cho các báo rồi trông thấy cái thần hình của anh lo phiền, nhín vợ, ăn thuốc... mới quan niệm được sức sống của Tô Văn mãnh liệt như thế nào và tinh thần nghề nghiệp của anh cao biết bao nhiêu.

Tình số trang viết và trừ đi những giờ phụng sự vợ con, mèo chuột tôi tính ra To Văn một đêm có lẽ chỉ ngủ được ba tiếng đồng hồ. Nói trên đây tôi không khỏi nhớ đến một người bạn vừa qua cố là anh Phạm duy Nhượng không «đám» ngủ phải uống thuốc «đáp» để cố thức viết bài kiếm tiền. Nhượng là nhân viên Việt Tân Xã phụ trách dịch Anh và Pháp văn, nhưng anh chỉ làm công việc đó vào khoảng từ sáu giờ đến chín giờ chiều. Sáng sớm anh dịch Teletype cho báo Chính Luận, viết bài cho Thế Giới, dịch sách cho Thông Tin Mỹ, viết bài công Cộng cho một hai cơ quan khác, soạn bản nhạc, dịch nhạc của Phạm Duy ra chữ Pháp, chữ Anh, viết thư cho bạn hữu phản đối ngoại kiều phá tiệm... ấy vậy mà chưa đủ: anh còn phụ trách với con trai xách nước từ dưới nhà lên gác và chờ đêm khuya thanh vắng thì đập máy may quần áo cho mình và cho con!

Tận tụy với nghề viết đến như thế rút cục lại được gì? Được các thứ bệnh hành, không có tiền đi bệnh viện, tự mình chích cho mình, uống hàng mười viên trụ sinh mỗi ngày mà uống hàng năm như thổ - mảy mà không chết. Anh Nhượng không còn sống nữa. Kết quả của ai một cuộc đời làm báo, dịch sách mà không có cả tiền để trả nhà thương và để lại nhiều món nợ để cho vợ con trả dần. Mà Nhượng không uống rượu không đánh bạc, không hút thuốc phiện, không trai gái, mỗi ngày chỉ sai có một bao thuốc Pall Mall.

Cái chết của anh Nhượng chỉ là một điển hình và tôi nhắc lại là vì mới xảy ra. Viết cả một đời rồi đến lúc chung cục không có tiền mà chưa thuốc, chết một cách ai oán đau thương như Nhượng từ trước đến nay không thiếu.

Viết đến đây, bất giác tôi chợt nhớ lại một đoạn văn xuôi của Tản Đà Nguyễn khắc Hiếu, chủ nhiệm báo «Annam tạp chí» mà có một hồi tôi đã cộng tác. Hình như bài đó nói về đánh bạc, trong có một đoạn như sau; «Hãy trèo lên bức tường mà nhìn ra quảng đồng xa, mồ con mã lên, chỗ năm, chỗ ba, trước cũng người cả bây giờ đã ma...» Thật

vậy trước cũng là người cả mà là những người tận tâm phục vụ văn hóa văn nghệ, những người quyết tâm nhận lãnh sứ mệnh cách mạng đời sống, vật chất và tinh thần của nhân dân — thế mà đến lúc chung cực thì đều là ma «điên không» chết một cách bị thương ai oán.

Vũ Trọng Phụng lúc chết (vì lao) phân năn với chúng tôi, «đời mình khổ quá, nếu mỗi tuần có một miếng bít tết ăn có lẽ không đến thế này». Lê Văn Trương lúc gần chết đi xin bạn từng năm cái cũng như Văn Xen (trợ bút báo Dân Chúng đã có nôi làm chủ bút Việt tân Xã dưới trào Nguyễn Văn Tâm, Trần Văn Bửu) không có ăn phải nhạt một miếng bánh mì rớt ở ngoài đường hồi bốn giờ rưỡi khuya, ngoài ra còn bao nhiêu người khác nữa bị bom đạn chết đau thương hoặc đói khổ, cơm chẳng đủ ăn, áo không đủ mặc như Việt Bằng, Nam Cao, Ngô Tất Tố, Thâm Tâm, Văn Thu, Nguyễn quốc Ân, Nguyễn như Hoàn, Dương màu Ngọc, Hồ khắc Tráng, Mạnh phú Tứ...

VỮ BẢNG

VẤN ĐỀ
CỦA CHÚNG TA

VẤN ĐỀ THIẾT LẬP CỬ NHÂN BẢO CHỈ
TẠI ĐẠI HỌC VĂN KHOA I KHOA SAIGON

Nhân dịp đặt vấn đề báo chí và người viết trong số báo này, chúng tôi xin đăng tải bài phỏng vấn giáo sư Thanh-Lãng của phóng viên V.T.X. về vấn đề thiết lập văn bằng cử nhân báo chí tại trường Đại học Văn khoa Saigon.

Dưới đây là nội dung cuộc phỏng vấn :

HỎI.— Giáo sư có thể cho biết niên khóa này các chứng chỉ cử nhân báo chí đã bắt đầu chưa và tổ chức như thế nào.

ĐÁP.— Trường Đại học Văn khoa Saigon dự định sẽ mở các lớp báo chí vào đầu niên học này. Theo dự án trường sẽ mở một lớp dự bị nhiệm ý báo chí, song song với các lớp dự bị Anh, Pháp, Việt, Triết sau khi đã tốt nghiệp dự bị báo chí, sinh viên phải theo học chứng chỉ chuyên môn báo chí trong một năm, và sau đó chứng chỉ ngôn ngữ văn minh ngoại quốc, chứng chỉ luật học và kinh tế học chứng chỉ nghệ thuật và văn học. Về ba chứng chỉ sau này sinh viên có thể học hai chứng chỉ trong một năm. Như vậy, thời gian học tối thiểu sẽ là 4 năm. Các sinh viên đầu cử nhân luật được miễn chứng chỉ luật và kinh tế. Các sinh viên có cử nhân văn khoa được miễn chứng chỉ nghệ thuật và văn

học. Giảng huấn thi Hội đồng khoa đang thảo luận, chưa có quyết định chính thức.

HỎI.— Như vậy, những sinh viên đã đậu chứng chỉ dự bị văn khoa (nhiệm ý Anh, Pháp, Triết, hoặc Sử Địa) không được miễn chứng chỉ dự bị báo chí?

ĐÁP.— Đó là một vấn đề cần nêu ra. Hội đồng Khoa thi đồng ý cho miễn, nhưng dự án thì không đề cập đến.

HỎI.— Giáo sư nghĩ sao việc mở chứng chỉ cử nhân báo chí?

ĐÁP.— Trước đây, khi dự án đó được đưa ra, nhiều giáo sư trong Hội đồng Khoa tỏ ý không tán thành việc mở chứng chỉ đó tại Đại học Văn Khoa, lý do là vì các giáo sư sợ dự luận hiểu lầm, cho rằng Đại học g ữ độc quyền việc đào tạo ký giả trong khi các giáo sư không là chuyên viên về ngành này. Nhưng sau đó, vì khi giới hữu trách lưu tâm đến việc này, và cũng vì dự luận chung đều cho rằng việc nâng cao trình độ báo chí nước nhà là điều cần thiết và hữu ích, nên Hội đồng Khoa đã chấp thuận.

HỎI.— Xin Giáo sư cho biết những trở ngại trong việc mở lớp báo chí?

ĐÁP.— Có nhiều khó khăn. Thứ nhất, dự án sẽ gặp nhiều phản ứng trong dự luận báo chí. Nếu mở một trường dạy làm báo thu nhận học viên thì dễ. Còn nếu đặt báo chí trong khuôn khổ một phân khoa thì người theo học phải có trình độ Đại học, học viên phải có bằng Tú tài và không cần huấn luyện mà vẫn làm báo

được. Những người đặt ra chương trình mở lớp báo chí biết trước điều đó. Nhưng có hai lý do dễ vượt qua trở ngại đó: Thứ nhất, đặt ra cử nhân báo chí là để nâng cao trình độ báo chí nước nhà. Không ai muốn báo chí Việt Nam ở mãi trong tình trạng hiện tại; Thứ hai không phải đặt ra Cử nhân báo chí là hạn chế quyền tự do hành nghề của những người không có bằng cấp, vì không ai bắt buộc phải có bằng ở lại đại học mới được làm báo.

Khó khăn thứ hai mà nhiều người nêu ra là vấn đề tương lai những sinh viên tốt nghiệp. Người ta đặt vấn đề là chỉ huấn luyện một số sinh viên cho đủ nhu cầu hay không hạn chế số sinh viên và trong trường hợp số sinh viên quá nhiều, thì có quy chế nào bảo đảm tương lai cho họ không. Vấn đề này thật không đáng nêu ra vì Đại Học chỉ là nơi phát triển khả năng của con người, còn nói đến quy chế, thì đã có quy chế nào đảm bảo cho sinh viên khoa học, luật khoa và văn khoa chẳng?

Vả lại theo tôi thì sinh viên tốt nghiệp trường báo chí có nhiều môi trường hoạt động hơn các sinh viên khác.

Sau cùng đáp câu hỏi về vấn đề các Giáo Sư phụ trách các lớp Cử nhân báo chí, Giáo Sư Thanh-Lãng có một số giáo sư có kinh nghiệm về báo chí. Ngoài ra, theo giáo sư, trường có thể mời các nhà báo chuyên nghiệp có khả năng ở trong nước hoặc các Giáo sư báo chí ngoại quốc phụ trách việc giảng dạy.

TRÁI TIM BUDAPEST

Buổi sáng nào bằng tiếng hát loài chim
phiêu du không bao giờ mệt mỏi
tôi ngời ca ruỗi xuân tương lai
những hồi còi đoàn tàu vào thành phố
nhà máy nhà nhạc
hạnh phúc hồng chín trái.
những tiếng công cất lên trong khu rừng
đàn nai ngơ ngác

Tôi bước đi sau chặng đường mệt mỏi
trình tự nào bùng thổi cháy niềm tin
là đôi mắt van xin mẹ già
là nụ hôn nồng buổi chiều mùa hạ

TẬP CHI THU

QUAN BAN THAO

Các bằng hữu ta
những trái tim anh hùng bốc lửa
những bàn tay siết chặt
đường dẫn đến mặt trời
đêm có còn là đêm
bóng mờ tăm tối
những ngõ ngách tôi đi qua khốn cùng
nhân phẩm và bánh mì
làm thế nào còn buổi chiều bình yên
nhìn cô bé Sơ Huyền xoa tóc
và mắt nâu sau quầy hàng
làm thế nào bình yên
đắm vào căn phòng đầy sách

Anh em ta đi tới
mạch máu Á phi
trong rừng xanh
giữa lòng đô thị
lời hát hùng tráng nào đập vỡ nhịp thở
tiếng hét nào đau đớn
nỗi ám ảnh nào khiếp đảm.

Giữa khe rạch building
đời sống bọt bèo và côn trùng
giữa đại lộ cây cối run rẩy
giữa đông què im chết xanh xao

Còn gì trong phần nộ
trái tim Budapest này nổ tung

HUỲNH HỮU ỦY

THƠ NHẠC VIỆT NAM

an vui đêm Sài Gòn

loè loẹt phấn son em xuất hiện

nhạc Việt Nam

thơ Việt Nam

hào hoa đêm Sài Gòn

trang bị thân thể em xuất hiện

nhạc Việt Nam

thơ Việt Nam

ôi lời một mồi, lời bản thù

nhem nhuộm sân sân khấu

lem luốt mặt người

em chết vào ngôn ngữ rộng thời đại

em chết vào tên gọi

lưu đạn — cà phê — tình yêu — tò quốc

em chết vào chúng tôi

những người phi nghệ thuật

những người không trái tim

những người không bao giờ nói thật

ôi lời một mồi, lời bản thù

lời mang mặt nạ ngựa hơi độc

lời phân đưa

lời lãnh đạo văn nghệ

thơ Việt Nam

nhạc Việt Nam

em chết bằng cử động thân thể

em chết bằng lãng quên

em chết bằng trí thức bằng cái chết

thôi, hãy thôi, lời bản thù môn chó tôi, quân khốn,

LUÂN HOÀN

CHO NGƯỜI HỎI THẮM

Tôi ở miền xa
 Không có tình yêu
 Em bao giờ biết tôi ?
 Trăm lần cách trở
 Không bằng nhớ thương
 Em làm sao đếm được ?

Đừng hỏi tôi buồn hay tôi vui
 Đừng hỏi tôi mùa xuân hay mùa thu
 Thời gian nơi đây là vô nghĩa
 Lòng người nơi đây là con số không
 Đừng hỏi tôi tương lai
 Khi trước mặt chiến tranh còn đó
 Khi sau lưng tình yêu mất rồi

Tôi sống như một loài cỏ khô
 Cháy nắng hân thù

Đời tôi là một tập hợp những...

Đời tôi là một tập hợp những...

Đời tôi là một tập hợp những...

Đời tôi là một tập hợp những...

Đời tôi là một tập hợp những...

VIẾT CHO CON ĐẦU LÒNG SẮP SINH

con ra đời giữa đông rét mướt
và quê hương sẽ không có mặt trời
ba má cũng lạc loài trong nước mắt
làm sao con giữ được nét môi cười

cũng đừng khóc để tủi lòng ba má
vì lời ru không là tiếng ca dao
bởi thời đại này con còn xa lạ
đừng ngạc nhiên con sẽ hiểu mai sau

con hãy nằm giữa tình cha tình mẹ
với hân hoan như cỏ dại chiều xanh
dẫu tình mẹ tình cha còn chưa đủ
vì tương lai con hãy ngủ yên lành

đừng hỏi sữa khi con vừa tỉnh thức
nhìn má con ngồi khóc cũng khoan buồn
gia đình ta giàu nghèo đừng thắc mắc
đừng nhìn ba lệ nóng ngập ngừng tuôn

TẬP CHI THU
QUAN BAN THAO

con hãy cười như loài chim thánh thiện
bên nói con ba má sẽ cười theo
con sẽ hiểu sẽ vô vàn hạnh diện
về tâm hồn con tinc ấu trong veo

buổi đây tháng con gặp nhiều cô bác
đến mừng con bằng quà bánh bạc tiền
con đừng nhận vì đó là sự thật
khi con cần nhiều tiếng chúc lời khen

ba sẽ thấp lên thật nhiều nến sáng
và gian phòng sẽ trang trí đầy hoa
con hãy nghĩ về con đường giả tưởng
với huy hoàng trên đất mẹ quê cha

rồi con sống con vui vì ba má
đừng nghi ngờ về thân phận nghe con
chỉ có thể không cần gì nữa cả
với má với ba hiểu nghĩa vương tròn

HOÀNN LỘC
(thơ anh bảy giờ)

ĐỐI THOẠI

Ông già trao cho tôi một bông hoa và hỏi tôi từ đâu đến

Tôi trả lời từ Việt-Nam

Ông già lặp lại hai tiếng Việt-Nam

Nhưng bông hoa trên tay ông dường như mỗi hoa
đều muốn lặp lại thêm một lần

Sân trường không có học trò

Chỉ có hoa và những vòm cây lá đã vàng

Sương trắng làm buổi sáng đặc lại

Chỉ có một ít nắng đậu ngơ ngàng trên những bông hoa

Tia mắt ấy ái ngại

Tôi quay theo lối vào lớp học

Ông già giật giây và chuông reo vang

Vỡ cả những tiếng Việt-Nam ỡm-ơ trong cổ họng

Vỡ cả những ái ngại không thành lời

Vỡ hết...

Nỗi buồn đậu lại trên bông hoa

Tôi cúi xuống !

Màu hoa trắng bằng khăn gọi về

Hai tiếng Việt-Nam

LÊ-THỊ-HÀN

SAU KHI NGẢ

(AFTER THE FALL)

Kịch hai màn

Arthur Miller

NHÂN VẬT

Quentin — Maggie — Felice — Dan — Holga — Người Mẹ — Người Cha — Louise — Elsie — Mickey — Lou — Lucas — Carrie — và Harley Baines, ông chủ tịch, các nữ điều dưỡng phụ vắc, người thư ký, phụ tá bệnh viện, một nhóm thanh niên và những người qua đường.

MÀN THỨ HAI

HARLEY BARNES, đang quì bồng nhôm dẩy, ông mặc cổ áo của một nhà tu: Tôi khước từ lý do của những Tu chính Án thứ nhất và thứ năm của Hiến pháp.

QUENTIN, với vẻ buồn rầu cùng cực: Nhưng chúng ta có chắc không, Harhy — Tôi hỏi này, Tôi hỏi này — nếu vị trí của những người có mặt trong buổi hôm nay thay đổi, nghĩa là họ phải ra trước mặt anh, liệu anh có cho phép họ miễn trả lời chẳng? Họ là những người đáng ghét ư? Harley phẫn

sau khi ngã

uất nhìn gã, vẻ mặt nghi ngờ. Tôi không còn biết chắc chúng ta đang chống đỡ cái gì — có phải chúng ta tốt đẹp chỉ vì trả lời không với những điều xấu xa? Ngay cả một tiếng «không» hợp lý, trong đó cũng tàng ẩn tính chất giả tạo. Bạn thấy không cần thiết sao -- khi nói — *Harley và phiên tòa biển khơi*; Maggie còn đó, nàng đánh nhịp vào mấy ngón tay, để hướng lại tóc xuống — cuối cùng rồi nói vâng — cho điều gì đó? Quay về phía Maggie, nàng nằm trên giường: Vâng, vâng, vâng.

MAGGIE: Anh nói cho em nghe chuyện gì đi.

QUENTIN, nhìn xuống nàng: Nói một chuyện thật... một chuyện thật... một chuyện thật... một chuyện gì đó.

MAGGIE: Lòng em rộn rã ca hát này.

Quentin đi ngang Người Nghe.

QUENTIN: Dù cho câu chuyện đó có bị nguyên rủa, câu chuyện có khó nói, như tất cả những sự thật!

MAGGIE: Trở nên hạnh phúc.

QUENTIN: Đáng khinh bỉ như tất cả những sự thật.

MAGGIE: Em đúng như thế đó.

QUENTIN: Bị trét đầy những bùn như sự thật: mù tối, dốt nát.

MAGGIE: Nhưng chưa có ai nói với em, hãy đứng dậy!

QUENTIN: Một sự thật máu lệ, cái thế giới này đã tới đường cùng — vâng!

MAGGIE: Bây giờ.

QUENTIN, ngồi trước mặt Người Nghe, quay lưng lại Maggie: Về chuyện này, vâng.

MAGGIE : Bây giờ... Bây giờ. Im lặng. Quentin ? Nàng nhòm dậy khỏi giường, kéo chăn chung quanh người, rồi cất giọng yếu đuối nàng nói lên phía tầng trên. Quentin ? Anh khỏi phải lo, cục xà bông đó không có mùi đâu. Một thoáng im lặng. Cũng được ! Anh đừng lo vội, em muốn được đợi chờ anh ! Nàng cúi nhìn xuống đất. Em thích đôi giày của anh. Anh chọn thật khéo ! Nàng đi lên tầng trên. Xin lỗi anh em không có gì cho anh ăn, nhưng em đâu ngờ anh đến ! Em sẽ mua sản trứng, có lẽ cho anh dùng buổi sáng. Và thật muối — trường hợp buổi tối. Em muốn nói tùy trường hợp thôi. Tuy thế anh muốn ăn sao cũng được, ăn lúc nào cũng được. Nàng quay lại, nhìn ra phía khách giả. Anh mến em chẳng ?

Holga xuất hiện ở tầng trên, tại phi trường. Nàng nháo nhác tìm Quentin.

QUENTIN, gả quay lưng lại Maggie, nói với Người Nghe : Tất cả đều có thật đấy, nhưng đó không phải là sự thật. Tôi biết thế vì tất cả lại tái diễn quá tầm thường ; tôi đã yêu cô gái đó. Nỗi cay đắng trong đời tôi đã khiến tôi phải nói dối. Tôi e sợ. Không dám hứa thệ. Gã ngược nhìn Holga : Tại vì tôi không hiểu có phải chính tôi hứa thệ như thế không. Tôi là một kẻ xa lạ với cuộc đời tôi.

MAGGIE — nàng nhặt một chiếc " cà vạt " dưới đất lên. Ô, chiếc cà vạt của anh bị mất nếp cà vạt này ! Tiếc thật ! Nhưng này, em có một cái cà vạt ! Đẹp lắm, rất vừa với anh. Giữ lời nói : Em .. tự nhiên mà em có đấy thôi ! nàng cười lảng và bỏ đi vào trong bóng tối Holga cũng đã ra đi.

QUENTIN : Tôi bảo cho bạn biết, tự trong cánh mập mờ của nị phủ hoa hư không này, tôi đã thấy có một khắc luật trong cái tai họa đó, và chính tôi thấy nó khác khổ và rõ ràng như một bức tượng đá. Nhưng tôi nghĩ tôi đã thấy nó... với chút

sau khi ngủ

tình tha thiết. Hay tại vì người ta có thể đôi khi tưởng nhớ lại tình yêu? Cũng giống như cố gắng tập trung mùi thơm của hoa hồng vào một nhà hầm. Bạn có thể thấy một đóa hoa hồng, hồng vào một nhà hầm. Bạn có thể thấy một đóa hoa hồng, nhưng không bao giờ bắt được hương thơm. Đó là sự thật về hoa hồng về hương thơm của nó — phải thế không?

Trên lòng thứ hai Maggie xuất hiện giữa ánh sáng, nàng mặc một bộ áo cưới, Carrie, người tớ gái da đen, vừa đặt một chiếc mũ có khăn quàng phủ quanh lên trên đầu nàng; Lucas, người thợ khâu, như trước kia, đang quỳ xồm, vội vàng viền nốt đường chỉ cuối cùng. Maggie xoay người để nhìn mình trong gương, đôi mắt nàng mở lớn. Quentin đứng dậy.

MAGGIE: Nhanh lên, Lucas, buổi lễ bắt đầu ba giờ đó! Nhanh lên nhé! Lucas khâu nhanh hơn.

QUENTIN: Tôi muốn thấy nàng với... tình yêu xưa! Tại sao lại khó thế? Nàng đứng kia, người con gái si dại, với thành quả của những đường viền thế kia.

MAGGIE: *khẽ khẽ nhìn về phía trước, trong khi Lucas cẩn* dứt đường chỉ cuối cùng. Anh không còn phải khó khăn về tôi nữa, Lucas! Anh ấy đã cứu thoát tôi, tôi nói thật đấy! Tôi đã có một bản di chúc mới và tôi cũng đã thay luôn vị bác sĩ phân tâm cho mình — Bây giờ tôi có một bác sĩ tài tình! Chúng tôi định làm lại tất cả mọi hợp đồng, vì trước kia tôi có được thù lao đáng hoàng đâu. Và Ludwig Reiner đã nhận tôi! Ông ta không nhận cả những ca sĩ hát ở đại hí viện đâu nhé trừ phi họ có anh biết đấy, họ có tính chất nghệ sĩ! Dù cho anh có muốn trả cho ông ta bao nhiêu ông ta cũng không nhận đâu. Tôi đâu có dám gặp ông ta, nhưng Quentin cứ ép tôi đi — bây giờ ông ta nhận tôi, ông Ludwig Reiner đấy, anh có tưởng thế không!

Bây giờ nàng quay lại, nhìn thấy Quentin đi vào. Một thoáng kinh ngạc làm cả hai sững sờ : Lucas bỏ đi. Carrie đứng dang tay lên trán Maggie và thăm lặng câu chuyện.

QUENTIN : Ồ, em yêu. Em đẹp quá.

MAGGIE, đi xuống bên gã : Anh mến em không ?

Một vị giáo sĩ và vị nữ khách đi vào ở tầng thứ hai.

QUENTIN : Lạy Trời ! Anh trở về nhà mỗi đêm — để được bên em !

Gã tiến đến gần nàng, miệng cười sung sướng, đôi tay mở rộng, nhưng nàng chặn ngang ngực gã, nhiệt tình đang trên cùng với vẻ sợ hãi lạ lùng.

MAGGIE : Anh vẫn có thể không phải làm thế, Quentin. Em có thể đến với anh giây phút nào anh muốn.

QUENTIN : Em vẫn không chịu tin hạnh phúc có thể đến thật sự. Nhưng thật đó, em yêu, em là vợ anh !

MAGGIE, ấp úng : Em muốn giải thích tại sao em lại ch u d; phân tâm.

QUENTIN : Em yêu, em cứ thổ lộ tội tình mãi, nhưng —

MAGGIE : Nhưng anh đã nói chúng ta phải chăm chút những chuyện xảy ra, phải không ? Ngay cả những chuyện xấu ?

QUENTIN, bây giờ gã nghiêm chỉnh, để phù hợp với vẻ khắt thiết của nàng : Vâng, đúng anh có nói thế.

Vị linh mục và bà mẹ ra khỏi sân khấu.

MAGGIE : Em... đã tiếp hai người đàn ông... trong cùng một ngày.

Nàng tránh mắt khỏi gã. Một số khách dự hôn lễ xuất hiện trên tầng thứ hai.

sau khi ngủ

Em muốn nói cùng trong một ngày, anh hiểu chứ. Bây giờ nàng sụt sùi, rồi nhìn gã, rụt rè và đáng điệu chịu dày dạn lạ lùng. Em luôn luôn yêu anh, QUENTIN. Nhưng chúng ta có thể bảo họ mình đã thay đổi ý kiến —

QUENTIN : Em yêu quý — một biến cố gì đó tự nó không đáng quan trọng. Dù cho có chuyện gì đã xảy ra cho em, nó cũng đã tạo thành em, đã cho em kinh nghiệm, và anh quý trọng nó ! Nói nhanh với Người Nghe : Vâng ! — vì chúng ta đã toan tính bóp méo cái quá khứ, trong khi đó quá khứ lại thánh thần và cái hời hững của quá khứ còn thánh thần hơn hết ! Quay lại nhìn Maggie : Vâng... còn vài chuyện.

MAGGIE. *bây giờ nàng khấp khểnh hy vọng* : Có thể... nhờ thế mà em sẽ thành một người vợ khá hơn chứ ?

QUENTIN : Em phải nói như thế đó !

Elsie đi vào ở phía trên và nhập vào đám khách.

MAGGIE. *hân hoan, nàng như thấy sự thành tựu của một nỗi nhọc nhằn bởi quá khứ* : Tại vì không phải em tò mò ! Anh phải ngạc nhiên, những người đàn bà mà người ta gọi là khả kính, họ nhoen miệng cười và mấy đức phu quân chẳng hề hiểu, nhưng họ cũng tò mò lắm. Nhưng em biết cả, và em biết em có một ông hoàng ! Nhưng cũng có những người đang định cưới anh đó !

QUENTIN : Không còn nữa đâu, em yêu, rồi họ sẽ nhận thấy những gì anh đã thấy. Đi đi !

MAGGIE. *Không đi theo gã, Anh thấy gì? cho em biết đi!*
Nàng huột miệng: Tại vì em nghĩ... đã có lúc anh hồ thẹn, phải không?

QUENTIN: Anh thấy phải chịu đựng, Maggie: và một khi anh đã thấy thế, mọi điều hồ thẹn đã tan biến cả.

MAGGIE: Anh đã... xấu hổ?

QUENTIN: *Về khó nhọc:* Vâng. Nhưng em là một chiến tích! Maggie, em giống như một lá cờ của anh, tương tự như một bằng chứng xác định rằng người ta có thể khắc phục được cả.

Louise đi vào ở tầng trên, nàng chải đầu.

MAGGIE: Và anh—anh không bao giờ để ý tới người đàn bà nào khác, đúng thế không?

QUENTIN: Em yêu, người ta còn có thể có tình yêu với vợ của mình chứ!

MAGGIE, *Với một nỗi dằn vặt mới:* Thế tại sao mấy hôm trước—anh hôm có Elsie đó?

QUENTIN: Anh chỉ chào thôi. Cô ta có tật ôm chầm bẻ bạn

MAGGIE: Nhưng—tại sao anh để cô ta cọ sát vào người anh?

QUENTIN, cười: cô ta không cọ sát—

MAGGIE, *Nỗi lo phiền của nàng sâu đậm hơn:* Chính em đã thấy thế! Mà anh vẫn không nhúc nhích.

QUENTIN, *Cố cười lảng:* Maggie, đó chỉ là một cử chỉ vô nghĩa—

MAGGIE: Anh muốn em trở lại như xưa—lạc vào đám sương mù mờ mịt cũ? Bây giờ giọng nàng khàn thiết và đượm vẻ hờn giận: Anh đã bảo em phải tìm hiểu ý nghĩa của mọi việc, đúng thế không? Tại sao anh ta lại để cô ta làm như thế?

QUENTIN: Cô ta tiến đến ôm chầm lấy anh, anh còn làm được?

sau khi ngủ

MAGGIE, *Một thoáng nhanh hoảng giận: Thì bảo cô ta bỏ anh ra.*

QUENTIN, *Bối rối! Anh... Không nghĩ em muốn nói thế, em yêu.*

MỘT NGƯỜI NỮ KHÁCH: *Xong rồi! Xong rồi!*

Khách xếp thành hàng trên những bậc thang, làm thành một lối đi cho Maggie và Quentin.

QUENTIN: *Đi đi em, họ đang đợi mình đây.*

Gã khoát tay nàng; họ quay bước. Một điệu nhạc hôn lễ văng vẳng:

MAGGIE, *hãy chỉ bảo cho em. Quentin! Em không biết phải làm sao đây! Bỏ qua những lời em đã nói.*

QUENTIN, *Như gã liên tưởng và có ý muốn đề kháng trước hình ảnh Louise: Không Em hãy nói những gì em cảm nghĩ; sự thật phải ở bên cạnh chúng ta; chúng ta hãy luôn luôn nói sự thật!*

MAGGIE, *Dáng điệu cầu khẩn, nhưng nàng vẫn tiếp tục đi về phía các vị khách: Anh không ôm em đây!*

Còn) nữa)

Hoàng Ngọc Nguyên dịch



TRUYỆN DẠ DƯƠNG - NGHIỆM - MẬU

Con đường nhựa đen thẳng tắp, những con đường khác cắt ngang, những thảm cỏ tối, những vệt vôi trắng, những gốc cây quét vôi nổi rõ vị trí, những đèn dầu trong những lùm cây rũ xuống, bao quanh những ngọn đèn vô số những con muỗi cỏ bay quanh. Chiếc ghế một người ngồi dựa lưng vào thành ghế một người nằm gối đầu lên đùi người ngồi, điều thuốc thấp sáng trên môi, khói bay một sợi nhỏ như khói hương thấp trên ngôi mộ, chốc chốc đầu điều thuốc lại lóe lên, cái mũi cao, đôi mắt nhắm, đôi má hóp, da mặt đỏ lên rồi theo với khói trắng tỏa mùi như un khói. Tôi nhớ tôi một lần tôi cũng đã nằm như thế này, đầu gối lên đùi một người đàn bà; trên cổ tôi mặt tôi một bàn tay mềm mại thơm ngát da thịt ve vuốt, một tiếng hát thoảng nhẹ và lòng mình phơi phơi mộng tưởng. Tôi đã nhìn thấy một bầu trời đầy sao,

một vành trăng khuyết. Trăng mỏng - năm khuyết khung mây; nhớ em anh nhớ cho đầy con trăng... Nhớ, nhớ làm sao cho đầy. Bịa thật. Bịa đặt thật... Cái cò ngả thẳng lên cái miệng mấp máy : ngủ rồi đấy à. Không, mơ mộng hả? Ừ mơ mộng chút siu. Gì đó? Đàn bà. Tuyệt. Còn anh? Nghĩ tới lúc bỗng nhiên cái chân nó mọc dài ra. Đi đánh giặc nữa? Đánh giặc hả? Đánh giặc hả. Đánh giặc hả, đánh giặc... thôi mà, sao không nghĩ tới đi dạo, dong chơi mà lại nghĩ ngay tới đánh giặc.. Kỳ...Kỳ gì đâu. Thôi ngồi dậy đi. Đau cái đùi quá, ê cả chân, là đùi con gái gì cho cam. Sài đờ mà. À, à vậy đó hả, một cái đùi đàn bà,

cái cổ cao, đôi môi mông thâm, đôi mắt đen lánh... hà hà tuyệt hả. Anh thấy vậy hả?

Nhắc lại nghe chơi—Thôi mà, mệt quá—Đôi chân với đen đùi, cái bụng đèn xếp, Thôi đi nghe ghê quá. Mầu thuốc bản xa nằm lả trên mặt nhựa: tôi nghĩ nếu ngay khi mình sinh ra, mình ở một cái đảo nào đó, chẳng biết mình là ai, chẳng liên lạc với bất cứ cái gì, tuyệt hả? Nhưng không được rồi, thôi kiếp sau đi. Lại còn muốn kiếp sau nữa—Thì an ủi mình chút siu chứ. Thật là điên anh mới vẽ—Trước đó thì không điên, mà sau đó cũng không điên nữa tình mà... Con đứng đây thừa mẹ, con đứng đây thừa mẹ... cái mã tròn cổ xanh cao nằm nôi lên giữa ruộng lúa. Đây là cái mã thứ hai, cái mã đã cất rồi, cháu biết chứ, nghĩa là cái táng rồi, người ta thay cái quan tài gỗ bằng cái tiều xanh... Còn mẹ cháu thì đó cháu biết, bọn Nhật nó bỏ mẹ cháu và em cháu vào trong bụng ngựa, chúng kéo chạy khắp huyện như đe dọa với dân mình, chúng kéo chán rồi cho treo con ngựa chết lên cây đa ở đầu chợ ngay nơi lối đi, chúng treo thấp ngang với mặt người,

chúng hành những người đi qua, có người đi qua tìm cách lánh không may gặp một thằng Nhật ở đó - nó kéo người kia lại bắt áp mặt vào chỗ bụng con ngựa. Người ta sợ quá không dám đi chợ mua bán gì nữa, như thế kéo dài cả tuần, mùi hôi thối xông lên, phố huyện như một cái nhà xác, những con quạ đen ngừi thấy mùi thịt kéo đến đậu trên cây đa, có con xà xuống... Khổ tâm quá, cha cháu phải chạy chọt, xin mãi bọn Nhật mới cho mang chôn, nhưng cháu biết không, nó bắt chôn nguyên con ngựa; chúng đi kèm cho tới lúc chôn xong. Bụng ngựa là cái quan tài của mẹ cháu... Cho mãi tới sau này, khi bọn Nhật bại trận kéo đi rồi cha cháu mới cải táng cho mẹ cháu được. Cái mả con ngựa vẫn còn đấy kia kìa. Khi cải táng còn nhận thấy cái đầu của đứa nhỏ, chỉ còn mỗi cái đầu là nhận ra được, cha cháu cho táng riêng mộ của em cháu bên cạnh đây. Hai mẹ con ở bên nhau. Nghĩ đến lúc nào là khổ tâm lúc đó thời buổi kỳ cục... Cháu thấp hương đi, cháu lạy mẹ cháu đi, thấy cháu về chắc là mẹ cháu cảm động lắm và cũng mừng cho cháu nữa... Buổi chiều tháng tám mây thấp, những cơn gió lướt những ngọn lúa nghiêng xuống những đợt khói hương chờn vờn. Khuôn mặt người chú lạnh khô.

Những giọt nước mắt lăn trên má buồn buồn. Buổi chiều đó tôi đã đứng nghe lòng mình xao động. Cái đầu cúi xuống. Bàn tay khô trên mặt, tiếng nói: Khóc hả, gì đó? Mình vào thôi sương xuống lạnh rồi, vào không lại mất công họ đi tìm...

Bóng tối nhòa nhập khu vườn cây, những ngọn đèn sáng lên vàng ủa. Mình vào thôi. Tôi đứng dậy. Hai cái

chân tê dại. Anh có thấy là mình ít cử động quá không
tôi nghĩ tới một ngày mình không biết có những bộ phận
đùng đùng để làm gì. Người ngồi đập đập tay lên hai bắp đùi.
Cái đầu của ông thế mà nặng góm chứ đầu phải chơi.
Cái chân đông đũa. Khóc đó hả. Phải, tôi vẫn khóc thầm,
khóc thầm như một người con gái yếu đuối, tôi không
hề khóc vì những đau thương trong đời mình phải chịu
đựng điều đó không có với tôi, tôi khóc vì những thất bại.
Tôi đã thất bại. Đó là điều tôi không quên đi được, không
lúc nào quên được. Ai cũng có những lần đau thương
nhưng không phải ai cũng thất bại. Phải thế không. Anh
không phải là người thất bại. Là gì à, anh là người ở
trong một hoàn cảnh đau thương, đó cũng là một cách
nói, tất nhiên...

Một khóm cây khô, con đường queo, ngôi nhà giải
phẫu đầu con đường, giáo đường một mình, hai ông thánh
nào đứng ngoài cổng kia, hai ngọn nến cháy, một kẻ nào
cầu nguyện, cầu nguyện cho cái gì, cho đôi chân dài ra
một chân thôi chứ, cho cái phổi lành lại. Sao ngồi lại
làm gì, tôi không quên được hẳn, cũng là một thất bại
nửa chừng?

— Sao vậy?

— Cái chân tê quá bồ ơi.

— Để tôi giúp.

— Tôi tưởng anh bỏ quên tôi rồi.

Bỏ quên, nếu bỏ quên, quên hẳn đi một ít điều, bỏ
uên một ít người, như liệng một hòn đất xuống dòng
sông, như đá bỏ hòn đá sang vệ đường. Bóng người

ngồi lặng lẽ khô cứng như một hòn đá lớn trong biển đêm đen ngút, một hòn đá thấy mình có đó. Làm sao được. Cái đầu ngúc ngắc, cái tay vịn lên lưng ghế.

— Coi chừng à, coi chừng ngã xuống cho coi.

— Thì vẫn ngã hoài, đến có cả hai chân còn ngã nữa là, anh thấy vậy không.

Tôi biết nó có đó. Tôi không quên. Nó có đó. Nó đứng lên. Cái chân nhảy lò cò:

— Nhặt lên giấp tôi chút.

Hai cái nạng chống lên, cái đai cụt ngắn đóng đưa, hai cái nạng đưa về phía trước, cái chân bước theo. Tiếng động khô trên đường nhựa.

— Anh có bao giờ vào một giáo đường không?

— Không, cho dù tôi sinh ra trong đất Chúa, tôi vẫn là một tên Do Thái, người ta chắc không chịu những người như vậy, làm sao được phải không. Này, anh có khoái cái chuyện làm tháp Babel không?

— Sao nghĩ nhiều thế.

— Nghĩ gì đâu. Chuyện lên trời ấy mà, tôi không hiểu tại sao chúa lại không chịu cho dân Do Thái làm chuyện lên trời nhỉ, nếu họ lên trời được, cái tháp thành công.

— Nếu thế thì không có chúa nếu thế thì ông Giê-su đâu có bị đóng đinh, nếu thế thì chúa làm gì có chỗ để dung thân, để ở ăn, mình nói làm nhầm quá, thực mình có biết gì đâu, chúa chiếc là chuyện của người khác ăn nhầm gì mà phải nghĩ đến cho mệt, anh muốn là dân Do thái, là trời đất gì nữa cũng được mà... phải không.

— Chắc anh đã từng vào nhà thờ, vào làm gì trong đó ?

— Một vài lần, làm gì à, có làm gì đâu. Vào rồi mình thấy tội nghiệp ghê.

Tiếng ho khan tiếng nạng khô trên mặt đường. Tôi cũng có lần quỳ gối với một rỗng không tôi ngó nhìn những cử chỉ, nghe loáng thoáng những tiếng nhạc, những âm thanh đều đều nhẹ nhàng. Người ta tìm thấy gì ở đó; tôi vẫn tự hỏi thế.

— Cái gì tội nghiệp, anh thấy anh tội nghiệp à, hay cái gì.

— Tội nghiệp cho chúa, người ta bắt chúa bị đóng đinh hoai, đã hai mươi thế kỷ như thế rồi, mà còn nữa chứ đã hết đâu. Tội nghiệp phải thế không ?

— Thôi, không nói tới chuyện đó nữa, nghe kỳ cục quá, nếu tôi mang một cái chân cụt thế này mà sống hoai không được chết, không được vậy thì mệt quá...

Một khóm cây khô, con đường quẹo, ngôi nhà giải phẫu, đầu con đường, giáo đường một mình, hai ông thánh nào đứng ngoài cổng kia, hai ngọn nến leo lét con đường dốc xuống nhà xác. một cái cổng, khi cánh cổng mở ra cho người ta bước vào hay ra, vào hay ra ? bây giờ thì đóng kín, đóng kín hoàn toàn, ngoài đó một con đường chạy thẳng vắng tanh, những ngọn cây cao vút. Những người chết đi qua dưới những bóng cây ấy; những người chết nằm im, những người sống bước đi cử động nói cười, khóc, than thăm thĩ. Nơi đó phòng đợi, phòng đợi chờ tới một căn phòng hạnh phúc, hay phòng đợi chờ

vào một địa ngục. Tôi muốn sống trong những căn phòng đơn, tôi không muốn tới đâu khác...

Con đường ven theo bờ cây cao xanh tối, nút con đường đưa tới một bức tường, bức tường lơ mờ sáng lên trong bóng tối, phải ở đó có một bức tường, một bức tường cao, trên mặt tường có những mảnh chai thủy tinh nhọn sắc. Vượt khỏi bức tường ấy? Một tháng điên sao? Còn mình thì không bao giờ, không bao giờ, mình không điên, nhưng tại sao mình còn ham sống lắm sao, mình còn tiếc đời lắm sao, mình còn những mộng ước gì? Tôi cũng không biết nữa, tôi chỉ biết tôi đến đây, tôi đến đây, nằm trên chiếc giường... và bây giờ tôi đang bước đi trên lối đi này, một người bạn bệnh, những cây cỏ, không khí, những vách tường và đêm tối thân thiết dịu dàng. Không khí trong mát thân ái ơi, bóng cây êm đêm ơi, những vì sao trên trời cao sâu dầy ơi... Tôi đây, tôi đây...

Trại một, trại hai, con đường rẽ thứ nhất, mái hiên tròn ngọn đèn chiếu sáng. Trại ba, khoảng sân rộng, lối hiên vòng, bậc hiên đưa lên cao, hành lang màu vôi xanh lạnh ánh sáng phẳng. Trại bốn, góc bệnh viện, những cây cao không nhìn thấy tán cây trong bầu trời mù đục. Tiếng nạng gõ không gõ nữa :

— Buồn ngủ chưa?

— Chưa, chuyện gì?

— Mình ngồi ngoài này một chút đã đi, tôi cũng chưa muốn ngủ. Đêm tuyệt diệu quá phải không, vừa êm ái vừa hăm dọa, vừa sâu kín vừa lơ lơ, vừa nhẹ nhàng vừa nặng nề u uất...

Hai bóng đèn, chiếc ghế không dựa, khoảng sân cỏ, những hàng gạch xếp nghiêng quét vôi trắng; lối đi vòng

tròn trái đá đỏ. Hai chiếc nạng dựa sang bên. Ánh lửa lóe lên, đầu điều thuốc sáng khuôn mặt nhỏ...

Tôi đã không muốn bước đi, tôi đã không muốn sống trong một vài khoảnh khắc, tôi đã về đó để chết, tôi không tìm thấy gì hết, ngoài những di tích, những còn lại, những dấu vết, những hờ hững lạnh lùng và một quá khứ được kể lại như một đời sống, một đời sống đã chết đi đã mất hẳn, đã chỉ còn lại những tử thi, những vô tri. Tôi phải sống lại, sống lại đời sống những người đã chết. Làm thế nào được. Như một định mệnh phải không. Một định mệnh gì vậy, một cái gì kỳ cục vậy... Tôi đã về đó, không làm khác được. Cho đến bây giờ, cho đến bây giờ...

Cho đến bây giờ... Cho đến bây giờ những tiếng động vẫn còn còn cào cào chua xót muối mặn, vẫn còn ngất lịm choáng văng cùng với tiếng sóng vỗ êm đềm trong xanh, mơ mộng bọt trắng triển miên không ngớt trái rộng bay bổng những xa ngút cánh chim bay không ngừng... Quê hương mù tằm, thơ ấu sống lên trong sáng những sớm mai thủy tinh không vẩn đục, sáng lên long lanh hư ảo những bọt bong bóng bờ hôn thời ra đầu cọng cỏ bay cao vỡ tan với tiếng cười ròn vô tư... Tiếng sóng đã trôi xa mơ hồ, tiếng vỗ ngựa đồ đồn thúc bách khôn nguôi, tiếng động giầy xéo trả đập ran lên trong lồng ngực và tiếng súng nổ chát chúa mỗi lúc một như xé tan thêm những gì rách nát, mục rã. Tôi không chống lại được. Tôi không kháng cự lại được. Tôi không kêu được thành tiếng. Tôi không nói được bằng lời... Cho đến bây giờ, cho đến bây giờ... Tôi khóc vì thất bại, không vì đau thương .. Anh biết rõ anh, thôi em đừng khóc nữa, cảm ơn

em rất nhiều, mười mấy năm đã trôi qua không bao giờ anh còn nghĩ là sẽ gặp lại em, dù thế nào đó cũng là một hạnh phúc, một hạnh phúc không tròn, một hạnh phúc đã vỡ... Em đã không gặp lại anh trong căn nhà đó nữa, anh đã đi khỏi với một địa chỉ không phải để gặp lại anh, anh đã bỏ trốn em phải không, sao anh không nói thẳng với em điều đó, anh đã muốn vượt khỏi anh những gì liên can đến em phải không, anh nói đi, anh nói thật với em như nói với chính anh, dù vậy em vẫn tin là em nghe thấy tiếng anh nói ở đâu đó rất gần gũi thân thiết với em, gần gũi thân thiết như anh đang ngồi bên em những ngày cũ. Căn nhà bây giờ đã lạ với em, em đã đứng đó chờ đợi, em cũng không hiểu em chờ đợi gì. Anh không còn chờ đợi gì nữa phải không, vì anh đã không còn chờ đợi em. Anh biết rồi em đã làm sao không. Anh lại cười ngạo nói em khóc chứ gì, em không khóc, Anh rồi, em không khóc đâu, em đã ra bến xe, lên xe, về tỉnh đáng ra em còn một ngày chủ nhật để ở lại đây nhưng em đã đi ngay, lên xe em bỏ gói mứt mẹ ra ăn; anh có thêm không, gói mứt em mang lên cho anh đó, không có thêm anh đã trốn đi, em còn biết làm gì hơn là ăn cho anh, trước khi tới tỉnh, em ăn trả thù, mỗi thù còn sót lại hết tuổi thơ, có lẽ đó là mỗi thù cuối cùng còn lại mà của em nhận ra nó. Em không giận anh; không ức anh như những ngày nào, nhưng em đã sống những ngày nào, nhưng em đã sống những ngày buồn bã tiếp theo. Em không em được anh đang sống ở đâu, với anh bây giờ em chỉ hiểu lại một tên gọi, số một hộp thư trong nhà bưu điện con số vô tri, có khác chăng số một người tù vô định nào đó, có phải anh đã chọn cho anh vậy không có phải anh

đã muốn lạ với em không... Dù thế nào đi nữa em vẫn nghĩ anh chưa quên em, không bao giờ quên em. Không có anh chắc em đã có hạnh phúc. Không phải vậy đâu anh, anh đừng nói với em thế, không bao giờ em nghĩ vậy. Không có anh chắc em không bao giờ nghĩ đến hạnh phúc. Bây giờ mất anh em không còn hạnh phúc để nghĩ đến nữa. Những bọt sóng toé tên trắng sáng. Con bão đen lửa gió buốt chạy suốt tâm thề, những giọt mưa cuồng toan sỏi sả trút xuống không ngừng...

Mẫu thuốc bùng vòng lên cao, ánh lửa sáng đỏ, tiếng chiếc nạng xô động trên băng đá, tiếng họ khô khan, tiếng thở dài bài hoài :

— Anh biết hôm qua có ai ngồi chỗ bọn mình đây không ?

— Không, chiều qua tôi ngủ một giấc thật dài, thật khỏe.

— Đáng tiếc.

— Gì vậy, gì mà đáng giá thế.

Nụ cười bùi ngùi, đôi mắt lơ đãng.

— Đáng tiếc chứ, một hình ảnh hạnh phúc mà. Chiều qua tôi đứng trên hiên, chống tay trên tường với nhìn tình nhân không phải là vợ chồng...

(còn tiếp)

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

GIỚI THIỆU NHỮNG TÁC PHẨM THỜI ĐẠI

Ông Đại Sứ

NG. TRỌNG-VĂN

đọc

The Ambassador

nguyên tác của : MORRIS L. WEST

dịch giả sang pháp ngữ : Claude Elsen

xuất bản, Plon 1966

II

(tiếp theo)

AMBERLEY là người tự tin, ông hành hiện được Hoa Kỳ trao cho sứ mạng đặc biệt tại Việt Nam. Tuy nhiên lần trong niềm tin đó là một sự lo lắng vẩn vơ : cái chết của Gabrielle và những buổi học Thiền với Muso Soseki đi đã cho Amberley thấy ông không phải là người can đảm và cương nghị như ông tưởng. Ông hy vọng con người hành động trong ông sẽ hoàn thành sứ mạng và ông tạm dẹp con người thiền của ông lại.

Ngay ngày đầu tới Saigon ông đã bị quăng vào một thế giới thù nghịch và nham hiểm : chiếc xe dựng kia có thể chứa đầy T.N.T. người bán hàng rong hay bác phu xích lô có thể là những tên Việt cộng trá hình. Đêm ông ngủ với một khăn súng ở đầu giường. Đêm không phải là thời gian để nghỉ ngơi mà là lúc để nghiên ngấm những kế hoạch mà mỗi quyết định sẽ kéo theo hàng triệu sinh mạng, đó cũng là thời gian cho những cuộc phục kích, cướp lúa hay thầu thuế. Những lùm cây bên này những bàn chông đầu đây. Thế giới ngoại vật đã xa lạ, thế giới con người lại càng làm cho Amberley lo ngại hơn nữa : Tướng Tolliver thì chiến đấu nhưng không tin ở chiến

thắng, Yaffa lạnh lùng vô nhân đạo, Phùng văn Cung ương ngạnh và cứng đầu, tướng lãnh nghi kỵ còn dân chúng hoang mang chia rẽ trong khi những trận đánh của Việt cộng càng ngày càng gia tăng. Amberley cảm thấy sự bất lực trước vũ trụ thù nghịch đó nhưng ông vẫn tỏ ra là người cương quyết. Tất cả lẽ sống của ông là niềm tin rằng nếu ông không là người suy tư thâm trầm thì ông cũng là người có đủ nghị lực để đương đầu với mọi khó khăn. Từ cấp dưới đến cấp trên ai cũng tin ông là người can đảm, ông cũng tin như vậy. Ông không thể từ chối niềm tin đó, từ chối là mất mặt với mọi người và nhất là mất chính lẽ sống của mình. Ông đóng kịch như thể ông là người cương quyết, đóng kịch là lẽ sống của đời ông, đóng kịch với Hoa thịnh Đồn, với Phùng văn Cung, với Yaffa, với cô thư ký, với mọi người và với chính ông. Làm như thể mình là người can đảm cuối cùng ông tin rằng mình là người can đảm thực. Vũ kịch đã lừa được mọi người kể cả ông nhưng nó không lừa được một người, người đó là Phùng văn Cung. Chính vì vậy khi bị Cung coi là thiếu cương quyết thì Amberley đã phản ứng lại một cách dữ dội. Lời nói không còn là một nguyên rửa phát xuất từ cửa miệng, nó trở thành một nhát dao nhọn đâm sâu vào niềm tin mà ông hằng ôm ấp : lẽ sống bị tước đoạt, dự phóng bị cản trở và con người bị giản lược vào hàng đồ vật. Amberley ngỡ ngàng và chưa xói nhưng vẫn chưa chịu chấp nhận sự thật đó. Ông là người cương quyết, ông chứng tỏ với mọi người rằng ông là người cương quyết—và ngay đêm đó ông đánh điện về Hoa thịnh Đồn quyết định thân phận con chim cu. Tuy nhiên khi sinh mạng con chim cu được trả giá thì tâm trạng ông trở nên phức tạp hơn. Ông mơ hồ nhận thấy rằng cả ông lẫn Phùng văn Cung đều bị sa lầy trong guồng máy quái ác thiếu tình người nhưng ông vẫn phải quyết định. Một mặt ý thức được sự bất lực của mình rước mọi biến cố, một mặt phải có những quyết định nhanh chóng và tàn ác, mặt khác lại là sự lên tiếng của lương tâm, Amberley bị dằng xé giữa những mâu thuẫn đó. Nếu Amberley là Yaffa thì ông không bị lo lắng dằng vặt, Yaffa là người tàn nhẫn thì hành tới cùng một chánh sách dù nó vô nhân đạo

vì thực ra Yaffa là người vô nhân đạo. Amberley thì không, ông là nhà chính trị còn ít lương tâm và chính điểm lương tâm này đã khiến ông không còn là người mà Hoa thịnh Đồn mong muốn. Có lẽ trong thâm tâm ông không muốn hại Phùng Văn Cung nhưng vì bất lực trước hoàn cảnh, ông đã làm ngơ cho các tướng lãnh ra tay. Ông không hại con chim cu nhưng ông đã ra lệnh cho người thợ săn hại nó. Đối với mọi người ông là vô tội, chính ông cũng cố tin rằng ông vô tội (trong giấc mơ ông đập chết con chim cu nhưng bàn tay không dính máu) ông có thể đóng kịch với mọi người, lừa dối mọi người nhưng bây giờ thì lương tâm ông không thể yên lặng được nữa. Nó lên tiếng. Tất cả cái bí mật của Amberley nằm ở điểm ông đã khiến cho mọi người tin là ông can đảm và nghị lực ông cũng tin như vậy trong một thời gian nhưng bây giờ chính ông cũng không tin được ông nữa: ông là người nhu nhược, thiếu cương quyết, lẽ sống bị tước đoạt, huyền thoại bị đổ vỡ không phải do người khác mà do chính mình. Sự thật hiện nguyên hình. Tại căn phòng hoang lạ, Amberley vung vẩy trong cảm lạnh thâm trầm vì sự lựa chọn tuyệt vọng của mình.

PHÙNG VĂN CUNG lại càng cảm thấy lạc lõng cô đơn hơn nữa. Thế giới của ông chỉ còn có bốn bức tường được canh gác cẩn mật như một nhà tù. Amberley chỉ có hai đối thủ là Cung và Việt cộng nhưng lại có nhiều đồng minh như phát giáo, dân chúng Saigon, dư luận thế giới, các tướng lãnh Mỹ Việt, thanh niên sinh viên học sinh... Phùng Văn Cung bị đe dọa hơn, ông phải đương đầu CIA, với Amberley, với Phật tử, với các phong trào nổi dậy, với sự gia tăng của Việt cộng... Bị đe dọa mọi mặt nhưng Cung tỏ ra can đảm và điềm tĩnh hơn Amberley. Cả hai đều bị chìm trong guồng máy nhưng Phùng Văn Cung làm ta kinh phục còn Amberley khiến ta thương hại. Khác với Amberley thiếu cương quyết và không tìm nổi cho mình một lẽ sống, Phùng Văn Cung tin tưởng mãnh liệt vào lẽ sống của mình cho đến khi chết. Ông đã chết thanh thản trước mặt Mel Adams. Đó không phải là cái chết của nhà chính trị chuyên nghiệp mà là cái chết của một nhà đạo đức, cái chết can thương và khắc kỷ. Amberley dựa vào

glời thiệu

chánh trị để thực hiện con người ông, Cung dùng chính trị để bành trướng tôn giáo của mình. Amberley lò mò thấy rằng nếu nhận chức Đại sứ thì có thể sẽ phải dấy máu của Phùng văn Cung, ông không muốn hại Phùng văn Cung nhưng ông muốn làm Đại sứ. Tất cái lăm lăm của Amberley là biết rằng mình có thể trở thành kẻ sát nhân giốn tiếp mà vẫn lựa chọn. Lẽ sống của ông xây dựng trên cái chết của kẻ khác, ông lo âu và mặc cảm. Phùng văn Cung thì không, ông dùng chính trị để phụng sự cho kẻ khác, cho tôn giáo, cho tổ quốc. Vì yêu nước ông chống cộng đến cùng, vì yêu đạo ông tìm cách bành trướng thờ tôn giáo của ông trên mảnh đất này. Muốn chống cộng hữu hiệu phải công giáo hóa toàn dân Việt nam, nếu toàn dân trở lại đạo thì thực là một lực lượng chống Cộng vô địch. Vừa chống Cộng, vừa yêu nước lại vừa bành trướng tôn giáo của mình nhưng Phùng văn Cung đã phải thú nhận trước trách Đông và Hồ chí Minh có thể quốc giáo hóa tôn giáo Cộng sản của họ nhưng ông thể quốc giáo hóa được đạo Công giáo của ông.

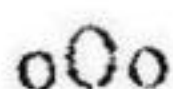
Amberley không đáng trách vì đã nhúng tay vào máu nhưng đáng trách vì biết trước rằng nếu nhận chức Đại sứ thì có thể dúng tay vào máu mà vẫn lựa chọn chức vụ đó. Trường hợp Phùng văn Cung cũng vậy, ông không đáng trách vì đã gây ra vụ Phật giáo tại Huế mà đáng trách vì biết rằng tham vọng công giáo hóa một quốc gia mà đa số dân chúng theo Phật giáo chắc chắn sẽ gây ra đồ vờ và phản kháng mà ông vẫn tiếp tục lựa chọn tham vọng đó. Amberley đã thất bại trong việc dùng chính trị để thực hiện con người mình thì Phùng văn Cung cũng không thành công trong việc dùng chính trị để thực hiện lòng yêu nước, yêu đạo của ông. Có thể nói cái chết của Phùng văn Cung không do Hoa thị trấn Đồn không do Amberley, không do Phật tử, không do thanh niên sinh viên, không do bất cứ ai, đó là cái chết do chính ông tạo ra. Nó là hậu quả của sự lựa chọn sai lầm của ông, của anh ông, của gia đình ông từ 10 năm về trước. Amberley đã tới đ

thi hành bản án đó đồng thời tuyên án chính mình. Cả hai đều là những nạn nhân của một chủ nghĩa phi nhân khéo lạng lạng, chủ nghĩa thực dân mới.

MEL ADAMS có vai trò của một nhân chứng. ông là người thành thực, công bằng và nhân đạo. Phùng văn Cung đã sống điếm đạm và khắc kỷ cho tới lúc chết. Amberley đã sống không lý tưởng. ông cố vươn lên để rồi lại rớt xuống vực sâu của thù hận. Mel Adams bình tĩnh hơn, ông ở giữa 2 thái cực đó: Ông không có những hành động cao thượng ngay từ lúc đầu nhưng càng về sau hành động của ông càng được chỉ đạo bởi những đòi hỏi khẩn thiết của tình thương yêu và sự thông cảm, ông đã bỏ Amberley để đi với Phùng văn Cung. Trong những giờ phút cuối cùng, Phùng văn Cung đã giã từ thứ tôn giáo 10 năm qua để trở lại thứ tôn giáo đích thực của lòng bác ái tha thứ, ông đã chết trong danh dự trước mắt Mel Adams. Sự hiện diện của kẻ khác không còn là một hóa ngục mà là một nguồn yêu thương, một thăng hóa con người. Trông theo Phùng văn Cung đi vào cõi chết, cái nhìn của Mel không phải chỉ là cái nhìn của một nhân chứng, của sự thông cảm về số phận con người mà chính là cái nhìn về sự ra đi của tình người trong cái thế giới thù hận giả dối. Phi lý chẳng phải của cuộc đời hay ở con người, phi lý ở điểm con người chẳng còn liên lạc gì với cuộc đời và với người khác ngoài sự xa lạ. Cái nhìn của Mel Adams chính là sự mất mát, hoang vắng và xa lạ đó.

Sự ra đi của Phùng văn Cung mà Amberley cho là hèn nhất, nay qua Người Tàu Số Một và qua Mel Adams đã trở thành một thách thức mà Amberley không đương đầu nổi. Việc Phùng văn Cung hai lần từ chối lánh thân tại tòa Đại sứ càng làm cho Amberley cảm thấy sự bất lực của mình. Chỉ là người hùng khi có kẻ hèn nhất, nhưng không có ai hèn nhất cả. Áo anh người hùng chơi với súp đồ. Tâm trạng của Amberley đối với Phùng văn Cung cũng mâu thuẫn như tâm trạng dân Hoa kỳ đối với người da đen: Ghét bỏ khinh bỉ nhưng vẫn thấy sự hiện diện của người bị ghét bỏ là còn thiết. Phải

có hạng da đen hạ cấp, đáng khinh bỉ người ta mới có ảo tưởng mình chưa phải là hạng cùng đinh trong xã hội. Amberley muốn Phùng văn Cung tuyên nhận nhưng vị khán giả khó tính này lại lại không chịu xem tiếp vở tuồng cũng không chịu đóng vai cùng đinh. Sự lựa chọn cái chết của Phùng văn Cung đã làm dự phóng của Amberley đổ vỡ hoàn toàn. Ông thâm cảm như Mel Adams rằng mọi hành động của ông chẳng đóng góp được gì mà chỉ làm mất mát thêm tình người. Ông không phải là người Việt Nam, người Mỹ Lai, người Nhật bản nên ông không thể quyết định cho họ một nếp sống, một lối suy tư được, vậy mà ông đã quyết định, quyết định đưa tới đồ vỡ và tội ác. Ông đã ra đi như Mel Adams vì ông thấy không thể chìm đắm trong guồng máy phi nhân đó, vì ông thông cảm rằng ông không phải là người hùng, không phải là người suy tư mà chỉ là một kẻ hành khát tuyệt vọng của sự thông cảm, của lòng từ bi và bác ái.



Không có một cái nhìn chân thực về giai đoạn lịch sử 10 năm qua và về cái chết của ông Ngô đình Diệm nên không biết những dữ kiện trong truyện đúng hay sai so với sự thật bên ngoài (1) Chúng ta sống như những khách lạ đối với đất nước và lịch sử. Cái chết của ông Ngô đình Diệm phải chăng là một huyền thoại? Lịch sử từ khước đến nay là lịch sử của chúng ta hay chỉ là huyền sử do người khác tạo ra về một dân tộc nào đó mang tên Việt Nam mà thôi?

Khởi điểm cần thiết để có thể đi đến thông cảm có lẽ là niềm tin rằng : không thể lấy những lời nói hoặc thái độ của Phùng văn Cung trong truyện để biện hộ cho một hành

(1) Trong cuốn sách mới xuất bản gần đây, Jean Lartéguy cho rằng những điều Morris West nói về Ông Đại Sư không hợp với sự thật « Đại sư Henry Cabot Lodge không giống một chút nào với hình ảnh mà Morris West muốn diễn tả trong **ÔNG ĐẠI SƯ** » JEAN LARTEGUY, Un million de dollars le Việt, Raoul Solar, t 167.

động, một đảng phái hay một tôn giáo nào. Phùng văn Cung trong ÔNG ĐẠI SỬ không phải là Ngô đình Diệm ngoài đời. Mặt khác, nhân vật chính trong truyện, trái với đề tựa, không phải là Amberley, không phải là Phùng văn Cung mà chính là Mel Adams. Cuốn truyện chỉ có thể là một thức tỉnh, một khởi điểm cho những thái độ sau này của các đoàn thể, đảng phái về thực trạng nước nhà hơn là một bản án chung quyết về những hành động hoặc những thái độ đã qua.

Phùng văn Cung trong truyện làm ta cảm phục vì ông ở vào thế của người có lòng yêu nước, được hầu thuận dân chúng mà bị guồng máy vô nhân đạo bóp chết. Sự thật Phùng văn Cung ngoài đời không phải là mẫu người lý tưởng đó. Ông sống tách biệt khỏi quần chúng, gò bó khép kín vì óc bẻ phải và vì thứ tôn giáo lệch tạc « Chính quyền mới hình như không có liên lạc gì với quần chúng, không thể tìm hiểu quần chúng muốn chính quyền làm gì cho họ cũng như không thể cho họ biết chính quyền định làm gì » (1). Cần lao, công giáo, Trung kỳ, đó là ba tiêu chuẩn dùng người của ông Ngô đình Diệm. Vào đảng hoặc trở lại đạo vì sợ hãi, xu thời hoặc để kinh doanh thủ lợi. Các thương gia phải chia lời 40% cho họ Ngô và đầu sẽ vào đó. Nữ thủ lãnh phong trào phụ nữ liên đới đã gởi tiền của gia đình nhà Ngô tại các ngân hàng Anh, Pháp, Thụy Sĩ và Ba Tây (2).

Tôn giáo trở thành một phương tiện để liên kết mọi người vào đảng. Ông Ngô đình Diệm và nhất là vị Tổng giám mục Huế đã có một quan niệm lệch lạc về thứ tôn giáo của họ. Một độc giả đã biên cho J.M. Domenach (chủ trương tờ ESPRIT thay E. Mounier) về những khóa Nhận vị tại Vĩnh long như sau: « ...Họ đã dạy chúng tôi rằng Tổng thống Việt Nam Cộng hòa tuy là người công giáo nhưng mọi công dân đều

(1) ELLEN J. HAMMER, *The struggle for Indochina continues* Stanford University Press, 1955, t. 25.

(2) GEORGES CHAFFARD, *Indochine dix ans d'indépendance* Calman-Lévy 1964, t 157,

có quyền tự do thờ phụng tôn giáo của mình. Thật là mỉa mai khi thấy quân đội quốc gia phải thức trắng đêm làm công chào tại những quảng đường mà HỒNG Y Spellman sẽ đi qua, khi thấy những buổi lễ Phật bị phá đám vì những xe thông tin đậu gần chùa, mở máy phóng thanh oang oang • (1)

Phê bình chữ bới hoặc ca ngợi tiếc rẻ chế độ cũ là một điều thừa thãi, chỉ cần nhận rằng lòng yêu nước, yêu đạo cũng như tinh thần chống Cộng của ông Diệm đã đặt không đúng chỗ, chúng ta không thể chấp nhận được cách thức yêu nước yêu đạo, cách thức chống Cộng của ông vì đó là cách bán nước bán đạo và mở cửa cho Cộng sản.

Vì mất hậu thuẫn quần chúng nên những lời nói, những thái độ của Phùng văn Cung từ khẳng khái cao thượng đã trở thành hách dịch vô lối, sự hách dịch của một chánh trị gia mang nặng tính cách anh hùng cá nhân hoặc của một nhà tu không bám rễ vào thực trạng. Mất nhân dân đến nỗi không đương đầu nổi với Hoa Kỳ là bạn thì làm sao có thể bắt tay với Cộng sản là thù? Dĩ nhiên khi đó ông Diệm có quyền bắt tay với Hồ chí Minh nhưng đó là bắt tay xin tha mạng chứ hông phải bắt tay thương thuyết trên một căn bản bình đẳng. Mất hậu thuẫn dân chúng nhưng Ngô đình Diệm vẫn dám ăn, dám nói vì ông được hậu thuẫn từ Hoa Kỳ và LaMã. Chúng ta ta tưởng ông nói vì chúng ta, vì tổ quốc, vì chủ quyền quốc gia nhưng có lẽ ông nói vì đảng của ông, vì tôn giáo của ông nhiều hơn, lúc đó mới nói đến dân chúng, đến tổ quốc thì đã quá muộn rồi. Tất cả tính cách hàm hồ và quyền rũ của câu chuyện là ở điểm Phùng văn Cung của Morris West đã khéo pha trộn chủ quyền quốc gia với quyền lợi của đảng phái, pha trộn hậu thuẫn dân chúng Việt Nam với hậu thuẫn tinh thần ngoài Việt Nam.

Câu chuyện không nhằm ca tụng Phùng văn Cung hoặc phê phán các nhân vật tòa đại sứ mà thôi nhưng hơn thế nữa

(1) GEORGES CHAFFARD, Sdd, t 161.

là nói tới...
...khảo...
...nhân danh sự thông cảm và thương yêu.
...văn Cung nếu không biện chính được thái độ lợi dụng đạo và
đời của ông thì ít ra cũng nói lên được phần nào sự can
thiệp của Hoa Kỳ tại đây. Sự hiện diện mập mờ của
người ngoại quốc khiến ta không khỏi thắc mắc về thực chất
chiến cuộc đã kéo dài hơn 10 năm nay. Chúng ta không cực
đoan đòi Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam ngay trong 48 tiếng đồng
hồ thì ít ra chúng ta cũng cần thấy rõ thực chất của sự can
hiệp đó, nếu không mọi hội thảo, mọi hoạt động, mọi dân,
thập đều trở thành một vô nghĩa và vong thân. Nhu cầu tìm
sự thật đã trở thành một thúc bách, một khát vọng khẩn thiết
trong giai đoạn này, giai đoạn mà những của cải tinh thần
dần dần bị phá sản, con người bị vô sản hóa về phương diện
tinh thần để chìm đắm trong một trạng thái mà Germaine
Tillion gọi là clochardisation, bị hổng chân ở nền văn minh cũ
và chưa tìm được một thế đứng ở nền văn minh mới, chúng
ta biến thành những kẻ hành khất tinh thần. Cố tìm cho mình
một niềm tin, một sự yên tĩnh trong tâm hồn không phải để
trốn tránh thực trạng mà để từ đó có những trạng thái độ thích
ứng hơn với những vấn đề đặt ra cho Việt Nam nói chung,
cho tuổi trẻ hôm nay nói riêng.

Khi sang nhậm chức tại Việt Nam lần thứ hai, Đại sứ
Cabot Lodge có nói: "Để chống lại cuộc tấn công mãnh liệt
của Cộng sản, thế giới tự do đã sát cánh với nhau ngót hai
mười năm nay, sự cố gắng vĩ đại của thế giới tự do không
phải được thúc đẩy bởi tinh thần hiệp sĩ Don-Quichotte
khoái chiến đấu ở những nơi xa xôi cũng không phải thúc
đẩy bởi tham vọng thiết lập một tôn chủ nghĩa thực dân hay
gây dựng một địa vị nào khác." (Chính luận, Hoàng Hải Lược

dịch, 17-8-65). Dù muốn dù không Hoa kỳ cũng đã đảm vai lãnh đạo thế giới tự do chống Cộng nhưng tất cả khó khăn của Hoa kỳ là ở điểm Hoa kỳ không thể giúp các nước chậm tiến bằng những phương pháp của Hoa kỳ được, vì vậy đáng lý phải tìm hiểu nguyện vọng, nhu cầu, điều kiện nước chậm tiến để giúp đỡ các nước này theo nguyện vọng của họ thì Hoa kỳ lại chỉ giúp các nước chậm tiến bằng cách thũ và theo quyền lợi của người Hoa kỳ mà thôi. (1)

Tâm trạng chung của dân bị trị mới thoát cảnh đô hộ trước sự có mặt của người ngoại quốc là sự nghi ngờ. Và đó không phải là mối nghi ngờ vô lý: Hoa kỳ đã đầu tư rất nhiều ở các ngành khai thác hầm mỏ như mỏ đồng ở Rhodésie, mỏ thiếc ở Congo mỏ vàng ở Sierra Leone, mỏ kim cương tại Trung phi... Viện trợ trở thành một hình thức của chiến tranh lạnh, nếu không vì những quyền lợi kinh tế thì cũng vì quyền lợi chính trị và quân sự. Đôi khi các nước tiền tiến viện trợ một cách thừa thãi cho các nước nhược tiểu vì lý do quân sự và chính trị: trường hợp Pháp tại Phi Châu và Hoa kỳ tại Việt Nam (2). Nói cho đúng, tự nó viện trợ không phải là một hình thức của tàn thực dân. Khi nào viện trợ thật nhiều nhưng không thực tâm giúp nước nhận viện trợ theo quyền lợi và nguyện vọng của nước này mà chỉ viện trợ vì có lợi cho mình thì khi đó viện trợ trở thành một chiêu bài che dấu chủ nghĩa thực dân mới.

Cũng hô hào truyền bá tư tưởng bác ái thiên chúa giáo, cũng có những kế hoạch chống nạn đói, nạn mù chữ, cũng bênh vực nước bị trị chống lại thực dân. Hoa kỳ đã dần dần thay thế thực dân cũ và khai phóng cho các quốc gia bị trị nhưng theo Henri Navarre thì tất cả chỉ là những chiêu bài của một chính sách tinh vi nhằm hất cẳng các đế quốc Âu

(1) PIERRE MOUSSA, Les États Unis et les nations prolétaires, du Seuil, 1965, t. 67.

(2) MAURICE DUVERGER, Introduction à la politique, t. 359,

thực dân hàng dollar (có thể là dollar) (ở đây là thực dân hàng dollar hoặc là). Người ta không cần phải chờ đợi đến khi người ta mới có thể theo dõi một cái chính quyền của nước này, giúp kiến tạo một cái công, một cái sự của công tạo. Trước kia, người Pháp từng bóc lột người Việt, nay người Hoa ký kết với người Việt, họ can thiệp vào tình hình Việt Nam qua lập ra các địa phương, họ đưa đến những giới thiệu trước kia người Pháp cai trị bằng quân sự, cũng là một vụ. Nay người Hoa ký kết với người Việt Nam bằng hòa, khi họ thấy sự can thiệp của người Hoa vào an ninh của nước này. Đời sống càng ngày càng phát triển, các địa phương cũng ra thừa thừa, người ta cũng có nhiều người và đã có nhiều người trông lẫn nhau, một quốc gia tranh giành và thủ lợi. Xưa kia người ta chỉ dựa vào địa phương cho một cái tính của lòng yêu nước: những ông Tôn thất bích và bà bích là đối tượng cho người ta. Nay người ta có ai ngoài ông ĐẠI SỞ và người Việt Nam với nhau, chia sẻ. Người ta phê phán trước đây dân nghèo chúng ta đã tìm giới lãnh đạo thượng tầng trong lý chúng ta phải đi với với chúng, chúng ta đi với chúng, một duyên hải và một đồng bằng vào chỉ dựa vào lực lượng vào những cái đó. (2)

Người gọi Việt Nam là một phương trình có 3 ẩn số. Ẩn số Y: cơ cấu xã hội thời nát bạo động, Z: tân thực dân. Ẩn số X: Việt Nam từ trước đến nay đã bị gián đoạn vào một cái nhất: Việt cộng. Hai ẩn số Y và Z chưa bao giờ thực sự thành văn đề. Chỉ có thể chấp nhận

(2) HENRI RABINOVITZ, *Agonie de l'Indochine*, P. 1. 330.

(3) DENIS WATNER, *The last confusion*, Macmillan Co. NY.

Chống Cộng bằng quân sự và vũ khí mà không xét đến một cuộc cách mạng xã hội thực sự tức là chưa thành tâm giải quyết vấn đề Việt Nam, đó không phải là chống Cộng mà là nuôi dưỡng Cộng sản. Làm sao cùng nhau sát cánh chống Cộng khi mà một trong những tin điều của người Hoa kỳ là: không bao giờ tin cậy hoặc trông đợi ở tình bằng hữu của bất cứ một nước bị trị mới giành độc lập nào? (1) Làm sao hy vọng người Hoa kỳ thành tâm muốn thúc đẩy cuộc cách mạng xã hội của chúng ta khi họ luôn luôn tự hỏi: cách mạng như vậy có lợi gì cho Hoa kỳ hay không? (2) Người Hoa kỳ biết rằng nếu họ không xúc tiến cuộc cách mạng xã hội tại Việt Nam với người Việt Nam thì sẽ có người khác hoàn thành cuộc cách mạng ấy theo chiều hướng khác nhưng họ vẫn chưa muốn có cuộc cách mạng đó. Nếu chúng ta là người Hoa kỳ có lẽ chúng ta cũng phản ứng như vậy nhưng vì chúng ta là người Việt Nam nên chúng ta phải có phản ứng khác, phản ứng của người Việt Nam cho đất nước Việt Nam, vấn đề Việt Nam theo quan điểm của người Việt Nam chưa bao giờ được đặt ra từ 10 năm nay. Người ta không muốn biết đến nguyện vọng của con chim cu nhưng phải chăng vì con chim cu cũng không muốn hay không dám nói lên nguyện vọng của mình? Đã đến lúc mà giới dân trách Hoa kỳ phải thành thực tìm hiểu nguyện vọng của tộc Việt Nam để không còn cấn cứ trên những huyền thoại mà họ tạo ra để lừa người Việt Nam và lừa chính dân chúng của họ nữa, đã đến lúc mà người Việt Nam phải sáng suốt biết dân là sự thật, dân là chủ bài của mỗi bang giao Mỹ. Có vậy mới thành thực hợp tác với nhau được.

Con người sống bằng huyền thoại.

Con người sống bằng huyền thoại nhưng chỉ có thể tiến bộ nếu vượt qua huyền thoại đó. Phùng văn Cung là một huyền thoại nhưng điều đó không quan trọng vì thực ra một huyền sử về dân tộc Việt Nam nữa. Nam đây là bằng tiếng Trung.

(1) USN and WR, 9-8-1965, t. 43.

(2) PETER-PARET-JOHN W. SHY, Guerrilla in the 60's, 61.

giới thiệu

Những tài liệu quan trọng nhất về thân phận Việt Nam đều nằm tại Trung hoa, tại Pháp, tại Nhật, tại Hoa kỳ, chưa bao giờ những tài liệu đó được viết bằng tiếng Việt và nằm tại Việt Nam cả. Đó cũng là một chứng tích về vấn đề chủ quyền. Chúng ta tin ở sách báo, tin tức ngoại quốc hơn báo chí hay đài phát thanh Việt Nam vì bản chính thì bao giờ cũng quý giá và đáng tin cậy hơn bản sao. Không những có một nền văn chương, nghệ thuật thông ngôn mà còn cả lịch sử thông ngôn, một thứ lịch sử phụ đề viết ngữ. Cái gọi là viết sử biết đầu lại chỉ là một huyền sử thông ngôn, một chuỗi những huyền thoại do người ngoại quốc đặt ra. Luôn luôn người Việt Nam để người khác viết hộ lịch sử nước mình. Đàn anh chúng ta đã đồng lõa, đã phản bội hay đã vô trách nhiệm? Còn chúng ta? Gio tài của tuổi trẻ hôm nay nếu có chính là Ý CHÍ dám biến huyền sử thành lịch sử.

Phải chờ đến khi... do... sai...
K... chưa...
... nói như có...
... dân...
... người...
... Nam, như...
... vô trách...
... tại...
... Cộng...
... nghĩa...

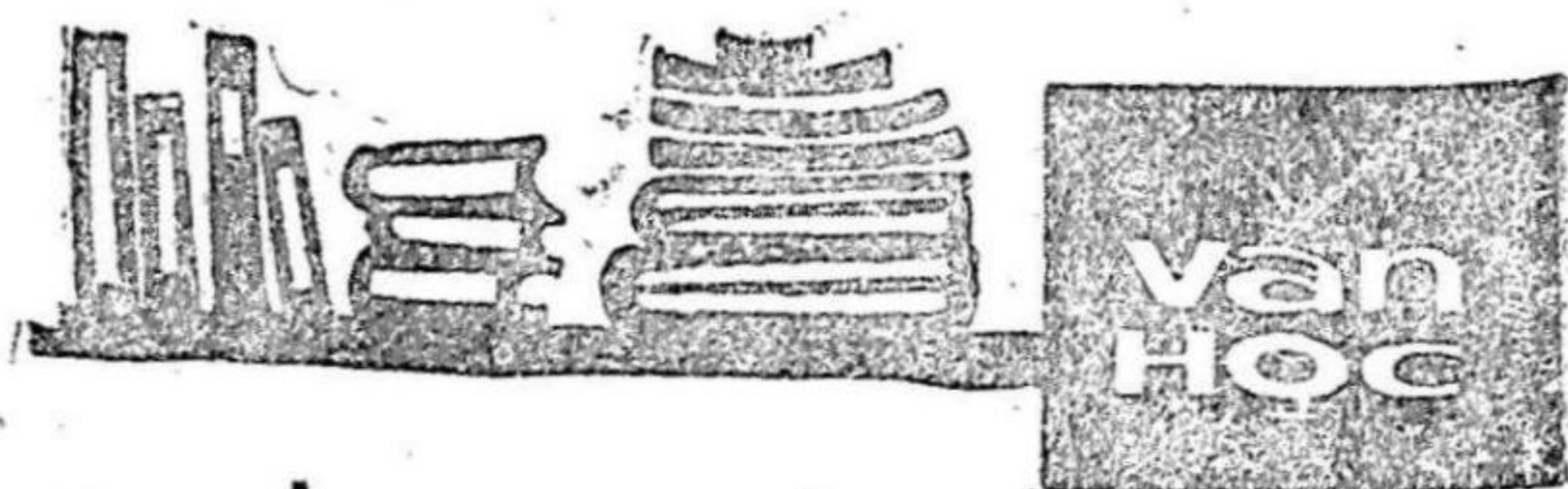
Trước khi tiến đến cuộc cách mạng xã hội toàn diện và thực sự đó, có lẽ nên nói như L. J. Lebret rằng phải có một cuộc cách mạng tinh thần, trong đó mọi người cùng từ bỏ cái chúng ta có mà thủ hân vị kỷ để tiến tới cái chúng mình đoàn kết và thương yêu. (1)



Đường còn dài nhưng phải chăng đó cũng là thông điệp mà MORRIS WEST qua ÔNG ĐẠI SỨ đã muốn gửi tới chúng ta

NGUYỄN TRỌNG-VĂN
Vĩnh Long, 18-2-66

(1) L. J. LEBRET, le drame du siècle, Ed. Ouyrières, t. 147.



CHÂN TRỜI

trong họ

Chúng ta những người tham dự vào sinh hoạt văn nghệ đang bị phân hóa vì chiến tranh: những nhà văn trẻ phải nhập cuộc chiến, những nhà văn lớn tuổi đã vì chiến cuộc mất đi, những nhà văn, thơ đang khốn khổ vì tài chánh nuôi sống từng ngày, những nhà báo, xuất bản đương lán lộn vì giấy in chợ đen. Tất cả mọi sinh hoạt đều nhường cho súng đạn.

Hiện tại những người làm văn nghệ thường mạnh ai người đó làm, người làm thơ thì chạy được một hai ngàn đề tự lập in thơ, nhà văn thì gom góp được đôi ba truyện đem bán cho các nhà xuất bản lấy vài ngàn để tạm sinh sống từng ngày, những tạp chí, đặc san, nhà xuất bản thì mạnh ai có tiền mua giấy in, mạnh ai có tiền đi mua bài. Tất cả đều xa lạ nhau. Người làm văn nghệ nước nhà chưa có một sinh hoạt tập thể hoặc cùng một phương thức xuất bản.

Có những nhà thơ quen biết vừa nhập cuộc, đóng ở tiền đồn và chết đi không một thân hữu biết đến, có những nhà văn được nhiều cảm mến đang thọ bệnh nằm ở nhà chờ cái chết, không một đồng bạc thuốc thang và âm khi chết đi cũng không ai biết đến.

Những phân hóa trên chúng tôi muốn làm một nhịp cầu thông cảm, một mối giây liên lạc giữa bạn đọc và nhà văn, họ trong nửa tháng bằng mục Chân trời Văn học.

Trong 15 ngày mỗi tháng chúng tôi sẽ cố gắng bằng mọi cách để gửi đến bạn đọc những sinh hoạt thường nhật liên quan đến sinh hoạt văn nghệ của các nhà văn, thơ, xuất bản.

Như trường hợp nhà thơ Hoàng Đình Huy Quan vừa chạy đủ 10 ngàn để in 1.000 cuốn thơ mang tên Phóng Thích, như trường hợp nhà văn Dương Nghiễm Mậu đang đi thuê nhà nhưng không biết chạy đâu ra tiền để trả, như trường hợp nhà văn Nguyễn đình Toàn vừa hoàn thành Ngày Tháng tập truyện dài để bán cho nhà xuất bản An Tiêm hy vọng lấy tiền để đưa vợ đi sanh và, còn bao nhiêu nhà báo, nhà văn, thơ khác đang âm thầm làm việc những không ai biết đến họ.

Chúng tôi hy vọng bạn đọc, và văn hữu xa gần sẽ đóng góp tài liệu cho chúng tôi trong mục sinh hoạt này để phần sinh hoạt văn nghệ thêm nhiều liên lạc.

● 16 ngàn cô đầm giao chỉ trên hè phố

Mặc dù giấy báo lúc này đang khó khăn nhưng một số nhà xuất bản hiện nay vẫn còn hoạt động đều nhờ sổ sách bán được nhiều.

Như nhà xuất bản Phóng Sự trong tháng 6-67 đã cho phát hành 20000 cuốn phóng sự Đầm Giao Chỉ của Thương sinh. Ngay tuần lễ đầu các quán sách trên đường Lê Lợi đã bán 16 ngàn cuốn.

Xem như thế chúng ta không lấy làm thất vọng cho lắm vì bạn đọc còn nhiều và các nhà xuất bản không đến nỗi sập tiệm đâu. Họa may chỉ có người viết là vẫn đói dài...

● Làm báo mà không có giấy như cầm súng mà không có đạn

Sau khi viếng thăm Huế kỳ một tháng, về nước kỳ giả Lê Trang chủ bút nhật báo Anh ngữ Saigon Daily News đã có cảm tưởng về báo nước nhà như sau:

Báo chí Việt ngữ không phát triển được vì nạn thiếu giấy và kỹ thuật còn cổ lỗ quá. Và làm báo mà thiếu giấy in cũng như chiến sĩ đi đánh giặc có súng mà không có đạn...

Ký giả Lê Trang còn cho biết : « Nhiều người làm báo ở Huế kỳ rất ngạc nhiên khi nghe qua tình trạng kỹ thuật của báo Việt-nam. Họ không ngờ sự viện trợ khổng lồ của Mỹ cho Việt nam không giúp ích tí nào cho báo chí Việt nam.

Có lẽ cơ quan viện trợ Huế kỳ lúc này còn đang mãi chú ý tới vấn-đề viện trợ quân sự nên vấn đề văn hóa họ quên chăng?

● Ký giả Việt nam lương cao nhà văn Việt nam lương đói !

Theo một bài điều tra của liên đoàn ký giả quốc tế lương trung bình hàng năm của ký giả Việt nam là 61.778đ và (tính theo giá một Mỹ kim ập 118đ VN) trong khi ký giả Đại hàn chỉ lãnh có 59.472đ VN thôi.

Có lẽ trên thế giới này ký giả VN chỉ lãnh lương cao hơn ký giả Đại hàn mà thôi. vì cũng theo bài điều tra nói trên ký giả của một xứ khác ở Á châu là Mã lai Á cũng mỗi năm lãnh được 354.000đ V.N. lương ký giả VN như trên đây là do nghiệp đoàn ký giả Nam Việt cho biết.

Một trong những ký giả V.N đã viếng thăm Đại hàn năm rồi, đã xác nhận rằng lương ký giả Đại hàn chỉ lổi 70 phần trăm lương ký giả V.N thôi Mặc dầu Đại hàn có những tờ báo xuất bản một triệu cuốn, nhưng mức lương thấp, chung cho tất cả các ngành công nhân chớ không riêng làm báo và ở Đại hàn người dân trung bình mỗi tuần ăn thịt một lần, mỗi một hay hai tháng mới ăn gà một lần.

Cũng theo bài điều tra kể trên, ở Âu châu, lương ký giả Thổ nhĩ Kỳ thấp hơn hết, (186.000đ V.N mỗi năm) ở Pháp và Ai nhĩ Lan giữa 300 và 40.000đ V.N.

Còn hý giả Huế kỳ dĩ nhiên là phải cao. Trung bình hàng năm 1.074000đ V.N nhưng trong nghiệp đoàn ký giả Mỹ có được 2 ngàn đoàn viên mỗi năm lãnh 1.327,000 hay hơn nữa.

Nhưng ngược lại các nhà văn, thơ Việt Nam lại đói hơn ai hết. Trường hợp nhà văn Graham, Greene bán tác quyền một

cuốn Người Mỹ Trầm Lặng cũng được gần một triệu Mỹ kim, trong khi nhà văn Nguyễn đình Toàn bán tác quyền cuốn Con Đường cho Khai-tri cao lắm cũng chỉ hơn 10 ngàn đồng..

Xem như thế mới biết nhà văn Giao chỉ nghèo hơn ai hết.

• Nhỏ Chiến Cuộc Việt nam nhiều kỷ giải ngoại quốc lắm to.

Tờ « La Croix » ngày 23-5-67 đã nhận được tặng giải thưởng, Albert Londres trị giá 1.000 quan nhờ toàn thể các thiên phóng sự trong năm về Kirdistan và Việt Nam.

Bertolino được 8 thăm và Jean Raffaceli (Pháp Tấn xã) được 2 thăm vì các bài phóng sự ở V.N. Nguyễn quán ở Cham bery (Savovic) Jean Bertolino đăng vào phong quân hồi 17 tuổi. Lúc giải ngũ, Jean Bertolino du hành 18 tháng Á châu. Hồi 1963, Jean Bertolino viếng Trung Đông trong 4 tháng và kể đó Đông Âu hồi 1964, Phi châu hồi 1965. Được báo « La croix » phái qua Việt nam hồi đầu tháng chạp 1966, và Jean Bertolino đã mang về cuối tháng vài một loạt bài trội hẳn các bài của các ký giả khác tranh giải Albert Londres.

• Hội Thảo về thông điệp « Phát triển các dân tộc »

Linh mục Chân Tín, thuộc dòng Chúa Cứu Thế, ông Anh Tôn Trang và giáo sư Nguyễn Như Cường tối 2-6-67 đã trình bày các đề tài về nội dung Thông điệp phát triển các dân tộc, phản ứng trên thế giới đối với thông điệp và nhìn thông điệp dưới khía cạnh kinh tế.

Buổi hội thảo do Hội Thiên Chúa Giáo các nhà văn nhà báo Việt Nam tổ chức tại thánh đường Trường Quốc Gia Âm Nhạc, đường Nguyễn Du, dưới sự chủ tọa của Linh mục Cao Văn Luận, nguyên Viện Trưởng viện Đại Học Huế.

Bức thông điệp « Phát triển các dân tộc » của Đức Giáo Hoàng Phao Lô Đệ Lục được công bố ngày 26-3 vào

địp lễ Phục Sinh vừa qua, là bức thông điệp được báo chí quốc tế coi là quan trọng đề cập đến vấn đề phát triển các dân tộc, nhất là những dân tộc đang thoát cảnh ô nhục vì đói khát, cùng cực, bệnh tật, ngu dốt.

Ba diễn giả đã cho rằng bức thông điệp như một bản chẩn mạch đầy đủ về bệnh trạng của con người và xã hội hiện tại.

Các diễn giả cũng đồng ý với nhận xét rằng bức thông điệp được coi như một chương trình xây dựng thực tế, nhằm đưa ra những biện pháp cụ thể giúp nhân loại phát triển tốt đẹp Hòa Bình.

Buổi hội thảo quy tụ lối 100 thỉnh giả, gồm một số linh mục nữ tu trí thức và thanh niên sinh viên, và kéo dài trong hai giờ đồng hồ.

Tiếp theo buổi hội thảo thứ nhì vào tối thứ bảy 3-6-67 cũng nội dung thông điệp trên do các diễn giả là ông Trần ngọc Báu Chủ tịch Ủy hội thanh niên quốc gia và Linh mục Hồ văn Vui tiến sĩ và hội học giám đốc Carita V.N đã trình bày về thân phận các nước nhược tiểu và thông điệp phát triển các dân tộc ; và trách nhiệm người giáo dân V.N đối với thông điệp phát triển các dân tộc.

Buổi hội thảo thứ nhì ít thỉnh giả hơn, nhưng phần thảo luận lại có nhiều sôi nổi, như kinh tế gia Âu trường Thanh và Luật gia Vũ văn Hiền đã lên tranh luận về đề tài trên cùng các cùng các diễn giả.

Đặc biệt trong những diễn giả hai buổi hội thảo là giáo sư Nguyễn như Cương Tiến sĩ kinh tế là người hiểu rõ thông điệp trên hơn ai hết mà chính giáo sư Cương lại là một Phật tử thuần túy, cũng như giáo sư Âu trường Thanh và Luật sư Vũ văn Hiền cũng là những Phật tử nhưng đã nhiều công tìm hiểu thông điệp của vị lãnh đạo tối cao Công giáo hiện đại.

• Nhiều ký giả, chủ báo đang sửa soạn chiếm ghế nghị viện

Tháng 9-67 tới đây là ngày bầu thượng nghị viện, nên lúc này đã thấy nhiều ông chủ báo, ký giả đang lo giấy tờ thủ tục để nộp đơn ứng cử Thượng nghị viện.

Nghe đầu bên Sông có Tú Kếu, Chính luận có Thanh thương Hoàng, Tinh thương có Phạm đình Vy, Cường, bên sinh viên có Dương Cự, Triệu bá Thiệp, Lý đại Nguyên, Tô Văn, Cát Hũ, Hoàng Việt.

Không biết các nhà báo mà chiếm được ghế cụ thượng có dám ăn nói gì không hay cũng chỉ như các Đại ký giả nghị sĩ Quốc hội hiện tại thi chận cho đời, và cũng chỉ toi cơm phi mực, tốn giấy của cử tri.

ngoài làng

• Văn chương rẻ như bèo : Văn sĩ vẫn đói meo.

Theo tài liệu của sở Thông Tin Anh quốc cho biết thì 20.000 nhan đề 300 triệu cuốn sách xuất bản hàng năm. Với những con số sản xuất mà các nhà xuất bản ở Anh quốc đã thực hiện được người ta có thể tưởng rằng các nhà văn ở Anh tha hồ phát tài. Nhưng theo một cuộc thăm dò của hội các nhà văn, một tổ chức bênh vực quyền lợi của giới tác giả, thì sự thật trái ngược hẳn. Không, ở Anh cũng như khắp nơi khác, văn chương hạ giới rẻ như bèo và số phận các nhà văn, vẫn là số phận phải đói meo. Quanh đi quẩn lại vẫn là số kiếp của con tằm rút ruột nhả tơ. So với văn sĩ, các tài xế taxi trở thành nhà giàu cả, và V.N. chúng ta hiện nay đã thấy.

Hội các nhà văn có 3.2740 hội viên. Một nửa số ấy đã trả lời những câu hỏi điều tra. Trong số nửa hội viên ấy, người ta ghi nhận được những số thống kê sau đây:

1) Chỉ có 1/3 kiếm được trên sáu Anh kim mỗi tuần ngàn hàng với số tiền mà quỹ cứu tế quốc gia trợ cấp cho những người thất nghiệp.

2) Một phần 3 nữa chỉ kiếm bằng 1/4 nhóm nói trên.

3) Trong tổng số nhà văn, chỉ có 15 phần 100 kiếm được 1.000 Anh kim mỗi năm, và trong số những người chỉ sinh sống bằng văn chương (56%) thì chỉ có một nửa là kiếm nổi 500 Anh kim một năm.

Hai phần ba trong các nhà văn là nam giới, hai phần sống ngoài thủ đô Luân đôn và 3 phần trở vào quãng tuổi từ 35 đến 65.

Như vậy con số có ý nghĩa nhất là con số cho ta thấy rằng ít nhất 1 phần 4 và có lẽ đến một nửa số nhà văn Anh quốc sinh sống với 42 Anh kim một tháng. Cũng có người kiếm thêm một công việc phụ khác, có người được hưởng tiền lơ quốc trái, nhưng hết thấy đều lấy văn chương làm nghề chính. Và ta phải nhấn mạnh rằng trong số đó không kể các ký giả vì rằng người ta phân biệt ký giả với nhà văn, và nếu có ký giả nào viết sách thì cũng cho đó là nghề phụ mà thôi.

Vả lại các ký giả có một nghiệp đoàn đặc lực, có thể bênh vực được họ trong một kỹ nghệ tổ chức theo những nguyên tắc thương mại cổ điển không kém gì mọi kỹ nghệ hoặc ngành khác. Ký giả là những người lãnh lương, cả lương cả bản văn có thể thương thuyết được.

Trái lại nhà văn viết sách không có ai bênh vực. Nhà văn viết một cuốn sách, đề nghị với nhà xuất bản nào đó, và chờ nhận hay từ chối từ giao kèo mà nhà xuất bản đưa ra. Thật, Hội các tác giả đã tìm hết cách để chỉ dẫn cho các hội viên về những điều kiện có thể coi là hợp lý, nhưng Hội không gây được áp lực thực sự nào trong trường hợp có sự lạm dụng.

Tính cách tự do cá nhân mà nhà văn cho phép nhà văn chịu mọi hy sinh để nêu được tên tuổi trên tủ kính của các hiệu sách, dù cho chỉ trong vòng một tháng là tên tuổi bị tụt xuống gian sách bán sơn trên các lề đường.

Nhà văn chỉ mong được nêu danh bất tử thôi hay là cầu mong một đời sống tự do và phong lưu của một Somerset Maugham? Hay là nhà văn chỉ còn diễn tả những cảm nghĩ và xúc động của mình, với bất cứ giá nào? Dù sao thì rốt cuộc nhà văn cũng không có sự che chở kinh tế nào, nếu cứ phăng phăng sản xuất ra những tác phẩm mà không biết trước là sẽ bán được.

Điều kỳ di là tác giả nào đã thành công và có thể làm reo được với nhà xuất bản, còn tác giả nào mới tập sự thì vẫn là nô lệ của kết quả thương mại, đó là yếu tố quyết định nước quảng cáo mà người ta dành cho nhà văn. Vì rằng sự thành công lấy tiếng thì chẳng bao giờ nuôi bụng được cho nhà văn và nhà xuất bản. Chỉ có mức bán sách cho chạy là đáng kể.

Nhưng đây là bản cáo trạng lớn lao của các nhà văn Anh quốc. Theo nguyên tắc thì việc bán hàng tính theo việc mua hàng. Nhưng đối với sách thì lối kế toán đó không hợp nữa. Dân chúng nước Anh có đọc sách, lẽ dĩ nhiên, nhưng họ không mua sách nữa. Nhờ một hệ thống thư viện công cộng tổ chức rất chu đáo, họ mượn sách mà khỏi tốn tiền.

Các thư viện quốc gia không kể vào trong trường hợp này. Không ai chối cãi lợi ích công cộng của đạo luật bắt buộc rằng muốn giữ bản quyền thì phải nạp bản ở bảo tàng viện British Museum, ở các thư viện quốc gia Ecosse và xứ Galles, ở thư viện Oxford, Cambridge, Dublin. Nhưng trong một thế kỷ, người ta đã chinh bị được một hệ thống thư viện thành phố ngày nay có thể gọi là hầu như hoàn toàn.

Khởi điểm của hệ thống ấy là ý muốn mở cửa ngõ hết hảy mọi ấn phẩm khoa học và lịch sử cho những người có khả năng trí tuệ nhưng không có được những phương tiện

của một các tác phẩm tưởng tượng, tiểu thuyết, thi ca, thảo luận phê bình, không ghi trên các cuốn thư mục, nhưng được phổ biến nhờ các thư viện thương mại. Song song, nhất là thư viện của hệ thống phòng bảo chế Boots, chế độ thương mại ấy đã bị bóp chết vì sự phát triển của phong trào « sách bỏ túi », nhưng các thư viện thành phố lại bày ra cách cho độc giả mượn sách trình thám. Ta nên hiểu điều đó : bất cứ người dân nào, giàu hay nghèo đều có thể mượn được sách mang về nhà tùy ý.

Gần đây, người ta bàn tán rất nhiều về một việc tầm thường : các đài phát thanh mệnh danh là « thô phỉ » suốt ngày rên y y như mèo kêu cho một quần chúng đã được hưởng 80.000 người đọc sách không mất tiền. Người ta phàn nàn rất chính đáng rằng các đài phát thanh « chính thức » phải trả tiền bản quyền cho các tác giả và các diễn viên, thế mà các đài phát thanh « thô phỉ » lại miễn trả tiền tác quyền đó. Đây là nói về chuyện ca nhạc. Nhưng đối với quyền lợi của các nhà văn thời không ai nói gì. Thế mà nhà văn rõ ràng bị thiệt thòi : các thư viện công cộng mua sách với giá hạ, còn tác giả thì chẳng bao giờ được hưởng ích lợi gì về khối lượng độc giả đông đảo của mình. Nhà văn đúng là người bị bóc lột nhiều nhất trong giới lao động.

Phải nói thêm một câu về các nhà xuất bản. Tập trung đó là những người buôn bán, họ biết rằng phải bán thì mới sống nổi được và những người khá nhất thì dựa công việc xuất bản vào các sách giáo khoa, tức là những loại sách « ăn chắc ». Hầu hết các nhà xuất bản Anh quốc đều chịu hy sinh, chịu lỗ vốn, để khuyến khích và lảng xê những nhân tài mới, hay là những người mà họ xét là có tài nhưng không có thời vận.

Nhưng dầu sao nói chung nhà xuất bản cũng cần phải bán được sách. Và nếu người dân cứ không chịu mua sách (vì đọc không mất tiền ở thư viện thì tội gì mà mua sách, thì cả nhà xuất bản lẫn nhà văn vẫn cứ tiếp tục ăn cơm nguội và uống nước lã, đi xe buýt.

Người ta hơi ngạc nhiên về tình trạng nói trên ở một nước như Anh quốc vẫn tự hào về nhà văn của mình, cũng như tự hào về nền tư pháp cổ truyền. Vậy mà lại để cho văn sĩ đói meo như thế, phải chăng họ nghĩ rằng trong lòng có «tha tâm quả dục» thì viết mới hay?

● Thủ đoạn của nhà độc tài lợi dụng báo chí

Tháng mới đây, một ủy ban điều tra đặc biệt của chính phủ Ghana đã phát giác cựu Tổng thống Kwam Nkrumah lúc còn tại chức đã mượn ký giả trên khắp thế giới để viết bài tán tụng cá nhân ông.

Cựu Tổng thống Nkrumah bị lật đổ trong lúc xuất ngoại và, hiện nay ông đang sống lưu vong tại Guinée cũng thuộc Phi châu.

Theo bản phúc trình của ủy ban điều tra, một số ký giả được mượn là người Mỹ, người Ấn, người Trung Đông và Phi Châu và họ được lãnh tiền nhiều, được tiếp đón trọng thể mỗi khi họ đến Ghana để truyền bá tư tưởng của Tổng thống. Cũng trong bản phúc trình còn cho biết ông Nkrumah đã dùng Bộ thông tin trong chính phủ để tiêu diệt những ý nghĩ và lý tưởng chống ông ta, tức là hoàn toàn thủ tiêu những báo chí của tư nhân trong nước và tịch thu những sách báo ngoại quốc có chỉ trích ông ta.

Ở Việt nam đã có nhiều chính phủ kế tiếp làm như ông Nkrumah, nhưng bao giờ sự độc tài cũng cáo chung khi quyền tự do báo chí bị bóp chết.

● Khi công chúa đi làm ký giả

Cô Lynda, trưởng nữ của Tổng thống Huê kỳ L.B Johnson từ 8 tháng nay đã làm biên tập viên cho tạp chí Me Call. Nhân dịp chiếc tàu Hope bệnh viện của Huê kỳ gởi đến xứ Colombie (Nam Mỹ) cô đã được cử đến xứ trên để viết một bài phóng sự.

Khi phi cơ đưa cô đến phi trường thủ đô Bogota không biết các nhiếp ảnh viên tại chỗ đã làm hỗn thế nào mà bị hai vệ sĩ đi theo đá nhào lư cả máy ảnh. Sau đó một phóng

viên định hỏi chuyện cô Lynda đã bị một trong hai vị sĩ rú sủng ra ngăn cản.

Vụ này bị các báo xứ Colombia làm ầm lên, một vài nghị Colombia định đưa ra quốc hội chất vấn.

Tòa Đại sứ Mỹ tại Bogota nghe đâu đã xin lỗi kỹ giả nhiếp ảnh viên và chịu đền bù máy ảnh bị hư. Riêng cô Lynda đã tỏ ý tiếc vì các vệ sĩ biểu làm, tưởng các phóng viên là những người định tấn công cô.

Nhưng làm kỹ giả mà có vệ sĩ lúc nào cũng đi kèm bên cạnh chắc không thú và không được tự do làm đầy đủ bổn phận người kỹ giả là tự do phải lui tới bất cứ nơi nào dù nguy hiểm hay sang hèn.

● Một bà chủ báo quan trọng

Bà Vancy yu Huang 51 tuổi, là chủ nhiệm tờ China Post xuất bản tại Đài Bắc, là chủ tịch Hiệp Hội quảng cáo vùng Thái Bình Dương và là hội viên của viện báo chí quốc tế. Vì vậy vừa qua Bà đã rời Đài Bắc du hành ba tháng, đi một công đôi việc: như Bà sẽ viếng Cộng Hòa Liên Bang Đức theo lời mời của chánh phủ này, sau đó Bà ghé Genève (Thụy Sĩ) để dự Đại hội viện báo chí quốc tế từ ngày 19 đến 23 6 67 và ghé Luân Đôn dự đại hội thế giới của Hiệp Hội quảng cáo, cuối cùng bà sang Huế Kỳ để vận động phát động phát triển Hiệp Hội quảng cáo vùng Thái Bình Dương.

Đúng đàn bà dễ có mấy tay như bà Vancy yu Huang trong làng báo quốc tế.

● Xem người lại nghĩ đến ta Báo Phi luật Tân được tự do

Thượng nghị viện Phi luật Tân cuối tháng 1-67 đã chấp thuận một nghị quyết về báo chí mà theo giới chuyên

môn làng báo Phi luật Tân đã được kể như một làng báo tự do nhất thế giới lại cũng thêm tự do nữa. Nghị quyết ấy, do nghị sĩ Ambrosio Padilla của đảng tự do đối lập đưa ra, bắt buộc chính phủ phải cho nhà báo được quyền xem những tài liệu phòng mật và những biện bản, hoặc phúc trình chính thức mà công bố ra không di hại an ninh quốc gia và phải từ từ một đến sáu tháng và tiền bằng một đến sáu tháng lương bất cứ công chức nào không chịu cho nhà báo xem những tài liệu thuộc loại vừa kể.

Thượng nghị sĩ Padilla đến nói: nhiều công chức cố ý hủy bỏ những tài liệu công cộng hoặc chính thức khi họ biết tin trước phát giác ra sẽ thất lợi cho chính phủ.

Không biết những cụ nghị báo... xứ ta có làm được tương tự như trên hay chỉ là báo hại.

• Chết vì nghề báo

Nhiếp ảnh gia Haruo Omiya 40 tuổi, của nhật báo Mainichi xuất bản tại Đông Kinh, lớn tuổi mà còn hấp tấp nên phải thiệt mạng trong lúc hành nghề.

Omiya có ảnh, thời sự phải đem gấp về tòa báo, dùng chiếc phi cơ hai máy riêng của báo đi về phi trường Đông Kinh cách trung tâm thành phố lối 50 cây số Bắc phi cơ còn đang chạy đến chỗ đậu, nhưng Omiya đã vội nhảy xuống bị cuốn vào máy đang quay nên ông đã thiệt mạng ngay tại chỗ.

• Săn tin chiến cuộc Trung Đông hai ký giả Mỹ đã bị bắn hạ

Theo tin từ Jel Alviv ngày 6-6-67 hai ký giả Mỹ vừa mới tử thương trong chiến cuộc Trung Đông, một người ở gần đất Do Thái và một người ở Jordanie.

Phóng viên nhiếp ảnh Danl Shulfer viết cho 2 tờ Time và Life bị bắn hạ trong trận đánh ở sa mạc Venev hôm thứ hai một phát ngôn viên của quân đội Do Thái tuyên bố trong

ngày trên và theo lời ký giả Hok của tờ Life, nhiếp ảnh gia Shutfer bị tử thương khi ngồi cùng ông trên một chiếc xe bị trúng đạn đại bác 57 ly.

Còn ông Tel yates, cũng người Mỹ, ông là nhà sản xuất vô tuyến truyền hình Huê Kỳ hôm vừa qua ông từng chỉ huy một nhóm 5 ký giả và chuyên viên quay phim tại Jordanie đã qua đời hôm thứ ba vì các vết thương mà ông đã phải nhận lãnh hôm rồi tại Jerusalem. Ông Yate, qua đời để lại một vợ và 3 con, đã bị thương vì một vết đạn bắn trúng nơi đầu trong khi ông đang quay phim các diễn tiến của trận chiến cho công ty phát thanh và truyền hình National Broad castingco tại Jerusalem.

Ký giả Yates đang có mặt trong khách sạn Interoontinenta thuộc khu vực Jordanie của thành phố Jerusalem thì một viên đạn tiểu liên bay trúng đầu ông.

Trong số các giải thưởng mà ông Yates đã đoạt được trong suốt cuộc đời phóng viên, gần đây nhất là giải thưởng «Geor-ge polk» hồi năm 1965 nhờ các phóng sự mà ông thu lượm được tại Việt nam.

• Ký giả Đại Hàn mất tích ở Trung Âu

Một ký giả Đại hàn tên là Lee ki Yang 37 tuổi và thông tin viên của tờ Chosun Ilbo (khắc) từ ngày 14 tháng 4 tại Bonn (Tây đức), đi Prague (Tiệp) giải vô địch bóng rổ thế đã theo dõi tin tức đoàn Đại hàn dự đến nay.

Lý do có thể là vì ký giả Lee không tự chiến nhau Tiệp Khắc kịp mà anh lên phi cơ Đức đi, càng hy vọng tới Prague sẽ xin được chiếu nhậu ngay tại phi trường. Em của Lee học tại Bonn đã nhờ hội Báo chí ngoại quốc tại Bonn mà Lee là hội viên, can thiệp giúp. Hội đánh điện hỏi nghiệp đoàn ký giả Tiệp, nhưng nghiệp đoàn trả lời không biết gì về ký giả Lee hết,

Trong khi tướng Thôi đức Tàn, Đụ xứ Đại hàn tại Boun cũng đang dùng mọi biện pháp để tìm kiếm ký giả Lee đang mất tích.

• Việt nam : một vấn đề sôi nổi trong việc cấp giải Pulitzer về phóng sự Quốc tế 1966

Đây là lần đầu tiên từ ngày thành lập, 51 năm về trước ban quản trị trường Đại học Columbia và giải thưởng báo chí Pulitzer đã phải mất gần một tiếng rưỡi đồng hồ bàn cãi mới chấp nhận cho một loạt phóng sự về Indonesia thắng loạt phóng sự về Bắc Việt. Thời gian kỷ lục đã mất ấy là vào thứ hai hôm rồi 2-5-67 và vấn đề làm mất thi giờ là loạt bài của ký giả Harrison Salisbury từ Hà nội gửi về đăng trên tờ Nữu ước Thời báo.

Trước đó thì ban chấm thi các giải Pulitzer về báo chí gồm năm tay bình bút quan trọng của những tờ báo nổi tiếng đã biểu quyết với 4 thẩm thuận và chống một, cấp giải cho loạt bài của Salisbury.

Nhưng hội đồng cổ vấn là cơ quan có quyền quyết định tối hậu, đã phủ nhận việc ấy và cấp giải cho John Hugheo, tác giả loạt bài về cuộc thanh trừng Cộng sản sau vụ đảo chánh hụt tại Indonesia đã đăng trên báo The Christian Science Menitor năm rồi.

Theo di chúc của ông Joseph Pulitzer, chủ giải, Ban quản trị giải không có quyền phủ nhận quyết định của Hội đồng cổ vấn và nếu có trường hợp nào không đồng ý, chỉ có quyền treo lại, không phát giải ra mà thôi. Lý do kéo dài cuộc tranh luận là chỗ gúc mắt ấy.

Cũng nên biết rằng ban chấm thi họp ngày 9 và 10 tháng 3-67, Hội đồng cổ vấn họp ngày 14 và 15 tháng 4-67.

Có lẽ là toàn họp kín, cho nên có tin riêng cho biết rằng ông Joseph Pulitzer cháu, chủ tịch hội đồng cổ vấn đã hết sức cố gắng thuyết phục cho hội đồng cấp giải thưởng cho Salisbury. Ông Pulitzer cháu là chủ nhiệm kiêm chủ bút

báo The S. Loui Rost Ristatre và chính báo này, không nói nguồn tin, đã đăng trước trên nhiều chi tiết quan trọng giải phóng sự quốc tế 1966.

Tờ Post Dispatch cho đăng trên những người không thăm thuận, những khuyết điểm của Salisbury gồm có hai chỗ: một là từ Hà Nội gửi tin đi cho biết số thiệt hại nhân mạng, nhưng ký giả lại không cho biết nguồn tin xuất xứ từ đâu hai là Salisbury viết rằng Bộ Quốc phòng Mỹ không ghi Nam định vào sổ những mục trên để oanh tạc và điều này không đúng sự thật vì Bộ quốc phòng Mỹ đã loan tin ba lần.

John Hngheo 37 tuổi, vào nghề năm 16 là người Anh nhập tịch dân Mỹ hiện ngụ tại Hương Cảng, nhưng làm thông tin viên cho tờ The Christian Science Monitor cho toàn cõi Đông Nam Á Hughes được tin trúng giải giữa lúc anh dứt cho đứa con trai 2 tuổi ăn sáng. Anh đã tuyên bố:

Tôi được giải một phần là nhờ tờ báo của tôi để cho tôi tự do hành động, muốn đi đâu thì đi, lúc nào cũng được.

Lúc biến cố xảy ra ở Indonesia thì Hughes là ký giả Mỹ duy nhất ở tại chỗ.

Gene Miller 38 tuổi, đoạt giải về phóng sự địa phương nhờ loạt bài điều tra về án mạng đã giúp cho hai người hàm oan khỏi bị án tù chung thân. Miller được tin mình trúng giải Pulitzer, đã tuyên bố:

Tôi mong rằng tất cả các báo sẽ làm tin cảnh sát một cách đúng đắn và nhờ đó sẽ có thêm nhiều người khỏi bị hàm oan.

Về phần Salisbury thì đã tuyên bố một cách tự an ủi:

Tôi đặt ý kiến bộ biên tập Nữ. Ước thời báo tìm ý kiến của bất cứ người nào trong ban chấm thi. Tôi cho việc báo tôi tán thành bài của tôi là quan trọng hơn giải Pulitzer và quan trọng hơn bất cứ cái gì khác.

Dư luận bên ngoài thì cho rằng vấn đề chánh sách Vietnam của chánh phủ Johnson đóng một vai trò quan trọng trong việc cấp giải này, vì ai cũng biết rằng lập trường của Nữ Ước thời báo thì chống chiến tranh, mà nhiều tờ báo khác có đại diện trong hội đồng cổ vấn giải Pulitzer lại ủng hộ chánh phủ Johnson.

Danh sách các giải thưởng Pulitzer 1966.

Báo The Lanouisville Conrier-zourual và báo The Milwaukee zournal vì có công phục vụ quần chúng.

Tuồng « A dellicato balance » của Edward Al bee đoạt giải bi kịch (giải thứ nhì được cấp trong 5 năm sau này).

Quyển The Fixer của Bernard Malannd đoạt giải về loại giả tưởng.

Quyển Mr clemens and Merk Twain của Fustin Kaplin đoạt giải về loại tiểu sử.

Các giải về lại báo chí:

Robert V. Cox của báo Chamberburg Peumsylvania Public Opinion đoạt giải về phóng sự địa phương.

Gene Miller của báo Miami Herald cũng về phóng sự địa phương.

Stanley Penn và Monroe Karmin của báo Wall Street Journal đoạt giải về phóng sự quốc gia.

R. John Hugnes của báo The Clyrislan Science Monitor đoạt giải về phóng sự quốc tế.

Eugene Patterson của báo Atlanta constitution đoạt giải về xã luận.

Patrick B. Oliphant của báo Denver Post đoạt giải về hi họa chính trị.

Jack R. Thorwell của thông tấn xã Associated Press về ảnh thời sự.

Quyển Exploration and Empire của William H. Goettmann đoạt giải về sử ký.

Ann Sexton đoạt giải về thơ.

David Brion-Davis đoạt giải về chuyện tổng quát không giả tưởng.

Leon Kirchner đoạt giải về nhạc.

Trở về bi kịch và nhạc, tất cả những bài được giải đều đã viết hoặc làm và đăng trong năm 1966.

• Đại Hội các nhà văn Nga Xô 1967

Ngày 22-5-67 các nhà văn Nga Xô đến gặp nhau tại điện Cẩm Linh để thảo luận về văn chương Nga Xô, nhân cuộc kỷ niệm 50 năm cách mạng Nga Xô.

Hơn 500 nhân viên phái đoàn đại diện 6567 đoàn viên của Hiệp hội các nhà văn Nga Xô đã thảo luận một tuần về các mục tiêu văn chương trong nửa thế kỷ của chủ nghĩa cộng sản Nga Xô.

Nhiều nhà văn ngoại quốc từ Đông sang Tây đã tham dự đại hội các nhà văn Nga Xô kỳ thứ 4, tuy nhiên một số nhà văn nổi tiếng tại Tây phương đã từ chối lời mời đến dự đại hội trên.

Kịch tác gia Lilian Hellman là người Mỹ duy nhất đã dự đại hội. Người ta cũng cho biết nhà thơ Louis Aragon (Pháp) và triết gia hiện sinh Jean Paul Sartre đã tẩy chay đại hội vì hai người này phản đối cách cư xử của Nga Xô đối với các nhà văn.

Như người ta đã biết nhà thơ Aragon là một trí thức gia Cộng Sản nổi tiếng và triết gia Sartre trước đây đã cực lực lên án vụ ra tòa và buộc tội hai nhà văn Nga Xô hồi năm ngoái là Andrei Sinyavsky và Yuli Daniel (1)

(1) Đọc vụ án Văn Học Liên xô 1956 đã đăng trong Văn Học từ số 72-

Hai nhà văn Nga Sô Sinyavsky và Daniel đã bị đưa vào các trại lao tác vì họ xuất bản các tác phẩm tiểu thuyết chống Nga Sô tại ngoại quốc.

Một nhà văn nổi tiếng khác tại đại hội là tiểu thuyết gia Nga Sô Ilya Ehrenburg, 76 tuổi, người đã công du Ý để diễn thuyết trong 9 tháng trời.

Đại hội các nhà văn Nga Sô là đưa con tư tưởng mà văn hào quá cố Maxime Gorky và người đã tổ chức đại hội các nhà văn Nga Sô kỳ thứ nhất.

Văn hào Gorky cũng là người tìm ra khái niệm về hiện thực xã hội chủ nghĩa (Socialist realism) và khái niệm đó đã trở thành khái niệm căn bản của nghệ thuật Nga sô.

Nhà thơ kiêm tiểu thuyết gia Nga sô quá cố là Boris Pasternak và nhiều nhà văn lão thành vô sản khác như Nikolai Bukharin, từng hoạt động tích cực tại đại hội các nhà văn Nga sô kỳ thứ nhất.

Các cuộc thanh trừng dưới triều đại Staline đã khủng bố các nhà văn Nga sô và đại hội kỳ nhì đã không tổ chức được cho đến 1954, năm mà Josef Staline tạ thế.

Tại đại hội các nhà văn Nga sô hồi năm 1954, các nhà văn bảo thủ do tiểu thuyết gia Mikhail Sholokhov (được giải thưởng văn chương Nobel gần đây) đã cố vạch trần các khuynh hướng về vấn đề tự do và bất mãn trong văn chương Nga sô. Tại đại hội các nhà văn Nga sô kỳ III năm 1959, Thủ tướng Nga sô Nikita Khrushchev đã hứa can thiệp tối thiểu cho các nhà văn và đã ngỏ ý với họ là họ nên thiết lập một chân đứng vững vàng giữa họ với nhau.

Tuy nhiên vào năm 1962-1963, Thủ tướng Khrushchev đã phát động một chiến dịch giân dũ nhằm loại trừ các nhà văn Ehrenburg, Tverdovsky, nhà thơ Yevtushenko và nhà thơ Voznesendky. Các nỗ lực của Khrushchev thất bại và sự bất

mãn trong giới văn nghệ sĩ Nga số chớm nở. Những người kế vị Khrushchev đã cố gắng thực hiện một chính sách trung lập trong địa hạt văn hóa cũng như trong địa hạt kinh tế. Họ đã hạn chế việc đề ra các luật lệ bất di dịch để hướng dẫn các nghệ sĩ và các nhà văn.

Đại hội các nhà văn Nga số vào kỳ này trừ liệu không đưa ra bất cứ sự thay đổi quan trọng nào trong việc vạch đường lối cho văn chương Nga số, hoặc là hướng về đường lối bảo thủ hoặc tự do.

Theo nhà thơ Nikolai Tikhonov lãnh tụ của hiệp hội các nhà văn Nga số, thì vấn đề chính đem ra thảo luận là văn chương Nga số ngày nay như thế nào và liệu văn chương hiện đại Nga số có tiến triển hay không?

• Nữ sĩ Pearl Buck với đứa con cô

Nữ văn sĩ Pearl Buck (Huê kỳ), giải thưởng văn chương Nobel 1938, nổi danh vì các tác phẩm về Trung Hoa, hôm chúa nhật 21-5-67 bà đã quyết định và loan báo: dành phần gia tài riêng của bà cho các đứa con hoang Á châu, sanh từ các cha hoặc mẹ người Huê kỳ.

Theo bà Buck cho biết gia tài của bà liền lên đến khoảng 6 triệu Mỹ kim cùng các bản quyền tác giả của bà, sẽ được trao lại cho một tổ chức từ thiện mang tên bà. Tổ chức này sẽ lo về các đứa trẻ bất hạnh ra đời giữa cảnh chiến tranh.

Mặt khác bà cũng cho biết là bà sẽ du hành Á châu sau khi ăn mừng sinh nhật thứ 75 của bà. Hiện bà đã có 10 đứa con trong đó 9 đứa con nuôi ra đời tại Á châu, từ các người cha Huê kỳ vô danh.

Và hôm thứ sáu 22-5-67 Bà đã tới Hàn thành để thiết lập một trung tâm tiếp máu hỗn hợp cho trẻ em Đại hàn và mẹ trung tâm tương tự ở Nhật bản, đảo Xung Thắng, Phi luật Tân và Nam Việt nam với số tiền hơn một triệu Mỹ kim của bà đóng góp.

CÁC CHỨNG BỆNH VỀ TIM

Đau tim, lờn tim, yếu tim xây xâm choáng váng, mệt
ngất, mất ngủ, đồ mồ hôi, hay giựt mình, hoảng hốt, thần
kinh bất an dùng:

Thuốc tim TÂM CHI BỬU (La Vạn Linh)

TRONG THỜI KỲ THAI NGHÉN

để bồi dưỡng cho qui Bà được khoẻ khoắn, ngủ yên; Ăn
ngon và trị các chứng ứa mửa, mệt nhọc, bòn thai trắng,
đau lưng qui bà dùng thuốc: **DƯỠNG THAI CHI BỬU (La
Vạn Linh)** đến ngày sanh mau, em bé cứng mạnh (có bán ở
các tiệm thuốc Bắc).

Tổng phát hành: số 532 Đồng Khánh - CHOLON
(K.N. số 606.610-N. 18-12-62)

Cơ thể bải hoải, thận yếu

Hay đái đêm, nhừc đầu mệt mỏi, đau lưng, di mộng
huyệt tinh sinh lực suy kém, dùng thuốc bổ thận:

THẬN-TRUNG-BỬU

LA-VẠN-LINH

CÁC CHỨNG BỆNH

Tê thấp, đau xương, nhừc
gân, tê bại, oải gân, đi
dừng khó khăn, ngoài da
tê lạnh, tê đầu ngón tay
ngón chơn, tê rần nửa thân mình, đau lưng nhừc mỏi. Già
cả ban đêm đau mình khó ngủ các chứng phong thấp nên
dùng thuốc:

HOÀN-KIỆN-ĐƠN

(2 loại: hoàn mật và ngâm rượu)

LA-VẠN-LINH
(có để bán ở các tiệm thuốc Bắc)

số 532, Đồng Khánh - CHOLON

Tổng phát hành:

K. N. số 605.608 N. 18-12-63

ĐÃ PHÁT HÀNH :

CHÂN CẦU SÓNG VỖ

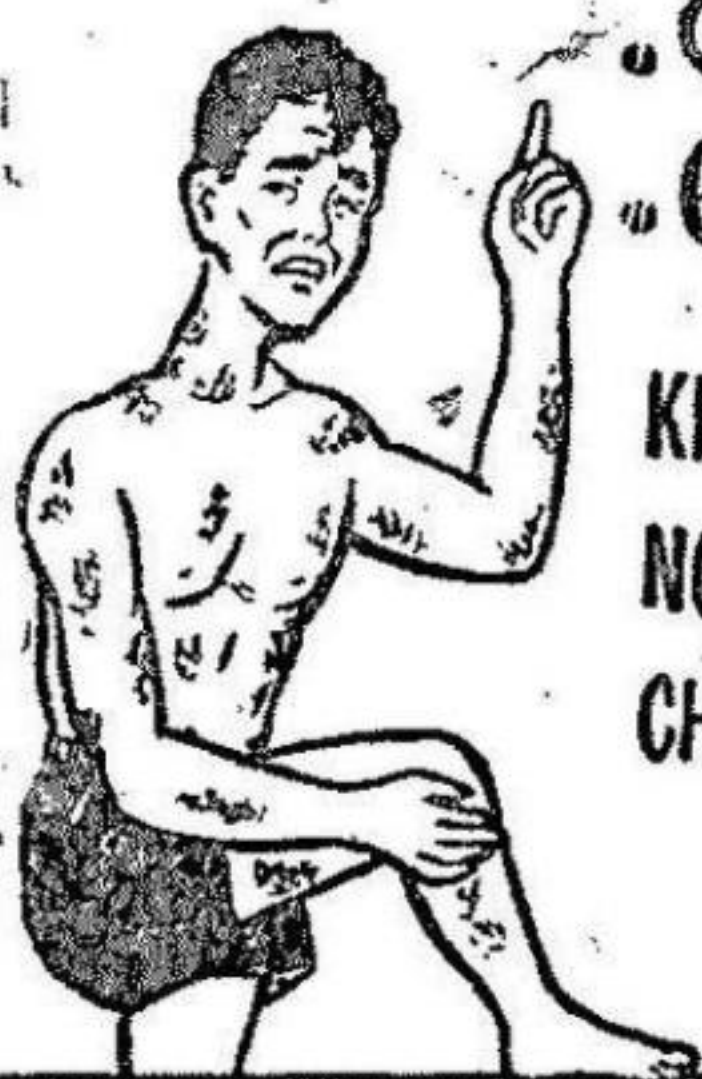
thơ của HÀ NGUYỄN THẠCH

biên Nguyễn Trung

phụ bản Hoàng ngọc Biên, Nguyễn Khai, Nguyễn Quỳnh

NGƯỠNG CỬA xuất bản

PHÒNG NGỪA



“GHẺ CHÓC, LỖ LỎI
GÃI TÔI ĐAU, ẺN LAN TỚI ĐÓ

KHÔNG PHẢI THOA PHẾT SƠ SÀI
NGOÀI DA MÀ HẾT, DẦU CỎ HẾT
CHỖ NÀY CŨNG LỖ LẠI CHỖ KIA..

NÊN UỐNG

GIẢI PHÓNG

SÁT-ĐỘC-HOÀN ÔNG-TIỀN

30 NĂM DANH TIẾNG

NHÀ THUỐC ÔNG-TIỀN
PHỐ LÂM
CHOLON
KH. B.Y.T
SỐ
16-21-8-62

HỎI CÁC TIỆM THUỐC HOA VIỆT SAIGON: 228. LÊ THANH TÔN

Văn HỌC hộp thư

Thư văn đã nhận được và đọc cùng quý bạn :

Lăng Du, Nguyễn Bạch Dương, Tần Vy, Trần phương Thảo
Mù Sa, Mây viễn Xứ, Thái Tử Tấn, Lê Trường Lưu, Thái Tú
Hạp, H. Tịnh, Phi Hùng, Tôn Nữ Quỳnh Lan, Nguyễn Vĩnh Đan,
Trương văn Tôn, Tô thị ngọc Nga, Vương duy Hải. Đã đọc
và mong những sáng tác mới toàn hảo cảm ơn.

Các bạn L.N.V, C. Ng Nh, Lê T L, H.M.D. Đang đọc bài của
các bạn cảm ơn nhiều vì còn nhớ tới V.H sau những tháng V.H
đình trệ. Mong liên lạc để xây dựng cho V.H lớn mạnh.

Ông Nguyễn Ngọc Hạnh (Đồ Bàn) Muốn viết thư cho Trang
Châu xin gửi về tòa soạn chúng tôi sẽ chuyển tới.

Ông Nguyễn Trung Quang (Phan Thiết) V.H số ông hỏi
mua hiện còn. Giá 1000 đồng và 30 cước phi. Sẽ gửi tới ông
khi ông gửi tiền vào tòa soạn. Cảm tạ.

Bạn Hoàng Trọng Hứa, (Phan Rang) đang đọc truyện của
Bạn Hy vọng chọn đăng. Cảm ơn.

Các bạn văn ở Huế. Đã nhận được đầy đủ thư và bài của
các bạn sẽ chọn để đăng dần. Cảm ơn về sự theo dõi liên tục
V.H sau mấy tháng đình trệ. Mong liên lạc thường xuyên.

Cô Tôn Nữ Huyền Trang (Huế) Tôi đã chuyển thư cô
tới tác giả đó. Sách bán chạy nhất trong năm 1966 là cuốn Le
Petit Larousse bán tới 1.579.000 cuốn và cuốn La Peste (Dịch
hạch) bán 1.100.000 cuốn. Nhà văn được giải thưởng Nobel 1901
là Sully Prudhomme (Pháp).

SÁCH,

Tòa soạn đã nhận được nhà xuất bản vừa gửi tặng

Học báo Tự học Anh ngữ gửi tặng. Loại học luyện Từ nhóm giáo sư biên soạn theo mới, được trích lục từ nhiều gồm 52 trang giá 16\$.

Gió muối cát bay hay tru xuất bản. Tiểu thuyết của m

Cộng sản và tôn giáo V do tác giả xuất bản. Loại sách cần tìm hiểu. Giá bán 120\$.

10 hoa trở sắc tuyển t Nguyễn thị Vinh, Linh Bảo, M Vân Trang, Hoàng Hương Trá Thủy Vũ, Thúc Liên, Sách do

Bảng lược đồ văn học V Trình bày xuất bản. Quyển (từ thế kỷ đến 1862) sách

Việtnam Criss do Steph biên soạn và Trung Tâm báo bản. Một tài liệu xác thực nay mà tác giả đã tham dự Cộng sản tác giả đã am trư quốc. Tác phẩm do L.M.R Je

Tuần báo Tao Đàn do F giá bán 10\$. Tuần báo độc n trong và ngoài nước với s tuổi.

Nhật ký của Anne Tran bản in đẹp và được nhiều

BÁO MỚI

những được tác phẩm do tác giả
g :

ở số 1 và 2 do nhà xuất bản ABC
Tài và bằng Cambridge do một
một phương pháp cấp tiến rất
sách giáo khoa Anh. Mỹ sách

uyện dài của Nguyễn Ái Lữ, Trang
một nhà văn quen biết, giá bán 60\$.

V.N biên soạn của Hoàng Phương
ch chống Cộng mà các tôn giáo

ập, truyện của 10 nữ sĩ V.N
Đức Hoài Trinh, Trùng Dương,
ng, Minh Quân, Phương Khanh,
Ngọc Minh xuất bản. giá bán 110\$.

V.N do L M Thanh Lãng biên soạn,
thượng: Nền văn học cổ điển
dày 900 trang giá 360\$.

en Pan, Ph.D Daniel Lyons S.f
chí Thái Bình Dương Tự do xuất
về chính trị Việt Nam từ 1954 đến
hoặc chứng kiến, nhất là chế độ
ong. Sách bán 75 cent tại ngoại
aghel gửi tặng.

Đinh Hùng và Hồ Đức chủ biên
hất tại V.N chuyên về thi ca
cộng tác của nhiều thi hữu tên

ck, An Tiêm xuất bản. ịch tái
đọc giả ưa thích.